

SỐ 1805

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KÝ

*Đời Đại Tổng, Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư hàng soạn*

## QUYỂN THƯỢNG (PHẦN 1 - THƯỢNG)

Người xuất gia thọ giới làm thể, nhóm họp các pháp ở nơi thân, hành phải y cứ nơi thể mà tu, nên gọi là tùy hạnh nơi thân xứng pháp mà hành động, cho nên thật gọi là pháp thân, thật do phát thú có tông chỉ nương nơi người mà được.

Nhất thức nguyên minh rất đổi cấu sạch, trôi lăn biến đổi theo duyên, chạm vật sinh tình, theo vọng khởi nghiệp, bị ràng buộc vào ngục các cõi, chịu muôn hình muôn trạng, nhiều kiếp nổi chìm đâu có ngừng dứt. Cho nên Như lai của ta nương đạo chân thật mở môn Đại từ, toan cứu tận nguồn khổ, chế giới trước tiên để dứt trừ lậu nghiệp, ví như muốn đốn cây thì trước phải mé nhánh, đâu chỉ trái không chỗ nương mà cội gốc lẫn hồi mục nát. Tỳ-ni làm giáo nên đặt ở cây để hàng phục uẩn kết của mình, năm tông Trung Thiên tranh nhau diễn bày, dịch truyền Đông Hạ, riêng hoằng Tứ Phần, tuy chín đời nối nhau mà sáu Sư lại khác, Tổ sư của ta chỉ bày giống như bốn y, đau xót ra sức nâng đỡ sự nghiêng đổ, là Như lai khiến rủ lòng từ làm phép tắc, làm Đạo sư cho chúng sinh. Ban đầu làm văn này gồm giúp chúng lúc bấy giờ, đâu không phải năm thừa đều tiết chế, bày chúng đồng thấm nhuần. Nghi thức nhiếp tăng hộ pháp rộng nêu giềng mối quan trọng, hằng ngày cần đó để làm phép tắc, cho nên nhiều đời quý trọng để làm

sự dạy dỗ lớn, cho nên lý rất sâu kín, thảo luận mới rõ được môn kia, sự loại dây đặc, bàn nói hoặc dụng lầm sót, do đây nghiên cứu tường tận có thể chẳng sâu tầm xưa nay, đem hết chỗ thấy nghe để đầy đủ mở văn chương, tôn trọng vâng theo ý chỉ hành sự, nên đề là “Tư Trì”. Không trái tông chỉ của ba hạnh, buộc mở cốt lõi, bởi do một bộ gồm quy ba hạnh, ba hạnh không vượt hai trì. Khoa giải thích văn ngôn quý ở chỗ rất rõ pháp tướng, cân lường việc dùng, quở trách khiến vâng lãnh nhận theo, ở đây thì giáo hạnh đều mở mang để mình và người đều được lợi. Đầu đề một phen nêu ý toàn chương, chỉ do Thánh trí rộng thông, phạm tình quê mùa kém cõi, dùng chiếc thìa nhỏ để lường nước biển cả, ném đất lấp sông thật là hổ thẹn không biết đo lường sức kia, cách thực hiện của Tổ đức có chút phù hợp với túc tâm, ngộ hầu thường lưu thông để mong giúp đỡ trong muôn một.

Xem qua các tác phẩm từ xưa có hơn năm mươi nhà đều cho bộ Thi Nam là xứng tận cùng lý, nhưng nay chỗ tu tập hơi khác sự truyền xưa, cho nên đầu quyển lược nêu năm điều: 1- Định ra Tông chỉ. 2- Gọi giải thích giáo. 3- Tựa dẫn dụng. 4- Nói về phá lập. 5- Trình bày chỗ thiếu sót, nghi ngờ.

**Một là:** Định ra tông chỉ: Ba tạng chia tông chỗ tuyên bày thành khác, y cứ vào hạnh thì tuy chung cả gồm giúp. Đối với giáo đều có giữ gìn, trí tuệ xưa cũ chưa rõ vốn nhiều xen lạ, rộng bàn luận học làm loạn luật thừa, (tức Tăng Huy v.v... theo văn giải thích, Niết-bàn, Tứ quả, v.v... đều y pháp tướng rộng phân biệt chương môn). Huống chi luận đã dẫn phần nhiều nương Câu-xá, Bà-sa, bởi dùng thật tông giải thích giả bộ ngày nay, có thể cho rằng cốt tủy của tông điên đảo, lý vị thiếu vắng, đến đổi khiến đời sau xem đọc luống phí thời giờ. Hổ thẹn sự truyền thừa gìn giữ, nghĩa phải sửa chánh, cho nên nay nói giáo thì chỉ quy Luật tạng, nói hạnh thì chuyên y cứ khoa giới, giải quyết khinh trọng trì phạm, xây dựng phép tắc trong tăng tông, đây là chánh tông, còn bao nhiêu là nhánh nhóc. Còn e chuyên một góc lại cần chứng minh, trong giới Đại vọng của giới sơ bác bỏ xưa rằng: “Có người y giải thích nghĩa chương ngang dọc trái qua ngày khác, ý đã sai biệt”. Nêu tông để rõ trì phạm là chính, còn bao nhiêu tùy luật lược qua, biết danh tướng mà thôi. Các Kinh sư, Luận sư tự chia tông thể, các tông kia còn không hiểu luật hình, đây biết rộng các học phái khác, dù trước có nghe cũng không được nói lại, phí thời giờ càng thêm vô ích. Đối với tự tông còn khốn đốn chưa nghe, huống chi các kinh luận do đâu mà nói hết, có thể gọi là không biết phần lượng, phút chốc chết đi đâu chẳng bày bộn

nhiều việc, xin xét văn đây đủ làm gương soi, phải nên xét lại, chớ để sự tình tiêu tan như băng.

**Thư hai là:** Biện giáo: giáo là dùng tuyên biểu làm công lao, tùy cơ làm dụng, tuy rộng mở cửa lớn nhỏ mà phép tắc không sai, tuy định ra khuôn mẫu mà nhiếp hết chúng sinh, viên âm tùy các cơ mà ứng, tình lự thì khó cầu. Vả lại nương nghiệp sơ ba tông để bày chỗ phán của một nhà, nhưng giáo do thể lập, thể tức là nguồn của giáo, cho nên phải y cứ vào thể dụng để chia giáo tương.

1- Tông Thật pháp: Tức Tát-Bà-Đa Bộ, tông kia rõ thể thì đồng quy về sắc tụ, tùy hạnh thì chỉ ngăn bảy chi. Hình, thân, khẩu, sắc thành phương tiện xa, đây tức nên xếp vào Tiểu thừa giáo.

2- Tông Giả danh: Tức là Đàm-Vô-Đức Bộ, tông này nói về thể thì gương gọi hai “phi”, theo giới thì mười nghiệp đồng nhau, lại duyên suy nghĩ hiểu biết liền vào khoa phạm, đó gọi là quá phần Tiểu thừa giáo.

3- Tông Viên giáo: Thâm buông vọng tâm liền thành nghiệp hạnh, đây gọi là Đại thừa giáo cuối cùng.

Nay Tứ Phần chánh phải Giả tông, sâu có công năng gồm cạn, cho nên lấy bên Hữu bộ dạy nghĩa uẩn chia thông, cuối cùng hội về Viên thừa, đây thì lớn, nhỏ, thông, bí, giả, thật, cạn, sâu, một đời mạnh mẽ tuyên bày rõ ràng dễ thấy.

**Thư ba là:** Dẫn dụng: từ xưa dẫn văn phần nhiều không có cách thức, hoặc toàn chép kinh luận, hoặc ghi đủ Tổ truyền thừa, hoặc nêu nhiều sách Nho, hoặc phần nhiều giải thích theo chữ, đã trái ý chỉ văn sao, thật làm uế bản Chân tông. Nay ý còn chia làm ba thứ khác nhau:

1- Dùng ba tạng, ý thánh giáo quá dồi dào chưa thể đủ mở. Sự sao lập đề nhiếp cốt yếu làm gốc, cho nên dưới bài tựa nói rằng: “Văn từ ngoài không hết, hẳn muốn tìm ngọn kia, thì chẳng phải ý của người sao. Nay hoặc nói rõ chỗ ẩn kín, hoặc đáp hiệu sai xa, đều đủ dẫn chánh văn, vẫn tùy chỗ nhớ mà chú thích, còn những chỗ dễ hiểu thì không ghi rộng.

2- Nói về dùng Tổ dạy: Nghĩa là sơ sao truyền chép bản đồ nghi tập, văn cáo bộ đã rộng, chẳng học thì không biết được. Kia hoặc do sau bỏ trước, hoặc chỉ rộng như kia, hoặc bác bỏ lầm vọng, hoặc hòa hợp đồng khác, các nghĩa chương khác cũng không nêu.

3- Dùng sách đời: Trau chuốt câu văn, trái khoa luật hình, khen ngợi sạch ngoài như kinh có lời răn dạy tội cùng, Tổ thừa có dùng nghĩa không luống uổng, hoặc nêu việc đời so sánh với đạo, hoặc lại dùng

nghĩa giúp văn, đâu được chuyên việc phù hoa lẫn lộn đồng hóa với thế luận. Nay hoặc thế lời nói hợp nhau, hoặc mượn dùng văn kia, nhưng chỉ nhiếp cốt yếu để chỉ bày, khiến biết chỗ xuất xứ và chữ luận thể nó phần nhiều theo nghĩa dạy dỗ, lại thông các kinh điển, không cần chỉ y cứ chữ viết.

**Thứ tư:** Phá lập: Lòng từ dạy dỗ xa lưu truyền các mê mờ, xét giáo nghĩa thì giềng mối đều mất, theo danh tướng thì được mất xen bày, hấn quanh co mà phản đối thì thành uổng phí, nếu không bỏ mà không nêu thì người lắm nhiều nhánh nhóc, đến đối đại nghĩa bị ngăn ngại, hoặc lại chấp khác khó đối, chỉ tùy văn lược bày, giúp lý có chỗ quay về, theo việc tranh hơn rất trái với ý ở đây.

**Thứ năm:** Thiếu sót nghi ngờ: Đại thể của sao này từ ngữ đơn giản, mà sự trùm khắp, người biết cạn nghe ít mà hiểu hết được, e sự truyền thừa, hoặc sao chép trái với chân, hoặc nghiệm xét chưa thông, hoặc tìm hiểu chưa được nghĩa, chẳng phải tuồng bụng, đều là như thiếu, hoặc chỉ nêu là chưa rõ, hoặc đều giữ các thuyết, hoặc dự định tìm văn y cứ, hoặc đợi sau giảng lại, bởi vâng theo lời dạy của Thánh luận, suy tìm cội gốc, hoặc lại nương lời Tổ dạy mà bỏ lệ trước, xem năm điều này, lại nêu năm điều khác, rộng như sau.

## GIẢI THÍCH TỰA ĐỀ

Tứ phần: Là tên riêng của năm bộ, hiệu chung của một tông, theo mấy đoạn liền dùng làm đề mục. Phiên dịch thì ở Trung Hoa gồm có sáu mươi quyển, người mới học phần nhiều mờ mịt nên phải dẫn bày.

- Phần thứ nhất có hai mươi quyển. (từ quyển tựa đến quyển thứ hai mươi là giới bốn Tỳ-kheo)

- Phần thứ hai có mười lăm quyển. (từ quyển hai mươi một đến quyển hai mươi tám là tám quyển giới bốn Tỳ-kheo-ni).

- Một, là Kiên-độ thọ giới. (từ quyển hai mươi chín đến quyển ba mươi ba là năm quyển. Kiên-độ là tiếng Phạm, Hán dịch là Pháp tụ, tức là tên thiên phẩm)

- Hai, Kiên-độ thuyết giới. (quyển ba mươi bốn, ba mươi lăm hai Kiên-độ này ở cuối phần thứ hai)

- Phần thứ ba: Có mười bốn quyển, gồm có mười sáu kiên độ:

- Ba, Kiên-độ An cư (quyển ba mươi sáu)

- Bốn, Kiên-độ Tự-tứ (quyển ba mươi bảy)

- Năm, Kiên-độ Bì cách (quyển ba mươi tám)

- Sáu, Kiên-độ y (quyển ba mươi chín và bốn mươi)

- Bảy, Kiên-độ thuốc (quyển bốn mươi một và nửa trước của quyển bốn mươi hai)
- Tám, Kiên-độ y Ca-hy-na (nửa quyển sau của quyển bốn mươi hai)
- Chín, Kiên-độ Câu-Diệm-Di (nửa trước quyển bốn mươi ba, dùng tên nước làm tên)
- Mười, Kiên-độ Chiêm-ba (nửa sau quyển bốn mươi ba, lấy tên thành làm tên)
- Mười một, Kiên-độ quả trách (quyển bốn mươi bốn)
- Mười hai, Kiên-độ người (nửa trước quyển bốn mươi lăm)
- Mười ba, Kiên-độ Phú tàng (nửa sau quyển bốn mươi sáu)
- Mười bốn, Kiên-độ ngăn (nửa trước quyển bốn mươi sáu)
- Mười lăm, Kiên-độ Phá tăng (nửa sau quyển bốn mươi sáu)
- Mười sáu, Kiên-độ Diệt tránh (quyển bốn mươi bảy)
- Mười bảy, Kiên-độ Ni (quyển bốn mươi tám)
- Mười tám, Kiên-độ Pháp (quyển bốn mươi chín)
- Phầnbốn: Có mười một quyển (trước có hai Kiên-độ, và bốn đoạn kết tập sau như v.v...)
- Mười chín, Kiên-độ phòng xá (quyển năm mươi)
- Hai mươi, Kiên-độ tạp (quyển năm mươi một, năm mươi một, năm mươi ba. Giới Sở nói “Hai mươi Kiên-độ chia làm ba phần là ở đây”)
- Năm trăm kết tập (nửa trước quyển năm mươi bốn)
- Bảy trăm kết tập (nửa quyển sau quyển năm mươi bốn)
- Điều bộ Tỳ-ni (quyển năm mươi lăm, năm mươi sáu, và năm mươi bảy, ba quyển)
- Tỳ-ni Tăng Nhất (ba quyển từ quyển năm mươi tám đến sáu mươi)

Do pháp của bậc Thánh Tôn ở trong bộ căn bốn, tùy chỗ ưa thích của mình mà gộp nhặt thành văn, tùy chỗ nói ngăn liền làm một phần, hễ trải qua bốn lần mới thành một bộ, nên gọi là Tứ Phần, chẳng phải đồng với văn phán của Chương Sở Ước Nghĩa, cho nên Nghiệp Sở chép: “Tứ Phần tức là nói số đoạn bài này (đoạn trên tự nói rằng “chỉ”). Giới Sở chép: “Bốn độ truyền văn đều đã nêu tướng”, đây y cứ theo thuyết đó chỗ đến chẳng phải nghĩa phán.

Hai mươi Kiên-độ chia làm ba phần, có thể là nghĩa khai chăng? Hỏi: Giáo phải truyền bá ở cõi này, bốn luật đã phiên dịch (bốn, năm mươi tờ), Tổ Sư vì sao chỉ tôn sùng Tứ phần?

Đáp: Cõi này (Trung Hoa) duyên thọ giới mới theo Tứ phần, các bộ tuy dịch chưa nghe y dụng.

Nghiệp Sở chép: Thần Châu Nhất Thống y cứ Thọ đều tụng văn Tứ Phần, nay chỗ giải thích y cứ thọ mà nói tùy, cho nên lập một bộ để làm bổn tông. Sau nói rằng: “Nay phán trì phạm kia lại y cứ thể thọ kia, ý này đã rõ”. (Tam Tạng Nghĩa Tịnh, trái với tông Hữu Bộ, không thể nhận được ý này).

Hỏi: Có dẫn nhân pháp, có các văn như tựa, v.v... mà nói rằng “Tứ Phần bộ hơn nghĩa kia là sao?

Đáp: Điều là nghĩa này, hẳn y theo luật Thập Tụng mà thọ giới, có thể do bộ kém mà tôn sùng Tứ Phần ư? Phần tựa rõ hơn kém làm chương bộ để tính cạn sâu, đến môn thứ ba mới nói về chỗ y cứ giáo phán.

Hỏi: Vả lại y cứ vào nay phiên dịch gồm sáu mươi quyển, bốn tiếng Phạm vẫn nhiều, làm sao bốn độ tụng trọn một tạng.

Đáp: Chẳng phải cho là một tòa tên là một độ, bởi lấy một thời kỳ không nhất định làm hạn, tùy tập đến chỗ cuối cùng lại tan, thành một độ, như vậy đến bốn lần một bộ mới xong, luật Ngũ Phần, luật Thập Tụng phần lớn đồng với ở đây. Chỉ xong một hạ của Luật Bát Thập tụng, lấy đó làm đề mục, tùy thời lập riêng chưa thể thống nhất.

Luật: Tiếng Phạm là Tỳ-ni, Hán dịch là Xưng Luật. Nay y cứ giới số tổng quát các văn không ngoài ba nghĩa:

1- Nói Luật là pháp. Y theo giáo làm tên, chia ra trọng khinh, khai, già, trì, phạm, phi pháp, bất định. Văn sau nói rằng: “Lại như pháp thế gian y cứ vào hình phạt mà đặt ra pháp chế, thì pháp trong đạo cũng như vậy, y theo cội gốc giáo pháp đều có khác nhau, không thể trái vượt nên gọi đó là Pháp.

2- Nói luật là phần. Nghĩa là phải bàn bạc y cứ theo lượng, có sai khác như khí phần luật, Lữ (một năm có mười hai tháng, gặp nửa tháng thuộc dương gọi là luật, nửa tháng thuộc âm gọi là Lữ. Một Lữ một Luật chia thành hai khí có hai mươi bốn khí).

Lại nói rằng: “Giáo tướng đã nói trọn bốn chữ này, đó là phạm, không phạm, khinh và trọng”. Nếu hiểu thông bốn chữ quyết không nghi thì là cùng tội của thượng phẩm trì luật, thế nào gọi là cảnh và duyên phạm đầy đủ? Thế nào gọi là không phạm khởi đối trị? Thế nào gọi là nhân khinh quả nhỏ, thế nào gọi là nhân trọng quả lớn. Nhưng bốn tướng này chẳng phải luật không phân, trì phạm không quá lạm, có đồng khí gì.

3- Chữ Luật có đặt duật duật là bút (nước Sở gọi là Duật, đời Tần gọi là bút, xuất xứ từ trong Tự Thơ Chú). Phải xét giáo nghiệm tình ở đầu ngọn bút. Lại nói rằng: Xét xử quyết ở chánh, chẳng phải bút không định.

Hỏi: Như ba nghĩa trên dùng cái gì để chia?

Đáp: Cả ba đều so với pháp thế gian để tìm lấy tên. Giáo tuyên định kiểu mẫu tức là nghĩa pháp, chia ra khinh, trọng, tức nghĩa phân, gặp việc phán quyết tức là nghĩa bút, đủ ba nghĩa này gọi là Luật. Còn bao nhiêu đều giải thích, phiên dịch rộng trong quyển trung.

San phiên bổ khuyết: San nghĩa là cắt gọt, bỏ bớt chỗ rườm rà. Bổ nghĩa là thêm vào chỗ chưa đủ. Người đời phần nhiều không hiểu cho nên cần giải thích, liền chia làm hai:

1- San phiên: Từ xưa truyền luật, tình kiến khác nhau, hoặc sơ hoặc sao có hơn mười nhà mà truyền trao bằng miệng chẳng phải một hai nhà. Hễ giải thích một việc có rất nhiều đường, quyết thêm cho đủ mà trích dẫn đó thì che lấp hành sự, chỉ thẳng với chánh nghĩa còn bao nhiêu đều trừ bỏ, chỉ dùng một lời nêu phá, như nói rằng: “Không đồng giải thích ở trước vì các thuyết không giống, nghĩa khác bỏ đó vì giải xưa nhiều đường”. Nay dùng lời nêu phá gọi là năng san thuộc chữ san, cắt bỏ các thuyết đều gọi chỗ san, thuộc chữ phần, y cứ nghĩa chứng ở trên lại cần văn chứng minh. Sao Hưng ý chép: “Mỗi chỗ trích dẫn trước lại xem xét, sau một việc ý bỏ lập rất nhiều”, các thầy đã giữ chỗ thấy rộng nhiều, nay đều lược bỏ bớt, chỉ giữ các văn chứng, v.v...

Hỏi: Phần có mấy loại?

Đáp: Lược có hai nghĩa:

a- Phiên rộng, tức đã rõ ở trên. Các thầy chỗ thấy biết, đều dứt trừ, như định phương tự nhiên khoảng giữa bảy hàng cây là giới tràng, trước sau trong hạ kiết, giải, thọ nhật hạn định, v.v... và có nhiều thuyết, nay ở trong Sao theo lệ đều không trích dẫn, tức hai số nghĩa sao đã dẫn giải xưa.

b- Phiên lạm, như muốn lời duyên thọ Nhật lại thêm loại xin, nay đều bỏ. Tức thiên yết-ma nói: “Nay muốn lược bỏ lời phù phiếm tuyên bày ý chỉ Thánh”. Lại như lời tri chung thuyết giới, tịnh khẩu, an cư thông tự tứ là sai. Trong thiên Tăng Vãng rộng nêu phi chế, trong thiên Sư Tư vọng hành loại phạt gậy, tức Tăng Vãng nói rằng: “Nay cắt bớt chỗ rườm rà kia, thêm vào chỗ thiếu sót” nếu y văn chữ chính giữ ý trước. Nay lấy lời sau thấy đều gồm thông, dù có nói nhiều cũng không ngoài ý này.



Hỏi: Trên nói cắt bỏ là Luật hay Số?

Đáp: Từ xưa không nói bỏ và lấy hai thứ khác nhau, nay sẽ phân biệt, nghĩa là bốn tông bộ khác kinh luận lớn nhỏ, ở cõi này (Trung Hoa) hay Ấn-độ bậc tiên hiền văn ghi, các nhà Sao, Số, chỉ khiến người sao dẫn ngày nay lấy văn đều thuộc chữ Sao. Còn sự thấy biết của các thầy, hoặc ở bút văn, hoặc truyền miệng, nay Sao không chép. Trừ bỏ đó đều là San, tức thuộc về chữ “San phần”, nên biết nghĩa “San bổ”, văn Sao trước sau hoặc có, đâu được hề thấy dẫn văn xưng là san bổ, truyền cái mê mờ lâu dài về sau, người học cần phải nghiên cứu.

Hỏi: Như giới bốn phần duyên khởi giải thích rộng tướng luật tạng văn rộng, sao này không dẫn há chẳng phải là san luật ư?

Đáp: Luật là Thánh giáo nay nên tôn sùng, chỉ nên lấy văn đâu được cắt bỏ. Một, là văn sau chỉ rộng như luật và Đại số, đâu được không thận trọng chê là nhiều. Hai, là trong Sao Hưng ý chỉ nói là “tình kiến rộng nhiều” chứ không nói “san luật”. Một nhà tôn sùng bộ đều không có lời này, làm sao lại không suy nghĩ vừa thấy liền khinh chê.

Hỏi: Như Thiên “Nhĩ thuyết giới” chép: “Nay lấy hai Sư Phổ Chiếu và Đạo An làm gốc, còn bao nhiêu thì lấy trong “Luật Thành Văn San Bổ” đâu chẳng phải san luật ư?

Đáp: Đây là lời mê muội. Kia vì nghi thức của các Sư xưa có thiếu có dư, nên nương bốn luật san bớt chỗ dư và thêm chỗ kia thiếu, đây là dư thiếu ở bốn của hai Sư, san bổ thuộc cái dụng của người sao lại ngày nay, y cứ đây để nói nghĩa trong Di Chương.

Hỏi: Nếu không san luật thì nên san Số phải chăng?

Đáp: Chỉ là đầu mối khác, hoặc văn hoặc nói đâu hạn cuộc ở Số, còn lấy cốt yếu kia phải thuộc ở Sao, bao nhiêu không dẫn mới gọi là “san phần”, cho nên trong sao hưng ý chỉ nói “tình kiến” chứ không nói “Số Sao”.

2- Nói về bổ khuyết: Từ xưa trì luật hoặc tùy kiến chấp của mình, hoặc im tiếng với giáo bộ, đến lúc hành sự chưa thích hợp thời nghi như xích lượng do-tuần dài ngắn, Yết-ma lớn nhỏ, đều thưa, đọc, vắn hỏi, không giữ hiểu biết. Ngọa cụ chẳng phải thuộc về ba y, chưa dư không khoa giảm lượng, tịnh địa không lập xưng tướng, thất chứng hoàn toàn không có lời thỉnh, các loại này rất nhiều điều thiếu sót. Nay sao y cứ nghĩa, y cứ văn làm cho rõ ràng đầy đủ, cho nên ở sau “Phòng giới Định Xích Lượng” có nói: “Tôi có đến Trung quốc vào đời Tấn, Ngụy và phụ giúp trường luật ở các nơi, thường đến dự tiệc, chí luận về xích đầu phế hưng, chưa hề nói kể cho nên bổ chỗ thiếu sót để phản quang chín đời



(Bản in chép “liền san bổ”, nhưng chưa nói kể há được có san? Nay y theo bốn xưa làm chánh). Nay do việc xưa chưa luận tức là chỗ thêm vào, trong Sao chỗ dẫn văn nghĩa lý có thể thêm.

Hỏi: Bổ khuyết và nghĩa văn sau quyết thông là đồng hay khác?

Đáp: Quyết thông, thông có trước, bổ khuyết cuộc hạn vốn không, còn bao nhiêu như môn thứ năm trong phần tựa nói có.

Hỏi: Tỳ Cơ yết-ma chép: “Luật tạng nghĩa cạn thiếu có sót thêm đó há chẳng phải “bổ” Luật ư?

Đáp: Chính vì luật thiếu, hành sự không khắp, cho nên dẫn văn y cứ theo lệ thêm vào bộ yết-ma kia, còn như văn luật vẫn thiếu lời tựa, đâu hề có thêm.

Hỏi: Nghi Kinh Trọng chép: “San bổ, chương xưa soạn thuật sự sao, đây y cứ san bổ không ở nơi luật, vì sao lại không chấp nhận san bổ chương số?

Đáp: San hay bổ phần nhiều xuất phát từ chương xưa, có thể san, có thể bổ, đều thấy ở sao ngày nay. Nhưng chương số lời thuộc tình kiến nói thông, văn truyền miệng lý đều nhiếp, xin rõ ý sao, chớ đối với sự mà khởi nghi.

Hành Sự: Hành lấy làm lụng, tạo tác làm nghĩa. Sự tức đối với lý bày tên. Nhưng sự tướng nhiều đường, nghĩa cần đón gọn.

a- Dùng sự chung cho thiện ác, đây chỉ là sự thiện.

b- Ngay trong thiện, đón gọn thiện dư thiếu thuộc về giới thiện.

c- Y cứ hai quyển thượng hạ chúng cộng hai hạnh gọi là tác thiện.

Quyển trung, tự hành gọi là Chỉ thiện.

d- Y cứ các thiên, chia nhỏ các sự

\* **Quyển thượng** mười hai thiên nêu tông một thiên khuyên tực hành cả sự. Nhóm tăng về sau có năm sự:

- Thứ nhất: Chúng pháp duyên thành sự (năm thiên nhóm tăng, đủ số, thọ dục, yết-ma, kiết giới)

- Thứ hai: việc khuôn chúng trụ trì (Tăng cương)

- Thứ ba: Tiếp vật đề thâu (thầy trò thọ giới)

- Thứ tư: Việc xem xét thanh tâm (thuyết giới, tự tứ)

- Thứ năm: Việc tịnh duyên sách tấn tu hành (an cư)

\* **Quyển trung** có bốn thiên, hai việc:

- Ban đầu: Việc chuyên tình không phạm (giải thích tướng trì, phạm)

- Hai: Việc phạm rồi mà biết sám hối, thiên sám hối)

\* **Quyển hạ** mười bốn thiên chia làm tám việc:

- Thứ nhất: Việc giúp duyên trong ngoài (hai y, bốn thứ thuốc, bát, đồ dùng)
- Thứ hai: Việc điều tiết thân, lia cấu nhiễm (đối thú tịnh thí, đầu-đà)
- Thứ ba: Việc khiêm cung hạ mình (Tăng tượng)
- Thứ tư: Việc giáo hóa bên ngoài sinh thiện (mới đi dẫn đạo cho người đời)
- Thứ năm: Việc đối đãi với các vị đồng pháp (chủ khách, thăm bệnh, nuôi bệnh)
- Thứ sáu: Việc cần yếu hằng ngày (tạp hạnh)
- Thứ bảy: Việc dạy dỗ dẫn dắt chúng sinh (Sa-di Sa-di-ni)
- Thứ tám: Thông cả các tông khác (các bộ khác)

Đây là chỗ tuyên hành tướng trước sau của một bộ, đều là phương tiện cổ động ba nghiệp từ duyên cấu tạo mà thành, nên nói là “hành sự”. Đầu đề nêu điểm đặc biệt này khác với các tông, vốn lập cội nguồn giáo hóa, chánh giáo tuyên tông, cốt phản quang chín đời, lời nói này không luống dối cho nên lời tựa chép rằng: “Rõ hành thế sự mới làm khuôn mẫu cho người mới học”. Đây chính là đại yếu một nhà thấy khắp ở các văn. Phàm dự học tông càng phải rõ ràng, nếu mê ý chỉ này còn bao nhiêu lại nói làm sao?

Hỏi: Y cứ hai phần pháp sự trì phạm ở sau, nay chỉ nêu sự thì chẳng nhiếp pháp?

Đáp: Kia rõ chỉ, tác đều thuộc về phần chùng cho nên có cần hai phần. Nay y cứ vào tạo tác bất luận sự pháp thông quy về sự.

Hỏi: Đầu đề nói rằng: “Hành sự” nói rằng “Ba hạnh”, ngữ âm với riêng, đồng khác thế nào?

Đáp: Hành y cứ vào tu tạo, hành thủ thành đức, do hạnh thành hạnh, lời khác nghĩa đồng, đâu chẳng lưu nhập hành, tâm duyên cấu thành nghiệp.

Sao có hai nghĩa: 1/ Lược lật nghĩa hai bao gồm nghĩa. Nghĩa là đối với ba tạng chánh văn, Thánh Hiền ghi lại, thâm nhập cốt yếu để làm văn thể. Sau nói rằng: “Nhiếp lược chánh văn”, tức nghĩa ban đầu, Văn kia đã rộng chép đủ thì nhiều, cho nên ở trong kia lược nêu đầu sau, lời lược lý đủ, sau nói rằng “Bao gồm các ý” tức là nghĩa kế. Đến môn thứ mười phải tự nói rộng, tựa có ba lời dạy, tùy nghĩa giải thích. Nhĩ Nhã chép: “Trường Đông tây gọi đó là Tựa” như ở đời chữ Trường ở ngoài nhà, tức dụ văn tựa trùm ngoài một sao, đầu mối đây là nghĩa tựa.

2- Tựa tức dạy, nghĩa là soạn thuật trước sau mười môn bao gồm

điều lưu ba hạnh, khiến văn nghĩa một bộ rõ ràng không lẫn lộn, đây tức nghĩa tựa kế.

3- Huấn tự: Như kéo tơ, nếu được đầu mối thì các sợi sẽ xong. Người học xem bài tựa thì các thiên sẽ mong cầu được, đó gọi là do nghĩa tựa. Một lời nêu ba nghĩa tự giải thích đều thông.

Hỏi: Xưa nói rằng hai tựa chung, riêng, nghĩa kia thế nào?

Đáp: Trước nêu một đề, đầu nói là hai tựa, nay không lấy lược có ba lỗi:

- Hễ nói chung riêng chung bày một việc, như chung riêng trì phạm, chung riêng hai y, tựa nay không phải vậy. Trước rõ chế chọn thành văn, sau gồm đại nghĩa các thiên, trước sau khác nhau, chung riêng liền thành. Nếu do mười môn khác nhau mà nói rằng “riêng” thì nghĩa “chung” trì phạm đã lệ ở bảy môn lẽ ra cũng là “riêng”. Hai số nghiệp, giới đều có nghĩa “chung” và nhiều môn nạn vấn cũng vậy, đây thì hoàn toàn không có nghĩa chung riêng, là lỗi thứ nhất.

- Lại phỏng theo hai tựa chung riêng của kinh tông, vả lại tựa chung trong kinh chung cho cả các kinh, tựa riêng thì giản lược ở sách khác. Nay tựa của Sao này là văn chung, riêng thì phân biệt với sách nào? Lại dùng tựa chung làm phát khởi tựa riêng hay làm chứng tín? Một sao điên đảo? Nếu nói y cứ theo kia được nói hai bài tựa, thì kia chung ở nơi khác, cuộc hạn khác với ở đây là kinh sau, kinh trước khác nhau. Chứng tín khiến trăm đời không nghi, phát khởi hiển giáo chẳng luống lập, khoa chia ra hai tựa, ý kia là đây. Khảo xét văn tựa này hoàn toàn chẳng so lường, vọng dẫn kia là lỗi thứ hai.

- Vả lại, “Sao” dùng mười môn gom hết đại cương kia, lại nói rằng: “Mười điều này đều gồm thấu hết các môn”. Ở đây thì mười môn hoàn toàn không có nghĩa “riêng”, không hiểu ý vẫn là lỗi thứ ba.

Nay bày chánh giải, đối với ba mươi thiên “riêng” sau chỉ có thể gọi chung là “tựa chung”. Trong một bài tựa phần lớn có ba đoạn. Đoạn một nói chỉ trình bày văn năng thuyết, đoạn hai nêu mười môn bao gồm nghĩa các thiên, văn nghĩa hai món đều thuộc về giáo, giáo không luống lập nhưng chỉ quy về giúp hạnh, cho nên đoạn sau chia ra ba hạnh gồm nhiếp các căn cơ.

Một tựa trước sau giáo hạnh đầy đủ, lược bày đại yếu, còn bao nhiêu xem trong văn.

Ở dưới đề là chú giải chữ, rõ tên riêng ở trên bao gồm nhiều ý.

1/ Khác xưa, sau bác bỏ xưa rằng: Rõ làm việc đời mới là phép tắc đến nhờ. Nay nêu hành sự được ý chỉ Luật tông.

2/ Nghĩa là chọn lựa soạn thuật của Tổ Sư đều nói rằng: “Tứ phần Luật Sao Số” v.v... cho nên thêm mục lục, biết chẳng phải thứ khác.

3/ Giải thích nghi, nghi rằng: Y cứ vào Luật soạn Sao, chỉ dùng chỗ lập đề của tông thì có thể được, cần gì lại thêm các lời san bổ làm gì, nếu không chú thích rõ thì nghi tình không giải quyết được.

Hai quyển trung hạ lời khác mà ý giống, chọn hiệu Trung Bản làm tên để nêu bày chỗ xuất xứ của văn, tên dung hợp nhau, còn khác đó lấy làm tự, tự hoặc đồng tên, chọn đó làm xuất xứ.

Kinh Triệu tức là thành Trường An ngày xưa, nay là quận Vĩnh Hưng, là đất từ xưa các vua lập kinh đô, cho nên đặt hiệu này. Kinh là lời dạy lớn, chỗ đất rộng. Triệu là nhiều lời, chỗ đông người. Tức nơi Luật sư giáo hóa, cũng tức chỗ vốn sinh ra. Có thuyết nói là trường thành, hoặc nói rằng Đơn Đồ (Trường Thành ở Châu Hồ, Đơn Đồ ở châu Nhuận), đây là nơi xuất phát chữ, chẳng phải nơi Tổ tông sinh ra. Bộ Hành Trạng chép: “Đại Sư sinh ra và lớn lên ở Kinh Hoa” đủ để chứng minh. Ngài xuất hiện ra đời, cho đến thị hiện diệt độ, ở chặng giữa ấy việc hoằng hóa có chép đủ trong bộ hành trạng, ở đây không dẫn ra nữa.

Soạn thuật : Chung làm một lời, soạn cũng là thuật, nay đã nêu hai bên cho nên cần giải thích riêng. Soạn nghĩa là cầm bút chấm mực viết ra thành bài. Thuật nghĩa là hạ mình suy tôn người vâng theo lối cũ. Nếu y theo sau mà phê rằng soạn vào niên hiệu Võ Đức thứ chín, mà Giới Số thì phê là niên hiệu Trinh Quán năm đầu, do niên hiệu Võ Đức năm thứ chín đã đổi thành Trinh Quán nên cũng chẳng ngại nhau. Số kia lại nói rằng: “Niên hiệu Trinh Quán năm thứ tư đi giáo hóa ở xa, Vi Trạch Luật Sư ở núi Bí Bộ, lại Sao ra ba quyển, bèn nương bốn trước của ta lại gọt giữa thêm cho mạch lạc, lời văn thông nhau”. Y cứ theo đây chính là sửa lại bốn trước, xét trong mục lục chính là niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám, tức bốn nay đã truyền (xưa nói rằng có sáu quyển, lại nói là sau chia thành mười hai quyển. Y cứ bài tựa ở dưới nói “Ba quyển gồm nhiếp hết văn, văn đều là thật”, cho nên chẳng phải kiến chấp).

## GIẢI THÍCH LỜI TỰA

Đoạn đầu là khen giới. Trong hai câu đầu là nêu khen. Sau giải thích lại chia thành hai, hai câu trên nêu dụ bày đức, nương bốn câu dưới bày rõ sự cao siêu hơn các tạng khác. Giới đức là pháp đã khen. Khó suy nghĩ chính là lời năng khen. Giới có bốn nghĩa: Pháp, thể, hành,

tượng; Nay theo tượng chung, chỉ khen giới pháp, cho nên không nói là “khó bàn”, dùng tâm suy nghĩ thì rất gần, còn miệng bàn thì rất xa, đã khó quyết chẳng thể bàn. Hoặc có thể câu còn cuộc hạn mà lý đã bao gồm, trùm xuống một câu rõ nghĩa khó nghĩ bàn ở trên. Đã vượt ngoài tượng, không có vật để so sánh, cho nên tâm lực của phàm phu Tiểu thừa chẳng thể bì kịp. Chữ “quán” gọi là buộc đội. Mũ là đồ trang sức trên đầu, ở đây lấy nghĩa trên cao. Tượng nghĩa là các vật ở thế gian.

Hỏi: Khuôn phép dẫn dắt, ghe thuyền há chẳng là tượng ư?

Đáp: Kinh luật khen giới nêu tượng tuy nhiều, nhưng lại thiếu nghĩa, chưa thể hoàn toàn đồng. Trong đây lược nêu hai vật thiếu dụ cho công đức của giới, phép tắc dẫn dắt tức vết xe là rõ hướng đến của kia, ghe thuyền lại lấy nghĩa vận chuyển kia. Lại nêu tông nói “Đại sư của ông”, vì luật có công năng làm phép tắc, hoặc như người đủ sức có chỗ đến, hoặc nói là “đại địa sinh thành giữ gìn”, rường cột đạo phẩm là chỗ nương của đạo Thánh, thành quách thiền định là chỗ dựa của định tuệ, cho đến như ao, như gương, như chuỗi anh lạc, như đầu, như món đồ. Lại trong Luận Trí Độ nói “Như báu nặng, như mạng sống, như cánh chim, như thuyền bè, v.v... tìm đó có thể biết. Lại trong thiên tự trước nói về hộ giới, có đủ tám dụ: Như con Vua, như ánh sáng mặt trăng, như Châu Như ý, như con một của vua, như người có một mắt, như tiền bạc của người nghèo, như vua yêu nước, như thuốc hay cho người bệnh. Lại bài tựa giới bốn chép: “Giới như biển không bờ, như báu cầu không chán”. Giới bốn Tăng-kỳ chép: “Như dây xích buộc khỉ, như giây cương buộc ngựa, rộng thấy trong kinh luật, ở đây không phiên dẫn ra.

Vì giới đức cao rộng, nên chẳng một vật nào dụ được, nên khắp các tượng đều được một đầu, không thể giống hoàn toàn cho nên nói là “trùm vượt”. Năm thừa gồm người, trời, Thinh Văn, Bích-chi-phật và Phật, là người “năng thừa”, năm giới, mười điều lành, Đế duyên, sáu độ, là pháp “sở thừa”. Nương pháp đây quyết do vâng lãnh giới, cho nên giới pháp chung làm phép tắc dẫn dắt. Con đường thường lệ như đây nay giải thích riêng rằng: “Như trong giới bốn nói “muốn được sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong loài người, thường phải giữ đủ giới” đâu chỉ là năm giới, mười điều lành thôi ư? Nhưng giới có bốn hạng: Năm giới, tám giới, mười giới, giới Cụ túc. Nếu y cứ theo người độn căn thì chung là thiện ở đời, nếu luận bậc thượng trí thì giới đủ làm nền tảng cho đạo, cho nên kinh Thiện Sinh chép: “Năm giới rất khó, có thể làm cội gốc cho giới Đại Tỳ-kheo, Bồ-tát”, cho nên biết bốn giới đều dẫn dắt năm thừa, nay ở đây khen nêu là gồm hết bốn hạng, chính là ở giới Cụ túc

(Tỳ-kheo).

Hỏi: Giới Sở chép: “Vì đạo chế giới bốn, chẳng phải phước ở đời, chỉ y cứ ba thừa”, nay nói năm thừa là sao?

Đáp: Kia thì chuyên dùng ý Thánh để hiển bày nguồn giáo, ở đây rõ thông giúp hai cơ (lợi, độn) để bày lợi cùng khắp. Nhưng ba thừa là lời vẫn còn kèm quyền, nếu nói ở Song Thọ lại dặn phò trì đều quy về thường trụ, cho nên biết bốn giới đều dẫn dắt Phật thừa, vì căn khí khác nhau nên chia ra ba, năm, như thế nên biết rõ.

Tam bảo là thuyền bè: Tam Bảo có bốn:

- Nhất thể: Lý thể y cứ vào lý mà bàn, hóa tướng một loại cuộc hạn y cứ vào Phật ở đời.

- Trụ trì: Một vị giúp cả ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) công đức do năng lực của giới chuyên chở không dứt, cho nên dụ như ghe đầu, không đứng sao?

- Hai ngôi báu Phật và pháp đều nhờ tăng mở mang truyền bá, Tăng bảo tồn tại nếu chẳng có giới thì không đứng vững, như trong phần nêu tông nói “Thuận thì Tam Bảo trụ trì, trái thì diệt lấp chánh pháp”.

- Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Tỳ-kheo nhận giữ oai nghi giáo pháp có thể khiến Tam Bảo không dứt mất”, còn bao nhiêu như sau sẽ dẫn.

- Hoặc có thể vượt qua phàm phu, nhập vào vị Tam Bảo quyết phải thọ giới để hợp dụ ghe thuyền. Văn thông, ở đây giải thích, trước giải thích là chính, như chữ “Thật” âm là trực, huấn thật là huấn thị.

Kế nói lên trong thảng có hai: Ban đầu đối với hai học rõ hạnh cao siêu sở thuyên. Sau đối với hai tạng Hiển giáo năng thuyên cao quý. Định tuệ đầu đồng, phải y cứ hai ý xét rõ hơn kém. Nếu trông vào dứt hoặc chứng chân thì tuệ hơn, vì giới chỉ dừng nghiệp, định chỉ nhiếp tán loạn. Nếu y cứ thứ lớp tu hành thì giới là đầu, vì trí tuệ thiền định do giới mà sinh. Cho nên nay nói “Dựng lập tu trì chính từ nghĩa sau”, cho nên nói là đầu có đồng. Di giáo y nhân thành luận, nắm cột đều đồng với ý ở đây.

Kế là hiển bày trong giáo quân tạ tức mục lục hai tạng kinh luận, ở đây chỉ việc trụ trì, kinh luận không bàn nên nói là “dứt xương”, nghĩa là cắt nhiệm, thọ giới, vào đạo thứ lớp cho đến trong tăng. Thọ sám, an cư, tự tứ, kết giới, thuyết giới, trị phạt, can ngăn, thầy trò, trên dưới, đi đứng, nằm ngồi, uống, ăn, y phục, các pháp riêng làm. Các sự tướng này giềng mối Phật pháp gìn giữ muôn đời, công đức này chỉ do Luật tạng chỉ bày khuôn mẫu, các tạng khác không bày được cho nên

không nói, nên Luật Thiện Kiến chép: “Tạng Tỳ-ni là mạng sống của Phật pháp, tạng Tỳ-ni còn thì Phật pháp mới còn”, luận rất đầy đủ như trong quyển trung.

Y cứ vào sự giải thích trên cũng cần hai giải thích: - Nếu giải thích lý, phát trí, phá vọng, hiển chân thì kinh luận là hơn. Nếu sự phép tắc, nhiếp tu, diệt ác, sinh thiện thì Tỳ-ni là độc tôn. Cho nên biết ba tạng đầy đủ công năng cao quý, nay trông vào sự giữ gìn nên có hơn kém.

Hỏi: Tiêu Tông dẫn kinh luận Đại tiểu thừa cũng nói giới luật, đâu nói “dứt xương”?

Đáp: Tuy gồm nói hiệu tùy kinh luật, chỉ là lược khen công đức của giới, còn trên xếp giữ gìn các việc, chẳng phải chỗ bàn của kia, cho nên phải nói như vậy.

Trong phần Tự Hoàng Truyền văn ban đầu nói: Chánh pháp, tượng pháp đều một ngàn năm, mật pháp mười ngàn năm. Như lai định ở chánh pháp, bốn ý chung cả chánh và tượng. Văn chia làm hai đoạn, trên rõ giáo chủ chính thân truyền, dưới rõ đệ tử truyền hóa.

Bản đồ trụ pháp có hai mươi lăm vị Tổ, tức từ Như lai là Đại sư khai pháp, Ca-diếp về sau là Thánh tăng truyền pháp. Nay giới luật đây khi Phật xuất hiện mới chế, Phật là đầu tiên nên nói là “Tứ”. Đại Sư nghĩa là thầy của trời và người, tức một trong mười hiệu. Đem đạo dạy người cho nên bày mục này, nhưng do Thầy chung cả phạm, tiểu lại thêm rất đơn giản, đây là độc tôn trong ba cõi, chỗ nương học của chúng sinh trong chín đường, chỉ có Phật đại Thánh mới được hiệu này, còn bao nhiêu đều là phạm, đâu thể xưng được. Cho nên Luật Thập tụng nói: “Nếu Tỳ-kheo nói “Ta là Đại sư nói pháp Đại sư” mắc tội Lan-Di đồng như đại vọng ngữ (nói ta là thì phạm Lan, nói sự pháp thì phạm Di).

Nói ở đời: Ta-bà năm trước là cõi “sở thú”, thế giới đại thiên là cảnh “sở hóa”. Lúc kiếp giảm thứ chín trong kiếp Hiền, khi người thọ còn trăm tuổi thì Phật xuất hiện ở đời, ba mươi tuổi thành đạo, nói pháp Ba thừa độ người vô lượng, tám mươi tuổi diệt độ. Nay nói chỉ trong năm mươi năm là thời gian hành hóa, cho nên nói là “ở đời”.

Nói riêng hoàng: Nghĩa là tuy bàn các kinh điển, nhưng đối với Tỳ-ni rất lưu ý, cho nên thiên tụng chép: “Thế Tôn ở đời rất hiểu căn cơ chúng sinh, mọi việc tạo tác đều lấy oai nghi làm chính”. Lại kinh chung mọi người đều nói được, riêng luật chỉ có miệng vàng của Phật đích thân tuyên nói, ảnh hưởng Bồ-tát Đại quyền chỉ biết kính thờ vâng hành hướng gì các tiểu Thánh đâu dám sai lời. Lại nữa, các kinh nói



có thời hạn, Luật thông trước sau. Nghĩa Sao chép: “Ban đầu từ vườn Nai sau đến Hạc Lâm (rừng Ta-la song thọ), tùy căn cơ chế giới nên có ngàn muôn sai khác, đủ ba ý này, khác hẳn với kinh khác, nên nói riêng hoằng, nghĩ cũng không tối tăm. Lại tức nơi lời nói đây rõ được sau khi Như lai diệt độ từ ngài Ca-diếp về sau kết tập truyền trì cho nên nói là không phổ, (phổ tức phế) là không bỏ.

Nói bốn y, có ba loại:

**1- Nhân bốn y:** (Nội phạm là sơ y, Sơ quả là hai y, Nhị quả và Tam quả là ba y, Tứ quả là bốn y). kinh Niết-bàn chép: “Có bốn hạng người có khả năng hộ trì chánh pháp, làm chỗ nương cho đời”, đây đều là Bồ-tát đại quyền thị hiện Thịnh văn, giống như hóa nhân truyền pháp, chúng sinh nhờ bốn hạng này nên đều gọi là y.

**2- Thành bốn y:** Y phần tạo, y dư, khát thực ngồi gốc cây và thuốc mục nát, bốn hạng này làm duyên vào đạo, vì là chỗ bậc thượng căn lợi khí y chỉ?

**3- Pháp bốn y:** Y pháp không Y người. Y nghĩa không y lời. Y trí không y thức. Y kinh liễu nghĩa không y kinh bất liễu nghĩa. Bốn pháp này để lựa chọn chánh tà, là chỗ nương cho đời sau nên được tên gọi này.

Ở đây nêu tức là “Nhân bốn y”, xưa chỉ lệ nêu hai mươi bốn vị Tổ, ý này không đúng. Hai mươi bốn Sư lại y cứ sự truyền thừa chánh pháp cho nhau, nếu bàn ngang đồng thì hoằng dương xiển giáo chẳng phải một người, như năm đệ tử của ngài Ưu-Bà-Cúc-Đa thì đã rõ. Nói theo chiều dọc thì từ ngài Sư Tử trở xuống há không truyền giáo hay sao? Huống chi sau lại nói rằng: “Đến cuối thời tượng pháp”, thì biết. Nói bốn y là gồm chánh pháp và tượng pháp, Sư hoằng pháp đâu chỉ hai mươi bốn người thôi ư? (Hai mươi bốn Sư tên tuổi và sự giáo hóa có chép rộng trong truyện Phó Pháp Tạng và bản đồ trụ pháp, người cần thì tìm xem). Cuối thời tượng pháp hoằng truyền, khoa ban đầu rõ trong hai cõi, Như lai nửa đêm nhập diệt, gần sáng không bằng. Thời Chánh pháp tượng pháp càng nhiều tranh cãi huống chi cuối đời Tượng pháp ư? Như Cẩm Thông Truyện, do Thiên thần kể lại, Tây phương (Ấn Độ) tranh cãi Đại thừa, Tiểu thừa không hợp nhau, đến nỗi kinh điển lẫn nhau thất lạc, hai tông “Không” và “Hữu” đều chia bè đảng. Nếu nói theo xứ này (Trung Hoa) trước đời Tùy, đời Đường năm bộ chưa phân, giả thật chưa phán quyết, đây phải kia quấy, đều coi trọng tông mình cho nên có nhiều sự tranh cãi. Về sau, trong văn riêng chỉ nước Chấn Đán nên phải biết ý này. Khoa đây nói chung hai cõi, nhưng Tổ Sư xu-

ất hiện ở đời hơn một ngàn năm trăm năm sau khi Phật nhập diệt, tức là cuối thời Tượng pháp, cho nên đồng với đây để rõ sự sai lầm. Kiêu nghĩa là mỏng manh, vị thuần nhất dần dần nhạt. Ngoa nghĩa là sai lầm biến đổi, bản thể hoàn toàn mất, thật ra không phải vậy mà do người thối. Phong là con dao bén, đánh nhau trong đời gọi là “tranh phong”, môi lưỡi công kích nhau để giành hơn thua, việc có đồng đầu nên gọi là “Kích động”. Luận là lời bàn việc không hình chất, vì rõ là luống tranh cãi nên nói là không trình. Khoa kế là trong lỗi truyền giáo: đầu tiên văn trên đã thông ghi sai lầm hai nước, dưới đây không riêng kể phương Tây (Ấn Độ) bởi chẳng phải ý ngày nay, chỉ rõ ở cõi này (Trung Hoa) dẫn sinh sự biên soạn.

Nhân trước mà có ra cho nên nêu lý do. Chấn Lĩnh: Chấn là nói tắt của tiếng Phạm, Lĩnh là tên chung của nước, như ở đời các châu, quận phần nhiều dùng tên núi sông khe trạch mà gọi, lại như giải thích tướng nói rằng: Chấn Lĩnh thọ duyên tức rõ ban đầu ở Đông Hạ đặc giới. Lại trong Tăng truyện, Pháp sư Đàm Diên nói: “Chấn Lĩnh rộng nêu di giáo của đấng Pháp Vương”, y theo đây mà biết gọi là Chấn Lĩnh, chỉ là tên xứ này, không phiến phải xuyên tạc (Quốc Lĩnh nêu hai: Chấn là xứ này, Lĩnh là Thông Lĩnh là sai). Nói đủ là Chấn Đán, cũng nói là Chấn Đán, Hán dịch là Đất Hán.

Truyền giáo: Là chỉ cho người hoằng hóa lưu thông. Chín đời: Là từ sau Hán minh Đế Phật pháp mới truyền, đến đời Đại Đường, Tổ Sư xuất hiện ở đời trải qua chín đời (Hậu Hán, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường). Cổ vượt lùm gọi là bạt tụy, người trội hơn gọi là xuất loại (Lời này xuất xứ từ Mạnh Tử, có người khen Khổng Tử là “Vượt hơn loài người, trội hơn đồng loại, từ khi sinh dân đến nay chưa có ai thanh như Khổng Tử”, nay mượn dùng). Việc có ra từ tìm ngược gọi là trí thuật, ở đây rõ các Sư đời trước mặc tình tự chép không nương chánh giáo. Câu nên bày sự thông minh nhanh nhẹn của các Sư, câu dưới chê bai tâm Sư. Lệ trong lỗi sự truyền giáo không ngoài ba việc:

- 1- Mở mang các pháp.
- 2- Dạy dỗ người sau.
- 3- Chống đỡ giữ gìn không cho nghiêng đổ.

Nay xem đời trước đối với ba việc này từ chưa hề luận, cho nên sau kết rằng “Có thể rõ được mà bình”, bởi lời không thể phê bình, nên trong văn chia làm ba lỗi:

- Ban đầu nêu rõ hai câu sau thiếu điều thứ nhất: Hành nghi là làm việc phép tắc nghi thức, do giáo pháp ở cuối đời tượng pháp không rõ

hành nghi thì đâu thể lâu dài. Sửa nghĩa là làm đúng lại sự sai lầm kia, nhiếp là giữ cho lâu dài.

- Kế là hai câu sau thiếu điều thứ hai: Do kẻ hậu học không biết, nếu chẳng phải phép tắc, khuôn mẫu thì làm sao tấn đạo được? Tâm tức là pháp.

- Buộc hai câu sau thiếu điều thứ ba: Lưới mẫu rộng nêu điều dụ cho Luật thừa. Hữu nghĩa là tiếp tục, Ký là rồi. Chữ thọ thượng thanh, diên tức là đảo (ngã).

Hai câu này nêu dụ tuy riêng, nhưng hiển bày nghĩa lại đồng. Kết bày trong câu trên nhiếp trí thuật ở trước, đã không điển cứ nên nói “Bằng hư” (không có bằng chứng). Câu dưới nhiếp ba sự trên không thể phê bình, cho nên nói khó làm, nên là dụng. Hình nghĩa là cấu tạo tướng trạng kia. Thịnh là phát ra lời nói, lộ khiết dụ như nói rõ ra. Mặc tình luống nói, không có giáo pháp đối chiếu cho nên dễ. Phép tắc làm thật sự, trái phải bày ngoài cho nên khó. Trên y cứ vào hư thật đối nhau, kế là giải thích lý và sự.

Có người giải thích rằng: Câu trên chỉ luống thông lý tánh, tức học kinh luận. Câu dưới rõ sự tướng phép tắc tức giáo Tỳ-ni. Kia dẫn Tăng truyện chép: “Pháp Sư Tăng Hựu nghe Luật Sư Hồng giảng Luật Tứ Phần hơn ba mươi lần, bảo các học trò: “Ta nghe nhiều lần, như kinh, luận, chỉ một lần đã nhập thần, nay nghe bộ luật càng nghe càng tối, đúng là lý có thể luống câu, còn sự khó mà thông hiểu”. (Lại dẫn Thiển Quốc Sách nói: “Vẽ quý thì dễ, vẽ ngựa rất khó, lại nói rằng: “Luật Sư Khác ở Truy Châu hỏi ngài Nam Sơn, Nam Sơn dùng đây đáp”, chưa biết xuất xứ từ đâu). Đây nghĩa là các Sư bàn kinh nói lý đều tinh cùng, khảo luật hành sự thì chưa thể quyết rõ, ở đây giải thích có thể lấy cơ cả hai đều còn.

Kế là giải thích, chê học giải trong khoa ban đầu lại chia làm hai:

- Đầu tiên đến phiên lạm chính là chép chấp vãng, hai câu trên nêu chấp, hai câu dưới bày lỗi. Trước tu, tức chỉ cho các Sư đời trước, luật tạng lại y cứ bốn tông một bộ, thường có hành sự phải y cứ văn thành thật, tuy là chép thật nhưng do niên đại mờ mịt, năm thầy chỗ đấy chỗ bỏ, phiên dịch mất ý, sao chép sai sót, đến đời văn có thiếu sót không rõ. Nay nhà thì dùng văn nghĩa quyết thông, như sau chỗ nêu văn luật không rõ, ký duyên dụ như giao việc, bởi tức dạy thật do văn hai việc, cho nên có sự phiên lạm (Như y Luật Yết-ma đều sai người năm đức, có Luật ngăn không khai cho sám hối tội trọng. Hạ an cư xong giải giới, hai

mười tám người không đủ số, bốn người xả đọa...). Về sau, kế rõ gồm sinh vọng chấp. Câu đầu nêu lỗi, người gốc xen lạ là học có hai:

1- Phải nghiên cứu cho tinh tường.

2- Quyết thấy nghe phải sâu rộng.

Đã trái hai điều này cho nên phần nhiều bị luống lăm. Ưc trở xuống ba câu xuất phát từ tướng. Ưc ba câu dưới xuất phát từ tướng lỗi kia. Ưc là lời tình trọng bụng mặc tình kia ước đoán. Vu là dạy rất lắm. (Như tay cầm y, thuốc, ngọa cụ là loại vượt đệm). Thủ loại, hoặc dẫn loại lệ có sai trái (như tiểu giới lập tướng, dẫn Luật Tăng-kỳ xả y giới một tầm là dụ. Không y bát, đắc giới đến phá giới, Hòa-thượng bốn câu làm dụ, v.v...). Hoặc lấy lưu loại khác nhau (như dùng Tăng-kỳ thêm phép y và dùng Yết-ma giải đại giới, tiểu giới để giải giới tràng). Tùy chỗ nghe liền dùng, không nghiên cứu có thể được chăng? Cho nên nói là ít thảo luận. Ngu chấp trọn đời không thể sửa đổi thành tốt đẹp, cho nên nói là sinh chấp thường. Quả là dạy ít, tập là nhóm, là nói kia nhiều.

Khoa kế có hai: Trên nói về tội y cứ riêng hành. Dưới nói là Tăng sự. Gây hấn ngang ngược đều gọi là tội, lần lựa tăng nhiều đều cứ một phen thấy, cho nên nói là bội phần (như trộm vật của tăng mắc tội nặng mà nói phạm Lan-già, vô tri mắc tội Ba-dật-đề lại xếp vào Đột-cát-la, đây thì cho nặng là nhẹ. Trộm chứa vật phạm Đột-cát-la mà cho là phạm Ba-la-di, vật xả đọa đối ý mới mắc tội Đột-cát-la mà nói phạm Ba-dật-đề, ở đây cho tội nhẹ là tội nặng). Trong việc tăng như Tăng võng trị phạt, nói giới, tự tứ, thọ nhật, sám hối, các việc khác trong chúng, một phương hành hóa, lập pháp cần thông, mặc tình thì sự càng ngàn sai, y giáo thì lý quy về một lẽ, đã mê giáo chỉ, nghĩa không chỗ nương, bạn bè thì cho là giống, người ghét cho là khác, thói đời nhìn thấy xưa nay đều như vậy, cho nên nói là đồng, khác. Khu cũng là phân, trong ba phần nhân trước chấp khác nên tranh chấp rần rần, phải trái khó định, chần chừ không quyết, cho nên phải học rộng hiểu sâu mới phán đoán được.

Trong văn hai câu đầu sơ lược khả năng nhận lãnh ảnh kia. Câu trên rõ cùng tội Luật tạng, giáo có hưng thịnh, phế bỏ, người cục bộ một bên luôn cố chấp thành ra tranh luận. Câu dưới rõ bình lượng các Sư, giải thích nói phần nhiều khác với hậu tấn, chưa được lấy bỏ thì chờ theo, quyết đủ hai khả năng mới kham lãnh luật này, cho nên nói rằng “Tự chẳng đồng”, ai hiểu được sâu điều người khác không thể hiểu. Tịch tức là mở ra. Lại nghi: Nghĩa là lần lựa sinh nghi, như chấp trong hạ

không được giải giới. Người đã sinh nghi, do đó lại nghi rằng: “Nếu giải thì có thành hạ chăng?”. Lại như chấp một hạ chỉ ba lần thọ nhật, nghi rằng: “Quyết muốn thọ lại có mất hạ ư?” Lại như tiểu giới lập tướng, nghi rằng: “Quyết làm thọ giới có đặc giới chăng?”, lược nêu vài điều để bỏ tướng văn. Phạm loại này tùy thời mà dẫn, người nghi Đại Luận, sự đã không rõ, thăm thăm càng rộng, cho nên nói rằng “lại nghi”. Di là trừ, chữ Lụy khứ thính, nghĩa là trệ ngại. Tâm đã có nghi ngờ sự liên thành ngại, người đều như vậy cho nên nói là “Thông”, hoặc làm lỗi lụy người giải thích, như chấp cuối hạ thọ nhật mười lăm ngày, hạn đủ không trở về vẫn thành hạ. Lại thuốc bảy ngày khai trong đêm không trộm vật thường trụ, khiến đoạt lấy v.v... đủ khiến người nghi, y hạnh có lỗi thì phải quyết nghi, khiến cho lìa lỗi nên nói là “Trừ”. Hai câu này đối với ở trên khảo xét các thuyết hư thật, bao gồm hai câu dưới đối với trên thống nhất ý giáo phế, hưng.

Bộ chấp lại chỉ năm bộ, tình chấp năm thấy lập khác nhau, nếu giữ riêng một tông thì sẽ thành tranh luận, cho nên phải khảo xét tổng quát sự đồng khác, suy xét lấy bỏ mới rõ hành sự, cho nên nói là “vậy”. Chữ dữ bình thanh, tức lời nói. (ở đây bốn câu hai việc, xưa giải thích bốn nghĩa là sai).

Kế là nói về soạn tập, chế riêng trong khoa đầu tiên, hai chữ trên khen ngợi, trước sau chép cái hư thật kia. Hai câu trên gồm bày chỗ xuất xứ. Di ký là gọi chung số sao, như môn thứ mười đủ để dụ đây. Hai câu dưới riêng lệ tướng “phi”. Nói “chỉ luận” là suốt hai câu dưới, nghĩa là chọn số chỉ là tướng phế lập, chọn sao chỉ là trình câu hỏi, lại không có ý gì khác, như hai số nghĩa sao thì hoặc dẫn đó.

Hỏi: Trong ấy đã chê kia thì đâu dẫn dắt đó?

Đáp: Ở đây rõ hành sự cho nên cần đoạt phá, kia diễn chương nghĩa, không ngại dẫn dụng. Lại văn xưa rất nhiều, kia chỉ chọn cốt yếu, lấy chút phần kia để giải thích phải quấy, cho nên nghĩa sao đề rằng: “Bỏ nghĩa Tỳ-ni?”

Về sau, chê kia sai mất tông, hành sự dạy dỗ tông thể Tỳ-ni ở đây đã mất, nay đầu đề sao liền nêu ý này. Nâng cao xa xưa rất khế hợp tâm Phật, buộc dứt phò nguy thật ở nơi đây. Do đây, các thiên giảng bày chỉ giữ hành sự làm tông, tùy chỗ tháo gỡ, lấy dạy dỗ làm ý, người đến học chớ phụ ân Tổ.

Nói việc đời nghĩa là việc làm hợp với thế gian, chẳng phải việc thế tục. Y cứ theo ở soạn thuật mười sáu vị Sư. Nay nói trăm không có một là nêu rộng rất nhiều, để rõ rất ít còn không thể được, là nói đều

không chỗ chấp.

Kế là nghĩa tập, tức các bốn Yết-ma, do văn Yết-ma rải rác trong quảng luật và dùng nghĩa loại kết tập thành bài. Cho nên nói “Văn ở nghĩa tập, như nay bộ Tỳ Cơ Yết-ma cũng gọi là soạn tập. Lại trong nghiệp sơ nêu riêng ra người Yết-ma là pháp tập, đều có thể chứng. Văn khoa đây ý là ngăn nghi sau, e nói rằng “Trên chê sơ sao phí nhiều, trái với tông”. Vả lại, các bốn Yết-ma thẳng hiển hành sự thế nào? Trước nói là “Trăm không có một bốn” chẳng phải vu khống bậc tiên hiền kia ư? Nay tuy chấp nhận có, lại thành vô dụng, nói thời có là rõ kia không nhiều. Diên hoài là tốt đẹp, thông minh, lanh lợi, tức là bốn Sư Khải, Đế, Quang, Nguyễn.

Trên nêu nhân pháp, dưới chỉ lỗi. Hai câu đầu tức hai bốn Quang, Nguyễn. Bốn Quang phần nhiều dùng nghĩa để cầu, bốn Nguyễn rộng dẫn duyên cứ, lời nhiều sự ẩn, không giúp thời tụng, cho nên nói rằng “Nhiều dụ”, v.v... Nhân rồi chẳng phải muốn gọi đó là lời thay đổi. Ưu rộng là thích theo, còn giản là không đoái hoài, cho nên nói rằng: “Đậu cơ chưa đủ”. Đậu giống như tể (cứu giúp).

Kế là đơn đề, sau là hai bốn Khải, Đế. Hai câu trên chê văn lược. Đề là viết chép. Kia chỉ nêu ra pháp không nói về duyên thành, cho nên nói rằng “Chớ tuyên”, còn nói không thuật. Hai câu sau rõ vô dụng. Đã không hiểu thành, bại, thêm bị vô công cho nên nói rằng “Y văn”, v.v... Cho nên trong bài tựa Nghiệp Sơ chê cả bốn bốn rằng: “Tăng, giảm, phiên, lược lẫn nhau thấy được, mất” (Xưa chỗ giải thích đều không hiểu). Gồm chế trong chung thông Sơ Sao cho đến Nghĩa tập, cho nên nói là: “Đều”. Toái là tán, nghĩa là văn không có chương, tiết. Loạn là nghĩa chẳng phải luân tự, cho nên hai câu sau đối với văn trên vỡ tan, nên nói là khó tìm cầu. Hai câu kế đối nghĩa trên loạn, cho nên nói khó lãnh hội.

Thứ hai là về soạn thuật ngày nay. Văn ban đầu chia làm hai:

1- Rõ xem xưa. Người nghe lược lật lúc Thủ Sư giảng là học tập chắc chắn, còn ngoái liếc thì rõ chẳng phải thật học. (ngoái nhìn là cố, nhìn xéo là miện, âm miến). Các thiên chỉ chung chỗ soạn thuật đời trước. Soạn tập tuy nhiều một không thể lấy, cho nên nói rằng “Thông là phi”, v.v... Chúc âm chúc, dạy đúng, chẳng đúng ý là không khế hợp với tâm của Tổ. Câu trên bày không chấp, câu dưới nêu ra lý do.

Hỏi: Kém thì có thể như vậy, còn hơn sao không khế hợp?

Đáp: Vì trong các thiên hơn kém thấy lẫn nhau. Hơn tuy có lấy, kém chẳng thể còn, muốn được hoàn toàn hơn chưa có, nói rằng chẳng



đầy đủ, ý nghĩa kia như thế.

Lòng từ dạy dỗ, hưng thịnh do đây, kế là nói về soạn thuật, Phỉ nhiên là mạo văn chương lẫn lộn, văn rút ra từ Luận Ngữ (Khổng Tử ở nước Trần suy nghĩ về Lô bèn nói rằng: “Tiểu tử bọn ta cuồng giảo hỗn loạn thành văn chương) làm mạng tức soạn văn. Mạng là tên khác của điển chương, tức tên của sao ngày nay (Luận Ngữ nói “Làm mệnh giúp cỏ xanh đó”, v.v... Chánh Nghĩa nói rằng “Mệnh nghĩa là chánh lệnh, lời văn tức là làm). Trục bút tức sau phê rằng “Không việc loạn văn”. Ở đây có ba ý: 1/ Vì hiển hành sự. 2/ Vì giúp người mới học. 3/ Vì bày ý chê. Đáng gọi là giao bày hành tướng, thư thả gọi là trình bày lời văn. Văn của một bộ đều ở câu này (Có khoa này là sách Tử Phần, gồm ở sau là dẫn văn khác để bổ túc chỗ sai).

Khoa kế trong trích dẫn chia làm hai: Trước lệ văn đã dẫn có bốn câu: Câu đầu gồm thâu các luật, tức năm mươi, v.v... Câu kế gồm thâu kinh Đại thừa, Tiểu thừa, trong kinh bàn luật gọi là luật theo Kinh, nên nói là tùy thuyết.

Thứ ba là thâu Luận Đại thừa, Tiểu thừa. Thứ tư gồm số sao của các Sư và Nghi Bồ-tát, Cao Tăng Truyện, Sư Tư truyện, Tự Tạo, v.v... Bốn câu này gồm hết văn đã trích dẫn của một bộ, ở đây thì suốt hai thừa, bao trùm ba tạng, trừ bỏ, liên chép, nhóm họp thành tông, dùng sao nêu nghĩa để thấy ở đây.

Tìm tòi ở sau, kế rõ thủ xả, lại chia làm hai. Hai câu đầu lấy xả ba tạng. Sưu nghĩa là chọn lấy, bỏ tức là dứt trừ. Nói đồng khác: Ban đầu y cứ bốn tông và bộ khác, lấy đồng khác đối nhau để rõ tìm tòi, bác bỏ có bốn câu:

1- Đồng với bốn tông cho nên chọn. (Thập Tụng trì y, thêm thuốc, các bộ không đủ số người, Luận Bà-Đa ba y hạn cuộc lượng, Luật Ngũ Phần thông lượng, Tỳ-ni mẫu Luận chuyển dục, v.v...)

2- Đồng cho nên bác. (cá, thịt, bữa ăn, chánh Tiểu giáo đều vậy, nay sao dùng, sau xả bỏ).

3- Cùng bốn tôn khác cho nên sưu tầm. (Tăng-kỳ năm người tội xả đọa ở trong chúng tự thuyết dục. Luật Ngũ Phần kết chung tịnh địa, các bộ lượng tự nhiên giới, luận Tỳ-ni mẫu lược nói giới, v.v...)

4- Khác cho nên sưu tầm. (Luật Tăng-kỳ ba lần thuyết dục, điệp duyên nhập dục. Suốt đêm hội y không lập thế phần, các bộ không khai tịnh địa, Tăng già Yết-ma đồng như vậy) .

Kế đến bộ khác tự rõ đồng khác cũng bốn câu:

1- Bộ khác đồng cho nên sưu tầm. (Luật Ngũ Phần, Luật Tăng-kỳ



trước Thượng tọa mỗi mỗi thuyết dục, luật Thập Tụng, luận Tát-Bà-Đa nói trộm chứa vật mắc tội Đột-cát-la).

2- Đồng cho nên bác bỏ. (luật Thập Tụng, Thiện Kiến nói không có Hòa-thượng được đắc giới. Luật Tăng-kỳ, Thập Tụng bốn tội trọng lại nói không phạm trọng).

3- Bộ khác khác cho nên sưu tầm. (Luật Thiện Kiến nói ba y mặc trong là sai pháp, luận Bà-Sa duyên đoạn, Tạp Bảo Tạng câu-lô-xá là năm dậm, luận Tát-Bà-Đa nói hai dậm đều lấy dùng).

4- Khác cho nên bác bỏ. (Luật Thập Tụng cho thọ ba mươi chín đêm, luật Tăng-kỳ việc xong nên về, uỷ thác như trong Biệt hạnh, hãy tìm xem).

Rộng thấy ở sau lấy bỏ văn kỹ các Sư, vì sao như vậy? Vì Thánh ngôn ba tạng đâu luận thiếu dư nghĩa có thể thấy. Hai câu đầu rõ thủ, như sau các thiên đã dẫn, số sao giải thích, hỏi đáp, phần nhiều không nêu tên, còn như Tăng truyện, Tự Cáo đều đề bốn hiệu, ở đây rõ thủ văn đều thuộc sao nhiếp (xưa nói bỏ khuyết là lầm). Bỏ là thêm lạm, thuật sau không bỏ. Sau trong các bài hoặc thẳng dứt, nói trong khoảng bảy hàng cây như nghĩa sao phế lập, hoặc dẫn phá ấy, quên thành đến giới không khai trung. An cư, giải giới, mất hạ, v.v... lại trong nghi Bồ-tát xướng “Người chưa thọ giới cụ túc và người không thanh tịnh ra chưa?” v.v... nêu ra loại luật nghi cốt yếu, lễ kính, cầm góc y, nếu không dứt bỏ nhân tình ngăn trệ, nên nói rằng “Thành thông ý”.

Kế trong thể thế ban đầu nêu riêng có bốn câu:

1- Câu đầu rõ nhiều: Hoặc làm nhiều quyển giải thích (trên) thượng các thiên rộng bày hành sự. Quyển trung, giới trộm, lìa y, chứa của báu, ăn riêng chúng v.v... Quyển hạ sai y, bốn món thuốc, đạo tục, Sa-di, v.v... Hoặc làm phiên lụy để giải thích như kiết giới xướng tướng, hai loại đại giới có giới tràng, không giới tràng đều mất chỉ bày, chánh xướng lại nêu ra. Thọ giới, già nạn, cũng trước giải thích tướng xuất chúng. Đối chúng lại chia làm hai, thuyết giới, sám tội tăng tàn đều trước rộng dẫn các giáo, nhưng sau lại dẫn văn trước sắp xếp nghi thức. Trên thì ngay thiên đều rõ, nếu y cứ thiên khác xen trong cũng có nghĩa này, như thiên kiết giới lại nói về nhóm tăng, lại trong thiên Yết-ma lại lệ với nhóm tăng, kiết giới, chọn người, thọ dục, v.v... Và thiên thọ giới lại nói về nhóm tăng, v.v... thiên giải thích tướng lại rõ thọ giới, đủ duyên v.v... đối với giải thích tướng bày hai, nêu ra năm pháp quán ăn v.v... như vậy đều là rõ hành sự không thể thiếu lược. Tức ở sau gọi là “Nếu lược giảm, lấy sự đại khái kia thì sự dụng hằng có chỗ không

đủ”.

2- Thứ hai là lược chỉ: Ban đầu y cứ các thiên xen chỉ như nhóm Tăng chỉ ở kiết giới, sau kiết giới chỉ nhóm tăng như trước, thuyết giới chỉ bạch chúng ở Tăng vãng, an cư chỉ năm điều lợi như tự tứ, trong yết-ma lựa chúng, dữ dục đều chỉ thiên trước, lại đều ở ngay thiên rõ ấy, như trong đủ số. Chỉ bốn nghi biệt tướng rộng như biệt chúng. Sám Tăng tàn chỉ che giấu như sau. Như vậy chỉ nhau khắp gồm một bộ. Và lại, nêu một hai, loại nghĩa là đồng, chảy theo thì thuận lời dạy. Như an cư xong hợp rõ năm lợi ích của Ca-đề, không muốn phiền nữa nhưng hạ xong thọ lợi cho sau tự tứ. Đồng thuận theo nhau cho nên chỉ như kia, còn bao nhiêu mô phỏng theo đây. Lại giải thích, như đại giới không có giới trường đã nêu ra cách kiết, sau đại giới có giới tràng liền chỉ như trước, cho đến thêm pháp ba y đủ nêu ra một cách, còn bao nhiêu để chỉ riêng. Trong phần thọ nhật nêu ra nửa tháng Yết-ma, rồi một tháng như trước, đây giải thích cũng chung, thấy đều như nghĩa kia.

3- Đoán văn: Như trong thọ dục, nói rõ tướng dục, dẫn luật Ngũ Phần, Tăng-kỳ đoán văn đã tiếp tục rằng: “Nghĩa bình đẳng”. Sau trong các bài, nghĩa nói rằng: Nghĩa rõ, nghĩa y cứ thấy đều đồng như đây. (xưa giải văn một không thể chấp).

4- Trưng từ tức là lời suy hạch, nghĩa là suy xét sự sâu kín quyết nhờ hỏi đầu mối. Vì phát khởi phiếm luận hỏi đáp để dập chủ khách, khách thì bày nghi suy tìm cứu xét, chủ thì tùy nghĩa quyết thông, muốn khiến nói bàn đọi nhau, giáo lý hiển bày rõ. Một/ bàn thỉnh hỏi (tức trong kiết giới các lời hỏi như nói rằng: “Đại giới có làng xóm được hợp kết chăng?”). Hai/ giả nghi để hỏi (trong phần thọ dục hỏi: “Không xứng duyên pháp dục có thành chăng?”). Trong Yết-ma hỏi “Bạch như vậy có thành chăng?”. Ba/ phá xưa nên hỏi (Trong phần nhóm tăng hỏi “Giới Tự nhiên vuông hay tròn?”, trong phần túc số hỏi “Những người bị biên tội tự nói y cứ thế, v.v...”). Bốn/ cùng nhau hỏi (Trong phần thọ giới hỏi “Giới sư bạch hóa, giáo thọ không hóa?”. Lại hỏi “giới sư không sai, riêng giáo thọ sai?”). Năm/ suy cho cùng nên hỏi (Trong phần thọ dục hỏi: “Luật này nói dữ dục qua đêm không thành?” Và trong phần thọ giới hỏi: “Luật Thập Tụng nói “Ni không biết cho xuất gia lại, vì sao khai xả giới?”). Sáu/ trái nhau nên hỏi (giải thích tướng hỏi: “Tỳ-ni dứt rồi, khởi giới ngăn hay chưa khởi? Vì sao nói dứt lỗi bỏ tội?” Trong giới trộm hỏi: “Trộm tượng để cúng dường là không phạm tội trộm, sao kinh kết tội nặng?” )

Trong các thiên có lời hỏi đáp không nêu ra đây, một câu trong

văn đều thấu hết. Trước nay bốn câu bao gồm đại yếu văn thể của một bộ, ý khiến người dự biết, đến nơi văn không bị lằm. Nay lại dùng bốn câu giúp rõ ý kia. Câu đầu phiền nhiều mà không phí, câu kế lược mà không thiếu, câu ba so le mà không loạn, câu bốn sâu mà không tối, như sau thông kết. Lời chỉ bày như vậy, nghĩa là bốn loại trên khắp cả một bộ, không khiến nghĩa trước sau trái nhau, cho nên nói rằng “Trước sau làm sáng tỏ nhau”. Lại trừ hiển sự dụng không để cho trước sau văn có phiền phức, cho nên nói “Ẩn hiển xen nêu ra”. Giao cũng là xen, ánh tức là chiếu. Trong hội khác trước rõ ý trích dẫn, kế bày thể soạn thuật, đến chỗ dẫn các bộ hoặc sự hoặc pháp chấp trái bốn tông cho sinh nghi tràn đầy, gồm lại chỉ bày nên nói là “đều”.

Bốn câu đầu nêu tướng, đều sau đó hiển ý. Ban đầu rõ Yết-ma đối với đời ít dùng nên nói là “thấy hành”, chúng pháp phần nhiều y cứ bốn tông, biệt pháp phần nhiều rút ra từ các bộ, nay văn thông thấu pháp chúng, riêng của các bộ (trong chúng pháp, diệt tận kiết chung tịnh địa rút ra từ Luật Ngũ Phần. Pháp chia y cho Sa-di rút ra từ Luật Thập Tụng. Biệt pháp, như giữ y thêm thuốc xuất xứ từ Luật Thập Tụng Tăng-kỳ. Các vụ nói thông, cần thấu sự của các bộ mà các thiên đã dẫn.

Hai câu sau tức chỉ cho các việc đạo tục trong thiên Sa-di, do hai thiên này phần nhiều nhóm các bộ, ít lấy ra từ bốn tông cho nên hội riêng, tìm trong văn sẽ thấy, đều là bộ khác thấu về bốn tông, cho nên nói rằng “nắm thành một chấp”, v.v...

Tông này nếu đối với bộ khác tức chỉ cho Tứ Phần, nếu đối với các nhà liên quy về hành sự một nhà sao ngày nay, phí công có hai:

- 1- Mê mờ giáo pháp, vọng thi hành thì phí công làm.
- 2- Văn tán khó cầu thì phí công học.

Trong Lạc quyển, khoa đầu ngăn dị thuyết, hoặc ngay khi thật có, hoặc giả lập dự phòng, nếu so với Hành Sự Nghĩa Tập của các Sư giống như tổn hại phiền tế, nhưng không suốt được ý sâu cho nên cần cần phải rõ (đời sau có người làm sách Hành Sự rất sai ý Tổ). Đồng ta nói khác đều chỉ tình chấp người khác có trái thuận, như ca khúc ở đời, người họa kia phải là kích vật, do thịnh tiết kia, tiết nghĩa là đoạn lớn của khúc cho nên nói rằng “Đại tiết”. Kích (chê) dụ như trách, văn nhiều thì ai ở sau bày ý, ưa thích cũng được, lý do nào ở sau chuyển giải thích không xong? Ban đầu trùng khởi, như sau chánh thức giải thích.

Ban đầu cần nhiều, hẳn sau rõ quá, nhiều đại khái như thô lược. Bàn ngang, nghĩa là nói nhiều, phi lý. Húy tức là kiên kỳ. Sao lấy bao gồm nhiều cốt yếu làm nghĩa. Nói không gấp vì chẳng phải chỗ tuyên

bày. Nay trong ý ước độ dùng trí để tính lường. Trong thủ, lia phiến lược lỗi. Việc tính lược là chánh tông của sao. Cứu gấp giúp kết thúc là ý chánh ngày nay. Hành tướng chúng riêng, không thể tạm quên nên nói là “gấp”. Sự khởi không thường, không do tay nắm nên nói là “Xong”. Thiên Thầy Trò chép: “Cho nên gấp cứu treo ngược”. Môn thứ mười chép: “Thường khiến gấp cỏ có dụng”, đây tức là ý gấp xong, chữ “Trung” bình thình giải thích như trên. Hoặc có thể là khứ thình, nghĩa là rất đáng. Đây biết một văn, một câu kinh này đều muốn làm lời không nhàn. Than ôi! Đời Mạt pháp hôn mê ngu tối, chí tình kém cỏi, chỉ khoe khoang giảng nói, chuyên việc khua môi khua mép. Thiên trọng khinh nhóm thân đều làm, giới, định, tu, trì không hề một niệm, đến nỗi khiến lời dạy của cha lành bỏ phứt như lời cũ mục. Lời cứu gấp ở đây tan mất, nhưng e nỗi khổ về sau muốn bãi bỏ cũng không thể, trong Thánh đạo không mong có ngày tiến thân, người có ý thức, kẻ tài giỏi đâu không động lòng, chỉ thiếu trong suy nghĩ liên toan tính suy tư, thêm tức như cứu giúp. Cố, là dạy thực hành, thuyên là giải thích các nghĩa. Đây rõ nay sao chuyên nêu thời việc, biện luận Nghĩa Chương có hay không sự cứu giúp đều không dẫn ra, chép ở văn khác, cho nên nói rằng “ở sau”. Quyển thượng thường chỉ cho nghĩa sao, quyển trung thường chỉ cho giới số. Quyển thượng và hạ thường chỉ cho nghiệp số, hề chỗ chỉ lược đều là ý này.

Như trong thiên tự, hai món bất định, bảy pháp diệt tránh đều trước nêu đại ý đã nói rằng: “Văn nghĩa đã rộng, luống nhọc nên giải thích, chưa hề cùng tận nên lược không nói. Trong giải thích tướng, ý giới bốn lần trái can ngăn cũng đồng như đây, cho nên nói rằng: “lược nêu”. Chỉ bày trong sở thuyên, việc chúng nghĩa là bốn người trở lên Yết-ma việc của tăng thành, nghĩa là có thể làm được thì tổ chức làm. Tôn tức tâm vâng làm. Cơ nghĩa là thời giờ cần gấp. Thác sự tức các duyên y, thuốc, và sau kết chỉ bày không thiếu. Vạn âm vấn cũng là rối rắm. Như ba quyển ba vị xưa truyền, gọi chúng tự cộng ba hạnh. Nay lại dùng nghĩa phán lược làm ba:

1- Y cứ chỉ tác, trên dưới đối việc tu tạo gọi là hành tác trì. Quyển trung, giữ giới lìa lỗi gọi là hạnh chỉ trì.

2- Y cứ riêng chúng, quyển thượng, việc tăng gọi là chúng hành. Quyển trung và hạ, tự tu gọi là biệt hành.

3- Y cứ thuần tạp, quyển thượng và trung đều cạy cho nên Thuần, quyển hạ tùy cơ cho nên Tạp.

Còn luận xen nhau ném gởi đều gồm nhau. Vả lại y cứ phần lớn

đã phán ở trên, trong ý chép ở thiên “phần” đầu khó rõ pháp. Người hay làm việc là “sở tạo”, cho nên nói là cảnh sự. Khoa nghĩa là chia tiết. Nghĩ tức là so lường. Nay sau phần chánh nói vật loại ấy, nay trước nêu bày, như an cư, chia phòng xá, giải thích tướng, rõ pháp thể. Trong sám sáu tụ rõ hai cách sám sự lý. Hai y, chia vật của người chết, đạo tục rõ nói nghi pháp. Trong Sa-di, nghiệp xuất gia và trong bảy thiên có chú thích pháp phụ. Nếu y cứ thiên đề, thật, quấy gồm nhiếp, nhưng trong hạ chia phòng đồng loại với an cư, cho nên chỉ nêu an cư, còn bao nhiêu tự nhiếp, các chỗ khác đều y cứ theo đây.

Đây thì ba mươi đầu đề, gồm cứ chủ một thiên, nếu vậy sao lại chỗ có chú pháp phụ, hoặc không chú?

Đáp: Vì có thân sơ, chẳng hạn như trong tên, y cứ từ ý mà chép, sau liền nêu tên thiên, thì văn lý suốt nhau, nhưng mười môn sinh khởi có rất nhiều điều không tiện. Xưa khoa nêu tên ở đầu mười môn, giải thích rằng: Vì hiển bày các thiên là chỗ tựa của mười môn. Ngày nay cho là không đúng, đâu lại có chuyện ghi chép ở trước nêu tên ở sau, huống chi Lạc quyển phần thiên, thứ lớp có tựa. Nay rõ đến như hai mươi hai bài tựa ở sau hợp với nêu tên ở sau, thì khiến tên thiên để trước, chép ý sinh khởi trùm mười môn sau.

Văn kể, nghĩa hiển bày hằng không nghi ngờ, văn này đảo lộn e là truyền lầm (thỉ cũng heo, hợi cũng heo). Xưa nay đều vốn như vậy, dùng lý làm chánh đâu không như vậy ư? (Người giảng do nêu tên đầu đã đọc ngay tên thiên, vào mười môn sau lại đọc sinh khởi). Đoạn lớn thứ hai đại cương các thiên chép trong ý. Giềng mối chung, vì sự tướng các thiên đều nêu lên. Nói điều lưu là vì trong chung riêng tướng nghĩa loại có khác.

Hai câu trên đã hiển bày văn trước, chỉ chép biên soạn không rõ nghĩa lệ, cho nên nói “vị ủy”, lại vì hạ sinh ý sau. Quát nghĩa là bao gồm gương sáng. Viễn thuyên nghĩa là đại ý của giáo tướng, sắp giải thích mười môn, lược biết thứ lớp. Đại thánh lập giáo vì hiển bày nhất thừa, muốn khiến chúng sinh mê mờ đều quy về chân đạo, không kham lãnh giáo hóa nên tạm dùng quyền lược, đến vật tùy nghi, tâm phàm khó lường, nhưng vì sắp truyền di giáo phải hiểu nguồn cơn, giúp cho người học có nơi quay về, hạnh chẳng luống tạo ý khởi giáo, cho nên lúc ban đầu, đã rõ suốt môn, ở đây biết sơ về ý chỉ, nhân gì chế khinh trọng không thứ lớp cho nên kể rõ.

Trên so sánh hai môn chung làm Luật tạng, tông bộ đã riêng, giáo tướng đầu dung, quyết có việc khác, y theo chỗ nào xử đoán cho nên

có ba. Tuy biết dụng giáo y cứ thể mà có tông, xứ nầy (Trung Hoa) thọ duyên đều vâng theo Tứ Phần, hoặc ở bốn bộ tiếp sự không khắp, bộ khác thật văn thể nào thủ dụng cho nên có bốn? Trên y cứ văn, văn cho là trái, thiếu. Trái cần nghĩa định, thiếu quyết văn thông, phước lập đã khó, phải rõ cách thức cho nên có năm. Trước đã nói về giáo và y cứ năng thuyên, giáo không luống làm, quyết nói chánh hạnh. Hạnh chẳng phải một cách, chỉ cần đại tông, cho nên có sáu. Trước nay sáu ý giáo hạnh đều bày, giáo hạnh giúp cơ, cơ chia nhiều việc lạ. Cho nên bảy, tám, chín thông hay cục kế sẽ rõ. Chín đoạn trước, cơ, giáo cả hai rõ rất bày ý giáo hóa, nhưng giáo truyền vào xứ nầy chân nguy xen nhau, nếu không lựa bỏ sẽ bị sinh nghi. Lại làm văn nầy đặc biệt khác trước, sửa đổi nguyên ý, người đến học phải hiểu. Cho nên kế thừa thứ mười mà bày đó. Tướng thứ lớp do đại lược đã rõ, đến sau giải thích riêng để tùy tiện rõ đó.

Thứ nhất trong “giáo hưng”, nêu rằng: “Ý là thuộc về ai?”. Đáp: “Quán hai ý trước dường như thuộc về Phật, y cứ theo các môn sau thì có ngại nhau. Nay cần một đại khái đều là ý Tổ. Do giáo chỉ Tỳ Ni đời xưa chưa nghe, dầu có rõ còn chẳng cùng lý, ý thú mười môn nêu ra từ Sư ngày nay, cho nên lấy mỗi tựa thuộc năng tựa, hai chữ giáo hưng tức là sở tựa. Một chữ ý chỉ chung môn nầy.

Lại văn nêu mười ý, nghĩa là tâm so xét, trước nói rằng mười môn, nghĩa là do mười môn mà vào mười điều nói ở sau, nghĩa là nghĩa loại khác nhau và đối các thiên sau tùy tên không nhất định. Tuy văn ở khoa đầu mà lời không luống đối, bao gồm chung hai thứ sau, luận sau dẫn văn chánh tông, Đức Thích-ca Như lai thành đạo đã nhiều kiếp, đức vượt cả ba Thánh, vì giáo hóa con người nên thị hiện tướng đồng với người, do đây lại đến sự tốt đẹp trong loài người là tôn cực, nên nói rằng “Chí nhân”. Lại thân Phật đầy khắp mọi nơi, tùy cơ mà hiện hình, thị hiện giáng sinh, tuyên bố sẽ diệt độ để tiếp độ chúng sinh, nay lại ở cõi Sa-bà thị hiện đản sinh trong cung vua, nhằm chán thế sự đi xuất gia tu hành, hàng ma, thành Phật, nên nói là “Hưng thế”. Nói có phương, phương là phương pháp. Tức rõ quyền xảo của Như lai cùng tận tâm hạnh khác nhau của tất cả chúng sinh, cho nên lập giáo đều thích ứng cơ nghi, đều làm cho được lợi ích, cho nên nói rằng “Không luống”. Luận tức Thập Trụ Bà-sa, kia nói rằng Tu-đa-la, nói theo Thập lực đăng lưu:

- 1- Thị xứ phi xứ lực
- 2- Nghiệp lực



- 3- Định lực
- 4- Căn lực
- 5- Dục lực
- 6- Tánh lực
- 7- Chí xứ đạo lực
- 8- Túc mạng lực
- 9- Thiên nhãn lực
- 10- Lộ tận lực.

Đẳng lưu: Đẳng là không nghiêng lệch, lưu là không chọn lựa.

Tỳ-ni là nương đại từ đẳng lưu mà nói, A-tỳ-đàm nương vô úy đẳng lưu mà nói (nghĩa là bốn môn vô úy: 1- Nhất thiết trí vô sở úy. 2- Lộ tận vô sở úy. 3- Thuyết chướng đạo vô sở úy. 4- Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.)

Y cứ nơi Phật lập giáo thông có ba tâm, y cứ vào nơi pháp đối cơ đều riêng hơn, ở đây cho nên nói pháp khai mở riêng đối với trí lực, phá tà luận dục phải có vô sở úy, lập cấm chế xét lỗi lầm chỉ là đại từ, vì vậy Như lai khởi lòng từ xuất gia hiện ở đời, muốn nói điệp pháp khiến khắp khai ngộ. Vì chúng sinh căn cơ có lợi độn nên nói Ba thừa, có ai gặp pháp âm liền chứng đạo quả, cho nên dùng lược giáo buộc tội lỗi kia. Căn cơ của người càng kém, phá lược khởi tội, Phật lại mở rộng giáo chỉ lỗi lập chế, còn nếu không thể dẫn cho đến mở ba ngàn tám muôn luật nghi. Thời chánh pháp còn nhiều người hủy phạm hướng chi cuối thời Tượng pháp thì đâu thể nói pháp cao siêu, như vậy chì uốn lần đến người hạ phạm không bỏ một vật nhỏ, tự chẳng phải lòng đại từ thì đâu được như vậy. Cho nên Giới Sở nói: “Nương vào môn đại bi, chịu uốn trao cho phương tiện bí mật, ban riêng cho nội chúng...” Trong dẫn chứng, tức trong văn Tăng Nhất Bổn Luật, kia nói: “Phật ngự cạnh bên ao nước ở nước Bạt-xà, bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy cho rằng ta dùng tâm gì mà nói pháp cho các thầy?”. Sao dẫn lời đáp lược hai chữ “chúng sinh”. Đối với ngoại đạo trong văn đầu nói ngoại đạo là người không chấp nhận sự giáo hóa của Phật, chỉ thực hành tà pháp, bàn nhiều về việc mua bán. Giới chép: “Căn bốn Lục Sư dạy mười lăm đệ tử, mỗi người nhận làm đệ kiến”. Lục Sư đều có pháp riêng dạy đệ tử khác nhau, thầy trò gồm có chín mươi sáu, như vậy truyền nhau không dứt (Luật Tăng-kỳ gồm có chín mươi sáu loại, người xuất gia thì Đạo Phật là một, còn chín mươi lăm ngoại đạo chưa rõ số lượng nên nêu ra khác nhau) tuy đều lập pháp mà chẳng phải chánh đạo, cho đều là “dị”. Vì pháp Không cho nên trống rỗng riêng ở, nên nói là “Tự”.



Nhân tôn: Vị vượt người, trời. Đạo cao: Vì đều có thể xa lìa. Chế giới này: Là Thánh pháp chế khiến nhận làm, nhận thì bên trong đầy đủ Thánh tài, làm thì đức tốt đẹp bày ra ngoài, vượt ngoài thế tục cho nên tôn cao, hai chữ “vi đối” chính là tâm Phật. Nói chế giới chỉ là miệng vàng Phật nói (xưa đến khoa là kiết tập giáo hưng, cho nên một câu này rất nhiều tranh cãi). Trong Dẫn Chứng có hai: Ban đầu chỉ chung chứng minh chế giới. Quán luật sau là các kiền-độ, y cứ giới bốn trước là các người thế tục chê bai là “không có chánh pháp, giống như ngoại đạo” Phật nhân đó chế giới rất phù hợp với ý này. Nhưng đây là vì người khác chê bai chứ ý Phật chưa hiển bày, cho nên chỉ văn sau chế giới pháp, để rõ như trong kiền độ thuyết giới là vì các ngoại đạo ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm nhóm họp. Vua Bình-sa thấy vậy bạch Phật, Phật vì đó chế nửa tháng thuyết giới. Kiền-độ an cư là vì nhóm tỳ-kheo sáu vị cả ba mùa xuân, hạ, đông đều dạo đi, cư sĩ chê cười là “các ngoại đạo còn ba tháng an cư, các Thích Tử này bất cứ lúc nào đều cũng dạo đi”, vì thế Phật chế an cư. Kiền-độ Tự tứ là vì các Tỳ-kheo kiết an cư rồi lại chế không nói năng thăm hỏi nhau, Phật nói “Các thầy là người ngu si, giống như ngoại đạo cùng nhau thọ pháp cam”. Trong kiền độ y có Tỳ-kheo trì bát gổ, Phật nói “Không nên trì bát đó, vì đó là pháp ngoại đạo”, cho đến Tỳ-kheo chứa y thêu, mặc y cỏ, y da cây, y lá cây, y anh lạc, y da, y lông chim, y tóc người, y đuôi ngựa, đuôi trâu, lộ bày thân thể, mỗi việc Phật đều nói “Không nên như vậy, đây là pháp ngoại đạo”. Cho đến kết rằng: “Tất cả pháp ngoại đạo như vậy không nên làm”. Lại dẫn một hai điều để dứt nghi cho thế gian, các kiền-độ sau văn chẳng phải một, cho nên nói “Phàm chỗ đến và hoài”. (Xưa ghi văn chế lại chỉ trong kiết tập, thì phần chỗ và hoài, lời này làm sao giải thích?). Hoài là ý Phật, dị thuật là ngoại đạo (thuật là đạo). Cho nên văn sau dẫn chứng riêng kiết tập, đây là văn chuyên khởi của bốn luật do năm trăm vị kiết tập. Do sau khi Phật diệt độ, ngoại đạo chê bai rằng: “Pháp luật của Sa-môn Cù-đàm như khói, Thế Tôn còn sống thì cùng học giới, nay Phật diệt độ thì không người nào học giới”. Vì thế ngài Ca-diếp bèn đề khởi việc biết tập, liền bảo đại chúng rằng: “Chúng ta hãy cùng nhau luận bàn pháp Tỳ-ni, chớ để cho ngoại đạo v.v... cho đến nói các lời” (Tổ Sư lấy ý, thêm một câu trên giúp văn dễ hiểu).

Hỏi: Nay rõ ý Phật hay sao? Dẫn văn kiết tập ư?

Đáp: Ngay đối với khoa đã rõ đều dẫn Phật ở đời, văn đã chẳng phải một, không thể nêu riêng, cho nên chỉ chung, nhưng văn kiết tập, lời ý đều bày rõ cho nên được dẫn, dần dần làm chứng.

Hỏi: Khi kiết tập, việc đã ở sau Phật diệt độ, đâu chứng tâm Thánh?

Đáp: Kiết tập giữ pháp đã là dứt các lời. Ý Phật vốn khởi lòng tin, chuyên hoại đạo khác, như sau năm dụ khai chế thường trưng bày cũng dẫn văn sau để bày ý, đây là nói lên sự việc gì mà nghi?!

(Ở đây y cứ giải thích ý ngài Ca-diếp lúc kiết tập).

Lại Phật mới nhập diệt, họ liền chê pháp diệt, lại biết Phật còn sống thì với luật họ nào có nghi. (Ở đây lấy sự giải thích chê bai của ngoại đạo, xưa ghi sai cho nên đặc biệt nêu bày).

Đối trong tông khác, câu trên của khoa đầu rõ ý Phật, giáo lý Tỳ-ni do đây mà chế, cho nên nói là: “đến”, tức Nghĩa Sao nói rằng: Như lai lúc đầu ở vườn Nai, cuối cùng đến rừng Hạc tùy căn cơ chế giới nên có muôn ngàn sai khác, bởi do căn khí chúng sinh khác nhau, nghe ưa có khác, nên khiến Thánh chế nặng nhẹ khác nhau, gấp hườn có khác, các bộ khinh trọng có ra vô lượng, tuy là khác nhau mà đều xứng theo căn tánh, đều có ích khi vâng làm, do nghĩa này nên Thánh chế vốn có năm tên.

Lại dẫn truyện Phó Pháp Tạng “Phật hiện ở đời chia làm năm bộ (ý Đại Tập mộng cũng đồng với ý này). Như vậy vì sao văn sau của Nghĩa Sao lại nói “không có năm ý?”.

Đáp: Ở đây rõ ý Phật còn ở đời vốn không chia, nghĩa là chỉ tùy cơ lập giáo đâu có năm ý, nên khiến hiện tại chỉ có năm tên chứ không chia năm phần khác nhau. Không ngại nặng, nhẹ, duyên gấp tức là xa giúp đem đến, cho nên kia nói “Thế giới của bậc Thánh hiện không có năm ý, chỉ có lời huyền ký”, sau khi Phật diệt độ mới có các bộ phân chia.

Câu kế bày “khác”. Nói nhiều sai khác: Là chung luận chia bộ, ban đầu thì có hai là sơ sáng, sơ các tập. Kế một trăm năm sau trong Thượng Tọa Bộ chia ra năm bộ. Lại nói rằng: Sau hai trăm năm chia ra thành mười hai bộ, bốn trăm năm sau lại chia ra thành mười tám bộ (cộng hai bộ gốc là hai mươi), cho đến sau lại chia ra thành năm trăm bộ (chép đủ trong Nghĩa Sao, ở đây không phiên dẫn nữa). Tương truyền rằng: Vốn làm tông thì có mười tám, sau lại đổi thành nhiều tông khác nữa, cho nên biết lời này chung gồm hết chứ chẳng phải chỉ năm bộ. Trong Dẫn Chứng có nói rằng: “Nhiều khác nhau không thể bày đủ”, lược dẫn hai bộ để rõ tương “khác”, nên nói là “như đồng”, cho nên đặc biệt dẫn hai bộ này mới đầy đủ.

Rộng giải hai cái thật giả đối địch, ngược nhau rất dễ thấy nội ng-

hĩa. Hoặc có thể bộ chấp tuy nhiều cũng chẳng ngoài có và không, do đó sau nói giới thể cũng nêu ra hai tông. Hai bộ hơn kém lược nêu bốn món, nay giải thích chung:

Ban đầu giới bốn phiền và lược đối sau lập giáo y cứ. Luật Thập Tụng chép: Ba y có sáu giới (một quá cao, hai quá thấp, ba là như mũi voi, bốn lá Đa-la, năm là so le, sáu là nhiếp sô). Nội y đồng như trên cộng có mười hai giới thì là phiền (nhiều). Đại tiểu tiện lợi chỉ có một giới, kính(tháp đều không, đây là lược. Tứ Phần kính tháp thì tiện lợi khác nhỏ đều tùy tướng riêng, nêu đủ nhiều giới cho nên nói là “hiển”. Đấp y lập hai, nghĩa đều thâm đó, nên nói là y cứ.

Hoặc có thể hai bộ Quảng Luật và giới Bốn đối biện hơn kém, người học hãy tìm đó.

Thứ hai chỉ cho thể chưa viên, đối sau phép dụng nhiều cách. Thập Tụng cho sắc là giới thể, cả hai năng tạo sở tạo đều là sắc, đều không nói về tâm. Chưa cùng nghiệp bốn cho nên chưa viên. Luật Tứ Phần dùng hai phi làm thể, thể từ tâm phát, nhưng hạn cuộc ở tiểu tông. Khúc từ quyền ý riêng lập tên khác, thói chẳng phải tiểu, tiến không thành đại, thậm khiến người tu hành tâm mong thật đạo, nghĩa nhiều cách là ở đây. Nghiệp Sở nói “Do trong tông này chia thông Đại thừa, nghiệp nương tâm khởi cho nên hơn chấp ở trước, v.v...”

Hỏi: Câu này đã rõ giới thể, vì sao chỉ nói rằng “phép dụng nhiều cách”?

Đáp: Tông pháp tướng này không chỉ nói về thể, như Yết-ma Sở năm nghĩa chia thông, cho nên một câu này thông gồm nhiều ý. Lại bày thể này so với trước tuy hơn mà đối với đại hình như nghiêng lệch. Chỉ nói rằng nhiều cách là đủ bày ý của bộ, cho nên Giới Sở chép: “Người đây xét rộng ba căn cơ, xem xét đầy đủ hai sách, bao gồm quyền thật, gồm thâm danh lý, v.v...”

Hỏi: Nếu vậy tông trước lấy gì chỉ thẳng?

Đáp: Bộ kia lập ra chánh hợp với tiểu tông, nhất định là chấp nghiêng lệch không còn có ý gì khác, cho nên thẳng hiển bày thể, nghĩa gồm tùy hạnh nên cũng chẳng viên.

Cho nên thứ ba là xét khuôn mẫu ở đời, định đối sau nên khuyên sinh thiện. Nhiều tông cho năm giới quyết giữ trọn đời, tám giới chỉ một ngày một đêm đây là nhất định. Hai giới không khai chia nhận đầu có chia nhận được thiện, không có giới, đây là số nhất định. Tứ Phần nói hai giới dài ngắn đều thông toàn phần, đều được xét giáo của thế tục, chỉ giữ sinh thiện cho nên chẳng phải là khuôn phép nhất định.

Bốn là ngũ pháp không y cứ, đối sau nhân pháp có tựa. Tông kia nhân vị tuy đồng nhưng chẳng chỗ nào không có khác nhau, như không hòa thượng được thành thọ giới và trong giới một người bốn chỗ nói đủ số, trong một giới nhiều chỗ làm pháp xen nhau thọ dục, đây là nhân không y cứ. Ba món Yết-ma thêm thì thêm thiện, bớt thì không thành, tức là pháp không y cứ. (Trong văn giống như riêng rõ pháp, nhưng một chữ “ngự” tức người năng bình, đối sau cần biết cả hai đều không có tựa). Luật Tứ Phần chép: Tăng bốn vị, trừ ba pháp Yết-ma (Tự tứ, thọ giới, sám hối, tăng tàn). Tăng năm vị trừ hai pháp (Thọ giới, hối tội tăng tàn). Tăng mười vị trừ một pháp (hối tội tăng tàn). Hai mươi vị tăng có khả năng làm tất cả phép Yết-ma. Lại phải lựa chọn đủ số riêng chúng, tức người có sự khoan thai.

Pháp có tám vị, tâm niệm có ba (đãn tâm niệm, đối thú tâm niệm, và chúng pháp tâm niệm). Đối thú có hai (Đãn đối thú và chúng pháp đối thú). Chúng pháp có ba (Đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ). Chúng riêng Yết-ma đều tiếp phần chừng xen chẳng thông nhau, ít có thêm bớt xếp vào phi pháp, pháp này có tựa. Trên rõ tướng hai tông khác nhau, đều là Như lai tùy cơ lập giáo, cạn sâu khác nhau, từ xa trông chưa đến bộ chấp chi phần làm thuyết nặng nhẹ, ý hưng giáo ở đây đã rõ. (Xưa Sư ở khoa này là chia bộ giáo khởi là xa).

Kế ngay trong tông văn ban đầu, câu trên chỉ trước, câu dưới nêu sau. Nói chung rõ là do ba ý trước gồm tạng Tỳ-ni, nghĩa gồm các bộ không cuộc hạn ở một tông, nhưng ba ý trên năng sở xen bày. Ban đầu đến năng thí quyết gồm sở bị, do lòng từ không luống, phát sự vì hạng căn cơ thấp kém, hai món sau văn y cứ vào sở làm dụng hiển bày năng thí. Kế là bày chỗ cao quý của chánh pháp, sau rõ sự khác nhau của giáo môn, chánh rõ trong khoa ban đầu, hai câu trên rõ giáo khởi do căn cơ. Bốn câu người đã... trở xuống, rõ căn cơ khác nhau giáo rộng, tiếp dụ nghĩa là phương tiện chiều uốn. Rộng tiếp nghĩa là khiến khắp được lợi ích. Phép dụng tức tất cả sự pháp ở hai hạnh chỉ tác. Câu trên rõ ý năng nói, câu dưới hiển bày giáo bị nói, suốt xuống dưới sáu câu bày tỏ nay theo cốt yếu. Bốn thuyên nghĩa là ý chỉ lớn của giáo, đối đầu mới ở sau tức tướng khác nhau của sự. Cho nên, v.v... là xét hai thí dụ sau để bày tướng thuyên (khai chế là thứ hai, trì phạm tức thứ nhất. Hoặc có thể là hai điều này gồm chung năm dụ) do trong mỗi dụ đều đủ gồm đó.

Hai chữ “nghiệm lượng” nghĩa là dùng trí để xét cùng tột. Hai chữ “chỉ ý” tức là bốn hoài lập giáo. Lượng là tin, nay ở sau gồm nêu văn của một bộ không quá năm dụ này, dùng ít rõ nhiều nên nói là

“buộc”.

Ban đầu là già tánh: Trong Tỳ-ni chế lập không ngoài già và tánh, dùng hai môn này cầu một Luật tạng gồm quy về hai ý, cho nên nói rằng “thường chia”. Ban đầu trong thông và cuộc, mười món bất thiện là nghiệp trái lý, thể nó vốn là ác, cả ba tạng đều cấm. Nhưng trong Tỳ-ni chỉ chế bảy chi, lại thêm thiên và tụ cho nên chung hai giáo.

Chặt cây, đào đất, v.v... vốn chẳng phải pháp bất thiện nhưng vì dứt sự chê bai nghi ngờ mà chế nên nó thành lỗi, vì vậy cuộc hạn chế giáo. Y cứ vào văn hợp nói “giá giới thì hân cuộc ở chế giáo” trong văn vì chỉ bày nghĩa của tánh và giá, cho nên nói “nhân lỗi”, v.v... Nhưng tánh giới vốn không hay có, luận Đại Thánh chế và không chế đều kết nghiệp cấm báo ở ba đường. Giá giới không phải như vậy, Phật xuất hiện mới chế, cho nên trong kinh luận hoặc gọi là chủ khách, hoặc gọi là cũ mới, hoặc y cứ vào trái lý, trái sự mà chia, còn bao nhiêu như trong Giới Sở có nói.

Khoa kế, trong tánh giới, câu đầu chính nêu ý giáo, nghĩa là sau giải thích thành. Hai câu đầu chỉ bày văn hoãn, ở đây gồm thấu tất cả tánh giới nên nói là “đều có”. Văn tuy sau giải thích nghĩa gấp, ban đầu rõ giáo gấp hành khó, như sau lược nêu hai giới hiển giáo gấp ở trên, hai câu sau giải thích hành khó ở trên, cho nên biết sau là kết quy.

Ba thời: Nghĩa là mới vào, vào rồi và ra. Trong ba thời, động nhỏ mà có niệm ưa thích thì liền thành nặng. Chê mắng tức trong giới mắng thứ chín mươi là từ tâm dạy dỗ tuy mắng mà không phạm, việc nhỏ sinh sân giận cũng kết chính khoa, cho nên nói “Khai thật kết phạm, v.v...” (hai giới văn khai đều thấy ở giới bốn).

Trong già giới, ban đầu rõ hưỡn gấp, chế tức gấp, khai là hưỡn. Đối tánh giới ở trước nghĩa lập bốn câu: 1/ Văn hưỡn nghĩa gấp, trong tánh khai. 2/ Văn gấp nghĩa hưỡn, trong giá chế (Do chẳng phải tánh nghiệp nên tùy duyên khai). 3/ Điều gấp, trong tánh chế. 4/ Điều hưỡn, trong già khai. Há chẳng phải ở sau chánh bày ý khởi.

Trên rõ đại từ hộ tục, giới rõ chế đạo. Đạo đã không lỗi, tục thì sinh thiện, một phen chế được hai điều, khéo léo ở nơi đây, như kinh Niết-bàn chép: “Dứt sự chê bai của thế gian” tức là nghĩa này. Uổng Khanh: uổng là cong vẹo, do đối với tăng khởi chê bai chắc chắn đọa vào tà đạo, thường không có đường ra dụ như hầm hố. Hoặc có thể là y cứ vào quả báo tức dụ cho đường khổ. Trong phần Dẫn Chứng, kia nói về thứ bảy rõ phạm tội có ba: 1- Duyên phạm. 2- Do phạm nên chế. 3- Lại chế. Trong “lại chế” có hai thứ nhân duyên: gấp và hưỡn. Gấp

nghĩa là cho đến cùng sức sinh và người đồng phạm, hườn tức cho bả đạo trở về nhà hành dâm, sau nếu mển đạo lại cho xuất gia thọ cụ túc (ở đây rõ tánh giới). Lại nói rằng “Người đời chê rằng: Tỳ-kheo vì sao lại không có lòng từ, dứt mạng sống của cỏ cây?” Phật nhân đó chế giới là gấp. Vì giữ gìn trụ xứ Phật khai cho chặt cây cỏ, đó là hườn (đây rõ già giới). Hai nghi: Nghi nghĩa là cách thức, kiến người tìm đó, nêu ra ý nhà soạn Luận. Nghĩa là trước lại dẫn hai giới để hiển bày tướng, ý khiến y cứ dụ này để tìm các giới, đâu cũng đều như vậy, cho nên nói là “nhìn chung”. Dùng đây chứng minh nghĩa gấp và hườn của hai giới già và tánh ở trước, bao gồm tất cả. Kế trong khai và chế, chỉ y cứ già giới khác với trước. Nêu rằng: “Nhỏ là dạy cầu dạy chứng nghiệm hai nghĩa đều thông. Trong phần Dẫn bày khoa đầu nói “văn sau” tức văn năm trăm kiết tập, kia rõ ngài Ca-diếp kiết tập rồi, Trưởng lão Phú-na-la lại vận hỏi thứ lớp kiết tập, ngài Ca-diếp mỗi mỗi đáp rồi, Phú-na-la lại nói “Tôi đều bằng lòng chỉ trừ tám việc, chính tôi nghe từ miệng Phật ghi nhớ giữ gìn không quên, đó là Phật cho cất chứa và nấu ăn ở chỗ ngủ”. Ca-diếp đáp: “Đúng như lời ông nói, “lúc ấy, Thế Tôn vì lúa gạo quý đất nên cho phép, đến khi lúa gạo trở lại dồi dào Phật bèn cấm lại”. Phú-na-la nói: “Phật là bậc Nhất thiết tri kiến, không thể chế rồi lại khai, khai rồi lại chế” (ý cho rằng khai chế không nhất định thì chẳng phải Nhất thiết tri kiến (thấy biết tất cả)).

Sao dẫn lời đáp của Ca-diếp vẫn để thấy biết là người trí. Đây rõ có lúc được mùa có khi mất mùa không thể nhất định, cho nên khởi giáo này để giúp đời sau, tức rõ thời chế Tỳ-ni trong luận. Trong Thế giáo, văn Ngũ Phần quyển 22, trên rõ cho trái lời Phật chế (Số kia giải thích rằng: “Như tay cầm đồ ăn này mới là không tốt”. Lại như Tổ Bác Tiễn Túc, tuy chẳng phải sau rõ cho theo lời chế (như dùng muống dưa, giày dép, vạt áo và nương các phép chế của vua).

Hỏi: Tiêu văn có thể như vậy, khởi ý thì thế nào?

Đáp: Thời gian đời đổi, được mùa, mất mùa không nhất định, khí hậu, thổ nhưỡng, thời tiết khác nhau. Lập pháp nghiệm chẳng phải khó làm thành nhất khái, ý khiến tùy thời thích ứng nơi chốn, cho nên lập vị lai dọc thông cuối thời Tượng pháp vẫn làm như hiện tại, giúp đỡ cả chỗ biên giới, ý chỉ vì người, nghĩa thấy ở đây.

Hỏi: Thời, phương, danh, tướng chẳng hay xuất xứ ở đâu?

Đáp: Rõ luận có thời, xứ Tỳ-ni. Kia nói rằng: “Ở biên địa năm vị tăng được trao giới cụ túc, được thưởng tám gôi, ở Trung Quốc (giữa nước, chốn thành phố) thì không cho. (Ở đây gọi là danh xứ). Xưa dùng



ba lần quay về, nay thì không được. Lúc nóng thường tắm, khi lạnh thì không được (đây tức là thời), cho nên biết thời, phương, không phải chỉ một việc.

Hỏi: Đã nói là y cứ vào tông mà giải thích, đâu lại dẫn Ngũ Phần mà rõ ở đời ư?

Đáp: Bốn Luật khai năm việc ở vùng biên địa, nhưng văn cuộc hạn sự định chưa rõ thông thấu, cho nên phải nhờ văn kia để nói đương bộ. Đời nay ngu tăng không biết giáo tướng, phá giới, làm thói xấu theo thế tục đã thành thói quen, thấy người trì giới việc họ trái với ta, liền trách là không khéo tùy theo cõi nước, phong tục, quở cho là bày trò khác lạ. Tà nhiều chánh ít ai mà nói được, đời suy pháp diệt do đâu mà lần? Lại Đông Nam giảng thiền, nửa đêm ăn cháo, quá ngộ mới là “traị”, bát gỗ, y đẹp chẳng khác ngoại đạo thế tục, theo danh mê thật đều cho là tùy nơi. Ngu si không học, một khi gặp việc này liền sân. Xen dung hai giáo, tức hai thế giáo, đây có hai điều giải thích: Giáo trước vốn là vị lai, tức gồm cả thời Phật còn tại thế, giáo sau vốn khởi hiện tại nên thông đến cuối thời Tượng pháp. Hoặc có thể e nghi trích dẫn luật Ngũ Phần cho nên ở đây giải thích. Hai chữ “kia đây” tức chỉ cho hai tông, nghĩa là luật Tứ Phần chế rồi lại khai tức gồm cả đời hiện tại, luật Ngũ Phần tuy chế mà không dùng tức gồm cả vị lai. Đã kia đây gồm nhau, liền biết bốn tông tự đủ hai đời, nhưng vẫn không rõ cho nên dùng văn kia.

Hỏi: Trong giá, tánh, cũng rõ khai, chế, có khác với ở đây chăng?

Đáp: Trước thông giá, tánh ở đây chỉ ở nơi già. Nếu là tánh giới thì bất luận thời xứ, cho nên rõ trong luận tất cả thời xứ, Tỳ-ni gọi là dâm, trộm v.v... này. Trong dụ thứ ba, thù nhân gọi là báo. Nói mạnh yếu là hoặc y cứ hai vị nam, nữ, đối sau thì chế, lại trong nam nữ đều chia ra ba căn, đối sau y cứ hạnh, cho nên không nói nặng, nhẹ mà nói cho, do nói nặng nhẹ là không gồm y cứ hạnh, cho nên dùng nặng cho thông và gồm thấu hai món, đều chế tức “chỉ trì”, y cứ theo hạnh tức “tác trì”. Trong phần đầu y cứ giới sơ rất ngại hạn phần đều có chung riêng, chế bốn giới trọng, ngăn ba độc, tức ngăn căn bốn (cội gốc) chế chủng loại ngăn, bốn giới trọng gọi là ngăn sâu (đây tức là Thông).

Lại nói rằng: Phạm lỗi chưa cùng, dự thêm trọng ước cấm ngăn, cho nên nói rằng “sâu ngăn” như Ni xúc chạm Phạm Ba-la-di v.v... các loại (Đẳng là ba giới khác, y cứ theo giới để luận tức gọi là Biệt. Như uống nước có trùng là ngăn giết súc sinh. Tay cầm nắm là ngăn đánh



cũng gọi là “sâu ngăn”, chẳng phải ý trong đây, vì không đối báo).

Nói hạn phần là chỉ ở tâm duyên, vì phạm phu thấp kém mà chế phần giới hạn (ở đây tức là thông, vì chung cho các giới). Lại nói rằng: Nếu nói theo tướng thì có thể có tu học, đều là phần hạn, như lậu thất tăng tàn, Ni thì tội đọa (đây là riêng). Lại như trong tăng liên dạy Ni v.v... và trong Ni bốn món riêng ngăn nhóm, tất cả giới khác nhau). Nay đây y cứ báo mạnh yếu phải theo biệt luận (xưa ghi ngược phá giải thích này, xin lấy Giới Sở để làm y cứ). Y cứ hạnh là núi thì gọi là Lan-nhã tức thượng căn, đời gọi là xóm làng tức hai căn trung hạ, nhưng bậc Thượng sĩ không chỉ ở núi, trung hạ đâu chỉ ở xóm làng, lấy phần lớn y cứ kia để chia ra căn cơ. Ban đầu nói núi là thông hành bốn y của hai chúng tăng và Ni: 1- Y phần tảo. 2- Khất thực. 3- Ngồi dưới gốc cây. 4- Thuốc mục nát (đây là thượng căn, ni ngồi gốc cây chẳng phải lan-nhã). Hai nói thế gian là theo quả báo trung căn.

Kế là chế ba y, lại kế là chứa trăm lẻ một, kế là chứa dư, kế là các vật mềm, nệm v.v..., kế là cho dùng các quả báo trang nghiêm (đây chẳng phải thường giáo, chỉ là vì Thiên nhân Tu-bồ-đề). Trên y cứ theo Giới Sở rõ năm khai, kia nói rằng do căn báo chúng sinh khác nhau, mạnh yếu khác nhau, đến đời khiến cho Đại Thánh phương tiện khai già (đây là trước mạnh, sau yếu, chẳng giữa xen thông). Trong giới ăn, khai cho tăng thỉnh riêng hai lần, Tăng thường là đàn-việt đưa đến, v.v..., xứ khai hai phòng và thuốc khai làm ba (bốn đây khai cơ trung hạ).

Hỏi: Hai vị chế, hạnh mạnh yếu làm sao chia?

Đáp: Chế thì mạnh thấy nhẹ, yếu thấy nặng (mạnh y theo phần chừng hạn, yếu nhờ sâu ngăn). Hành thì mạnh chế, yếu cho (mạnh kham nhận, yếu quyết khai cho). Trong bốn câu, câu đầu rõ cơ khác nhau, đây gọi là cơ khởi giáo lúc Phật còn ở đời, chẳng phải các Sư năm bộ chế ra. Câu kế bày giáo khác nhau, tức đối với các bộ để rõ nặng nhẹ, nặng nhẹ nói chung không ngoài việc tội, như thiên đầu phạm dâm nặng, chế chừng như đầu sợi lông, tội trộm thì đủ năm tiền, loại yết-ma chỉ định thọ pháp, chọn người tức đây là trọng còn bao nhiêu là khinh. Lại khai kết tịnh địa, xả tài vật, trả lại cho chủ, độ người tục làm việc lành, v.v... Lại cảnh, tướng các bộ khác nhau, Luật Ngũ Phần không khai tướng nghi, Luật Tăng-kỳ tánh ác không tướng nghi, Luật Thập Tụng trước có phương tiện trừ tướng nghi (nay sao sử dụng), Luật Tứ Phần trừ phá tăng, dâm, rượu, không khai tướng nghi, còn các giới khác thông khai. Ở trên đều đây khinh kia trọng, hai câu dưới chứng thành.

Dị chấp tức là đều chấp chứ chẳng phải chê bai.

Hỏi: Ở đây y cứ nơi đương tông để biện ý khởi, vì sao dùng năm bộ làm chứng?

Đáp: Vì ở đây nêu các tông để hiển rõ luật Tứ Phần, trong năm câu, câu đầu nêu chung. Sự là môn chỉ trì, tất cả các giới như dâm, trộm, v.v... Pháp tức là môn tác trì, tất cả pháp chế, như kiết giới, thuyết giới, an cư, tự tứ, y, thuốc, thọ giới, tịnh địa và tất cả các pháp riêng chúng hay chúng pháp Yết-ma, sau giải thích riêng.

Hai câu đầu nói về ý chế pháp, trên lệ các pháp chế chung một đời giáo hóa. Hành quyết có chỗ sai trái thì mắc tội, như các pháp Yết-ma đều gá duyên mà thành, quyết cần so lường bốn tiêu chuẩn, xét lựa bảy phi, cho nên nói rằng “pháp chỉ đồng”. Bốn câu sự v.v... trở xuống là nêu ý chế sự. Tình là hữu tình, tánh là ba tánh. Tánh do tình khởi cho nên nói tình tánh, nhưng do tình thay đổi không thường theo duyên vô lượng, khiến Thánh chế giáo nhiều như cát bụi. Sự nương cảnh sinh cho nên nói “tùy cảnh”, có phạm, không phạm cho nên nói “được, mất”, hoặc nương sau giải thích tùy chế ở trên. Ba tánh phạm giới, rộng như danh báo ở thiên tự của quyển trung và trong giới sơ, nay y Văn Sở lược dẫn bày. Kia nói: “Nương duyên lành để khởi giáo”, như ngôi thiền, đọc kinh, giảng đạo, khai ngộ quyết dùng chánh mạng, ở trong tâm chế phục phiền não, đây gọi là pháp lành. Trông mong danh lợi, tà mạng tự ở, tướng tuy là thiện trở lại thành tham độc, hoại tâm chướng đạo, lỗi ở nơi đây, cho nên Đại Thánh (Phật) khởi giáo ngăn đó (ở đây chung cho già tánh. Tánh như từ tâm cắt đứt mạng sống, tâm tốt dùng lẫn lộn của Tam bảo. Già như các loại xin y, nhận quá nhiều, khuyên thêm...)

(tờ 168) Nói duyên bất thiện để khởi giáo, như mười điều ác, v.v... thể là bất thiện rộng khắp ba đường, tăng thêm phiền não, chướng đạo, cho nên Phật (Thánh) do lỗi mà chế giáo để ngăn ngừa (đây cuộc hạn tánh ác). Nói nương vô ký để khởi giáo như cỏ, đất, v.v... thể tuy vô ký thường làm không thôi, ngoài bày chê xấu, trong thêm loạn tâm, cho nên chế ngăn, làm thì phạm đọa, còn bao nhiêu rộng như sau (ở đây chỉ cho già giới).

Nói người đời chê cười tức các giới, duyên phần nhiều do thể tục chê bai mà sinh lỗi, mới chế một thường để chia, thì câu trên chung cả tánh và già, câu dưới chỉ cuộc hạn giá giới. Nhưng duyên khởi tánh giới cũng gồm người đời chê cười, cho nên hai câu này không thể riêng phán, suy nghĩ có thể biết (xưa phần nhiều giải lầm nên chỉ cho cong). Như năm dụ trên, dụ ba và bốn là y cứ căn cơ để hiển giáo, còn ba khác

thì giáo chẳng phải không đối cơ. Lại hai thứ trước cuộc hạn ở chỉ trì, ba thứ sau chung cho chỉ tác. Trong ý chung, văn ban đầu chia làm hai: Hai câu trên kết trước, gồm sau là bày ý. Tạng Đại Tỳ-ni khởi ý rất nhiều năm dụ, gồm thâm đại yếu đều lược hết. Trông kia riêng thật chưa đủ, cho nên nói rằng “lại lược...”, ít biết nói có thể hiểu.

Phương, nghệ rõ có chỗ quy về. Phương là chỗ ở, nơi chốn, nghệ là chỗ đến, gồm trước sau của một luật, cho nên nói là gồm nhiếp. Chỉ một ý để gồm nhiếp cho nên nói là “bao, nêu” là cứu vớt. Phạm dung: Nếu y cứ chỗ giáo hóa thật chung cho các đường, nếu lấy chỗ đáng độ thì riêng ở loài người, ba quy y, năm giới các đường đều thấm nhuần. Đầy đủ luật nghi chỉ có người mới lãnh thọ được, quyết ước hai ý chung riêng để giải thích. Nhưng đây chính là đại ý xuất hiện ở đời của Như lai. Lời gồm ba tạng, nghĩa hợp năm thừa. Và lại đến sở tông cho nên là ý luật, nên nói “hoặc” là Nê-hoàn, Niết-bàn, v.v... là chuyển tiếng Ấn-độ, trong Chuyển Tiểu Viên Số của Tây Âm có dịch là “Diệt”. Trí Luận nói: Niết gọi là Xuất, bàn gọi là Thú, là nói hăng ra khỏi các đường. Sở là lý sở chứng, luận y cứ trí năng chứng, xưa ghi đến đây rộng nêu chương nghĩa, nay ý không giữ như trước đã bày, nhưng phải lược nêu để khiến tương văn. Các luận Tiểu thừa thông rõ hai món Niết-bàn, nghĩa là người Nhị thừa kiến hoặc tư hoặc dứt kết, cực chứng chân không mà báo chất chưa quên, nên gọi là “Hữu dư y”, đến khi hóa lửa đốt thân, thân trí đều diệt, đồng với hư không nên gọi là “Vô dư y”. Nếu y cứ đại giáo thì chỉ cho tánh thường trụ bất sinh diệt là Đại Niết-bàn. Văn nay phải thông, Nê có hai cách giải thích: Nếu y cứ quyền tông tức chỉ hai thứ trước, nếu lấy khai hiểu phải quy về một thứ sau, phò Luật đàm thường tức là ý kia.

Văn dưới điều hòa ba độc, câu bốn quả, v.v... đều giải thích này. Trong Dẫn Chứng, hai đoạn đều là trong bốn luật thêm ba, đoạn văn đầu có ba câu, hai câu trên là lời Bà-la-môn Khổng Tước Quan hỏi ngài A-nan, một câu dưới là lời ngài A-nan đáp (kia nói đủ là điều tham dục, sân nhuế, ngu si khiến cho hết). Thêm giới học là xuất hiện đời chánh đạo tăng thêm pháp cap siêu, chẳng phải tạm chế mà nói tăng thêm (định tuệ cũng đồng).

Thế nào là hai câu sau liền dẫn đoạn sau? Câu trên là lời Phật hỏi các Tỳ-kheo, chữ “vi” bình thính. Câu dưới là lời các Tỳ-kheo đáp (kia nói đủ là: Thế nào là tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ ba môn học này, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, v.v... trong văn buộc đó). Đã dẫn lời hai văn không khác với lý, nhưng trên y cứ sở đoạn, dưới y cứ

sở chứng.

Hỏi: Giới là ngăn nghiệp, chẳng phải kia nói rằng điều hòa độc, cầu mong quả ư?

Đáp: Như trong giới số nói “suy tìm sẽ hiểu”, xưa ghi ở đây bàn rộng về đoạn chứng, rối loạn tông học, giới số chiều uốn như trước dẫn đủ.

Lại nói rằng: Nay sở học chính là cầu bốn quả này, do tông này chính thuộc về Thịnh Văn thừa, cho nên bàn đến đây liền cho là cùng tột. Xưa thường cho học đến đời này, đau họng không kể xiết, có thể thay đổi. Xưa thường cho học đến đời này, đau họng không kể xiết, có thể gọi là đê ép Tổ thừa, điếc đui đến học. Thiên thọ giới rõ thượng phẩm phát tâm, thiên Sa-di nói xuất gia học là gốc. Thiên tụ đã dẫn kinh Thắng-man, Luận Trí Độ đều dùng Tỳ-ni tức Ma-ha-diễn. Trong Yết-ma Sở viên giáo nêu ra thể, tức đồng ba tụ chung quy xứ là cõi tâm đại thừa, làm sao không suy nghĩ đến nỗi thiếu chỗ bước chân, các văn như vậy làm sao giải thích rõ, đến nỗi khiến cho cốt tủy giáo môn một nhà đều tan, kẻ hậu hiền có ý thức rất cần phải soi xét. Kết chỉ trung thượng, ba câu chỉ sự riêng ở thiên sau, hai câu sau chỉ bày ý chung trong đây. Các môn sau tức ba mươi thiên, cho nên không nói “thiên”, vì trong mỗi thiên tùy các việc riêng đều có ý chế. Nay đây chỉ khắp khoa khác trong thiên, cho nên nói rằng “các môn”. Dưới gồm kết rằng mười điều này đều gồm buộc các môn, há chẳng phải chỉ các thiên sau ư? (Có thuyết nói rằng “sau chín môn” là sai. Tìm điều biết gốc: Điều tức việc trước vì là tướng riêng, gốc nghĩa là văn nay bày nghĩa chung (chín thứ khác đồng với đây, nêu văn lược bỏ)).

Môn thứ hai, ban đầu là nêu, giáo khởi đại ý như trên đã nói, nhưng tội kia sự nặng nhẹ khác nhau. Dục vốn là ý so lường của Đại Thánh cho nên kể nói rõ. Trong Thánh minh, khoa ban đầu, hai câu trước nêu khó, câu trên chỉ cho tâm Phật, câu dưới là ý Tổ, lý do gì sau giải thích khó bắt. Ban đầu gạn nguồn, sau giải thích, hai câu trên y cứ theo người, suy tôn giáo thì giáo thâm khó cắt. Lại dưới thì giáo suy cơ mà cơ sai không thể cứu, nguồn cũng suy. Cùng tức cực, tánh dục của chúng sinh chỉ có Phật mới cùng tột, đều tùy nghi trao đạo giáo không sai mấy may, đã nêu ra mưu Thánh cho nên phàm phu chẳng thể so lường. Nếu lấy ngẫu đối trên, câu trên đối dưới hợp nói rằng “người biết bệnh”, câu dưới đối trên hợp nói rằng “đồ nhận pháp”, pháp dụ xen nêu, lời dón gọn nghĩa bày rõ, cho nên sau đều kết.

Khẩu âm khẩu, cũng khứ thỉnh, nghĩa là đánh. Phương là nơi chốn,

Như lai lập pháp lượng đồng cội hư không. Muôn loài chúng sinh đều thấm nhuần lợi ích, cho nên lợi kia không ở một góc mà nói là “vô phương”, đã không nơi chốn thì lợi ích ấy chẳng phải suy nghĩ mà đến được, nên nói là “há có chỗ đồng”.

Khoa kế, tuy nhiên cùng đoạt là lời chưa quyết. Đối với trước vừa mới xem cho nên nói rằng “xét lại”. Trước y cứ đương cơ cho nên khó cắt đứt, nay lấy giúp sau nên nói “tự hiển”. Xa nêu tức Luật giáo, giáo để chỉ đạo, dụ đó như vật nêu. Vượt các sách vở ở đời nên nói là xa. Dụ nghĩa là gấu áo, lấy sau rốt kia để dụ cho người học sau. Đối với văn tức bầy dụ sau đều thấy trong Luật. Ý nghĩa luận giáo hoặc không rõ văn, cần dẫn chứng cứ. Văn Luật đã rõ nên không nhờ chứng cứ. Thị hiện tướng chung cho nên nói là “đại lược”, dụ đầu trong các dụ riêng y cứ trong Nghiệp Sở rõ năm cái thọ, xả, tiệm, đốn, trước. Kế mười giới, sau đủ gọi là tiệm, tất thọ giới cụ túc, ba giới đều được gọi là Đốn. Bỏ giới cụ túc làm Sa di, bỏ Cụ túc, Sa-di làm Ưu-bà-tắc gọi là Tiệm. Mãi làm người tại gia gọi là Đốn. (đây xưa ghi giải, chưa thấy ý chế giáo nặng nhẹ)

Nay y cứ vào thiên trì phạm, không học không biết đốn tiệm nên giải thích. Giới Sở chép: “Hạnh trái vốn nhận xa lìa mà không học nên gọi là “chỉ phạm”, không học đủ đốn tiệm, khởi tâm có thông và cuộc hạn. Không biết chỉ cuộc hạn tiệm, duyên cảnh không rõ phạm không học tội, trong tiệm tùy cảnh kết cho nên là nhẹ. Đốn thì tất cả phạm cho nên là nặng (không học là nêu ra thọ giới nói tướng, chẳng biết nêu ra là không nhiếp giới kia).

2- Khoa kết chánh nghiệp: Tức tội của thiên tự đều từ chủng loại và y cứ nghiệp lý nặng nhẹ bầy chi để chia trên dưới. Như thiên tự nói rằng: “Khoa chánh kết tội, chính là chỉ cây sáu pháp”.

3- Báo quả khác nhau: Ở đây rõ loài người quả báo có khác nhau, nghĩa là các loại nam, nữ, huỳnh môn, hai hình, v.v... Bốn pháp Ba-la-di đều là trọng, thoa chà xúc chạm, nói lời thô và môi giới thì có khinh, như luật giải rộng đủ nêu tướng kia, có thể tìm thấy ở chú giới (xưa y cứ Tăng ni riêng chế để giải thích, hoặc dẫn bốn câu mẫu luận phạm báo v.v..., giải thích ý nghĩa giống như Sở).

4- Nhiếp đường (thú) hơn kém: Luật nói thú có ba loại: Người, chẳng phải người và súc sinh. Chẳng phải người thông gồm bốn đường trời, tu-la, quỷ và địa ngục. (tờ 169) Lại trong chẳng phải người và súc đều có nam, nữ, huỳnh môn và như giới bốn đã nêu “người là hơn, súc là kém”. Chẳng phải người có cả hơn lẫn kém. Lại y cứ bốn món trọng

để chỉ bày tướng kia:

a- Con người và bốn giới đều là trọng.

b- Phi nhân dân là nặng, còn lại là Thâu-lan-giá. Súc sinh dân là nặng, trộm là đột-cát-la. Giết mà có trí là Thâu-lan-giá, vô trí là Ba-dật-đề (các thiên khác tự tìm xem).

5- Khởi tình thật dối: Ở đây có nhiều cách giải thích:

- Như giới chê bai, nói dối, v.v... tình dối cho nên nặng, tình thật nên đều khai (các giới không phạm, trong văn đều nêu “thật vậy, vô tâm v.v...”). Lại các giới cảnh tưởng, câu đầu tình dối cho nên nặng, tưởng nghi tình thật đều là nhẹ (trừ hai giới dâm dục và uống rượu). Lại trong các giới, hoặc nêu “biết, mà cố” tức là nói lên tình dối (như cố ý cắt đứt mạng sống súc sinh, biết nước có côn trùng) chẳng phải cố, không biết, tức là tình thật. Tức như Bốn luật khi phạm quyết hỏi “tâm hay vô tâm không phạm”, chế giới nặng nhẹ tìm đó sẽ thấy.

6- Khai chế xen lập: Tất cả các giới hoặc chỉ hoặc tác có chế mà đầu tiên không khai, có khai mà không hề không chế. Hai giáo đối đãi nhau, nghĩa không lập riêng như giới dâm, cho đến súc sinh, vào chừng đầu sợi lông liền phạm, vẫn khai oán bức đây tức trong chế mà khai. Tuy chấp nhận cảnh hợp ba thời không ưa là trong khai mà chế. Lại như vốn chế ba y, kể khai trăm lẻ một, lại chế gia trì sau khai chứa dư, vẫn chế thuyết tịnh, thời, duyên không nhân rồi. Lại khai mười ngày không nói thì phạm, lại như bốn chế duyên an cư khai thọ nhật, lại chế cần trong hạn cuộc thể qua lại, lại khai nạn duyên không trở lại, v.v... nhưng chế tức là nặng khai thành nhẹ, cầu như loại này mới thể hội được ý giáo.

7- Trung huyền tức xóm làng, hai căn trung hạ. Tịnh tức lan-nhã, thượng hạnh đầu-đà. Bốn y giáo trọng, bốn khai giáo khinh (ở đây rõ Như lai chế giáo nặng nhẹ. Lại nói rằng: “Ở văn tự rõ, cần thì đến bốn luật rõ mà tìm”. Cho nên nay sự giải thích rất khác xưa). Trong kết chỉ bày, câu trên thuộc Phật, câu dưới thuộc về người sao. Cứ nơi bốn chế lại đến sự xử đoán thì nặng nhẹ hợp giáo, trong muôn không có một lỗi, chọn lựa bảy lớp: Ban đầu thọ tùy chọn một là trái với thọ thể, còn sáu thứ khác chế ở tùy hạnh. Hai là trong hạnh lựa chọn chỉ tác. Ba, bốn, năm là chỉ, sáu chung cho chỉ tác, bảy là tác. Ba là y cứ vào trong chỉ lựa chọn năng sở. Thứ hai là tội sở phạm. Ba, bốn là cảnh sở đối. Năm là tâm năng phạm, như vậy biết đó.

Thứ hai, trong nêu nói đối với sự: một, y cứ chế tội. Hai là y cứ vào hành pháp. Ba, gọi là mất vật (thiên Nhị Y chép: tùy bốn thọ thể,



luật nào thọ giới, tức dùng luật này mà định ra nặng nhẹ).

Nên cần hỏi rằng: giáo môn nặng nhẹ, Thánh ý có thể biết, nhưng lại bốn luật xen có sai trái, nặng nhẹ không nhất định, người học đời nay y vào đâu làm tiêu chuẩn?

Môn này đã lập ý kia ở đây. Trong Tự Cổ khoa đầu sau Phật diệt độ ngàn năm, đến sau thời Hán Minh Đế ngài Ma-đăng, Trúc-pháp-lan mới đến, người tuy xuất gia mà chưa có quy giới. Qua đến đời Tào, Ngụy gần hai trăm năm, Đàm-ma-kha-la (hoặc viết Ca-la, Hán dịch là Pháp Thời) y Tứ Phần Yết-ma đầu tiên lập mười giới sư cho thọ giới, đưa ra Tăng-kỳ, Giới bốn dạy chúng tụng tập (thứ nhất là sai). Đến đời Diêu Tần, luật Thập Tụng, quảng luật mới được phiên dịch, người liên nương đó dùng (đây là hai cái sai). Kế ba bộ luật Tứ Phần, Tăng-kỳ, Ngũ Phần vẫn rộng đều truyền đến đây. Người cho rằng Luật Tăng-kỳ cùng giới bốn trước văn lý hợp nhau, bèn bỏ Luật Thập Tụng phần nhiều giảng Tăng-kỳ (đây là sai thứ ba), chỉ có Tứ Phần, Ngũ Phần chưa hề rộng thông. Đến đầu đời Ngụy, Luật sư Pháp Thông mới ngộ các điều sai ở trước liền bỏ giảng Luật Tăng-kỳ, ban đầu truyền Tứ Phần nhưng do tình người chấp cũ, phần nhiều chưa phục tụng. Đến đời Tùy, Luật Sư Trí Thủ làm sao phân chia năm bộ, thường thường chưa thể tận lý, vẫn còn phân vân, cho nên nay trong sao đặc biệt phải nêu bày. Niên tịch đã lâu, tranh chấp vẫn nhiều không thể bày đủ nên chỉ bày chung rằng “các thầy”. Đông lưu là nêu chỗ đến, hoặc nói “Tây lai” là nói chỗ từ đó đến. Chữ kỷ, bình thình là gần. Từ đời Hán đến đời Đường là nói thời soạn Sao, có đến năm trăm năm mươi chín năm cho nên nói là gần (nếu lấy Tào Ngụy được giới rồi đến gần bốn trăm năm).

Xuyên tạc: Người học không có thầy dạy, buông ý công cầu không theo chánh lý, cho nên dùng để thí dụ. (Mạnh Tử nói: “Chỗ ác với người trí là tạc” chú rằng: người ác dùng trí mà vọng xuyên tạc). Suy tìm lý do thì câu trên là mê giáo, câu dưới bày hạnh mê. Tổng chỉ nghĩa là giả thật khác nhau. Bốn thú tức sắc và phi sắc khác nhau. Trong khuyến học, câu đầu khuyên nhập học, học thầy là lãnh học nơi thầy. Câu kế là khuyên nương chánh giáo. Chữ “hà” trở xuống là nạn lỗi. Hai câu lời khác nghĩa đồng, nhưng trên y cứ vào phá, dưới lấy khinh chê. Luận dụ như đọa, Xuy tức là cười.

Trong Chánh Quán, ban đầu hai câu trên tức tiểu bản kia, chữ “thể” trở xuống là biết tông chỉ kia. Nghiệp Sở chép: “Như giới một khi thọ nguyện hành thì phải đồng, đâu có thọ nương nhớ nơi tông, tùy hạnh thật giáo”. Ngài Thần Châu một phen gồm y cứ thọ và tụng vẫn



Tứ Phần, đến luận Tùy Hạnh đều nương Hữu Bộ mà hành học, chẳng phải chỉ có thể tướng đều trái mà cũng chính cả hườn, gấp tùy tình v.v... (Có thuyết đem thể đã đồng với lời, làm chung lời thấy là sai), càng bay trong y cứ chỗ rõ ở trên đối với lý đã hiển bày, cho nên lại chỉ bày:

1, Sợ nghi nói rằng: Đều là Thánh giáo đâu khiến xen phán nào có lỗi gì?

2, Lại sợ nói rằng: Tứ Phần thì có thể được, còn các tông khác không phải như vậy, cho nên lại giải thích.

Vấn đầu, hai câu trên nêu, nghĩa là sau giải thích. Như đã học luật Tứ Phần, liền nương Tứ Phần mà phán, người thọ giới của luật Thập tụng kia và bao nhiêu xen nhau cũng vậy. Đồng thì không nói, trái thì có lỗi, cho nên nói là “thoát duy”, thoát là chợt, duy là mắc. Khiên tức là tội. Câu trên rõ lỗi phán đoán, câu dưới chỉ bày tội trái phạm, ngu si tức là không biết.

Khoa kế, hai câu trên chánh chỉ bày phân xử của các tông và đồng dụ này, cho nên nói rằng “thông lập, v.v...” là cách thức, giáo âm là giác. Hai câu sau là kết cáo. Điều lãnh tức nay đã lập vừa thấy môn đây nghi trệ liền rơi mất như băng tan, cho nên nói là “thích nhiên” (rõ ràng). Đại quán nghĩa là đã thấy thông xa.

Môn thứ tư, trên rõ xem xét chuyên dùng Mật tông, nhưng hoặc bị sự không khắp, cần thông bộ khác cho nên ở đây nói, muốn hiểu đại ý văn tướng môn này cần dùng ba câu hỏi trước để kích thích đó.

1- Hỏi: Thọ thể đã theo Tứ Phần, chỉ hợp y bốn tông, do đâu nay sao lại dẫn đủ các bộ, y cứ thể rõ tùy nghĩa an lập kia?

2- Hỏi: Ba tạng đã tuyên sự lý khác nhau, đã tông Luật tạng, vì sao sau lại dẫn các kinh như A-hàm, v.v... và các tiểu luận, há chẳng phải hóa chế không chia ư?

3- Hỏi: Luật là Tiểu thừa, giáo hạn cần riêng đâu được liền dùng Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Địa Trì, Trí Luận, đâu chẳng phải đại tiểu đầy đầy ư? Nếu không rõ tông học đều nghi, cho nên ở đây quyết, tìm văn có thể thấy?

Hỏi: Nay Sao dùng chung ba tạng vì sao chỉ nêu các bộ?

Đáp: Các luật thể tướng đã khác, phải rõ dẫn dụng phần chứng, cho nên môn này chánh nói về các luật. Đến sau sáu thầy mới thông kinh luận (có thuyết nói: Các bộ thông thấu kinh luận là sai). Trong Tự Phần tông, văn đầu nói là bao gồm các bộ. Sau khi Như lai diệt độ ngài Ca-diếp kiết tập luật Bát Thập tụng. Năm vị Sư nối nhau truyền thừa một trăm năm và không chia nhánh phái, sau do sự tranh chấp nên chia

thành năm tông phái, đã nêu ra ở một nguồn nhánh quyết quay về với một gốc, cho nên nói rằng “thật một văn”, nhưng sau chỉ bày lý do phân chia.

Câu trên rõ Như lai phó cơ lập giáo khác nhau (có chỗ cho rằng cơ ngộ thuộc về năm Sư là sai). Câu dưới nói các Sư đều chấp khác nhau, Nhạc là dụ chấp kia vững chắc như núi. Tựa Chú giới chép “Mây bảy hai bộ năm bộ sai, núi lớn mười tám, năm trăm khác nhau (có người cho là năm ngọn núi đối với năm bộ là sai, huống chi nói các chấp không chỉ có năm bộ, xin dùng Chú giới đối chất).

Khoa kế, hai câu trên là tông Tự Phần. Nghĩa Sao nói “thọ pháp đã ít không thể đều dung cho nên chia năm bộ”, nhưng đã được Phật huyền ký, bởi thời cơ đúng nghi, tranh chấp tuy khác nhau mà đều chứng đạo. Tức kinh Đại Tập chép: “Năm bộ tuy khác mà không ngại Niết-bàn pháp giới Chư Phật”. Hai câu dưới nói về các tập. Cảnh nghĩa là ganh đua. Nói đại chúng là ngoại bộ đầy tràn. Cao Tăng Truyện nói rằng: “Thượng tọa và Đại Chúng mới chia chỗ kiết tập”, kia nói Đại chúng chính là ngoài hang. Đây nói Đại chúng nhất định là trong hang, tức Ma-ha Tăng-kỳ ngày nay, Hán dịch là Đại Chúng, do năm trăm vị cũng là Đại chúng (Trí Luận thì nói là ngàn vị), đây thì tên Đại chúng chung cho hai bộ. Thượng Tọa chỉ cuộc hạn trong hang, người học phải hiểu rõ. Một nhà lại y cứ nơi năm bộ, đều tự nói, trong ba món, loại ban đầu nặng nhẹ khác nhau.

- Một, y cứ tội giải thích, thiên đầu của bốn tông là phạm tội (nặng), các bộ khác chỉ là Đột-cát-la. Bốn tông phạm tội, phương tiện diệt theo, các luật khác thì vẫn còn. Luật Tứ Phần nói, nữ xúc chạm Tỳ-kheo thì mắc tội Thâu-lan-giá, Thập Tụng kết tội Tăng tàn. Luật Thập Tụng nói thân căn xúc chạm mắc tội Thâu-lan-giá, luật Tứ Phần thì nắm tóc cũng mắc tội Tăng tàn (lại lược sót văn, còn lại tìm giải thích tương).

- Hai, y cứ vật của người chết mà giải thích, sau nói: Nhưng vật người chết này các bộ chưa đồng nhau, tích tượng, đồ tắm, lọ kim, chùy, v.v... bốn vật quy về, các luật khác đều nhẹ (như trong ba y).

- Ba, y cứ luật Tứ Phần, thọ giới duyên đủ mới thành cho nên nặng, các tông khác duyên thiếu đều khai (như không có Hòa-thượng, không có y bát, v.v...). Bốn tông muốn chuyển dục làm nhẹ, các tông khác không khai cho nên là nặng. Bốn tông sám hối tội Tăng tàn hơi trái cách thức, hối tội không nêu ra cho nên trọng. Luật Thập Tụng không thực hành sáu đêm ở riêng, thăng được xuất tội nên thuộc về tội nhẹ.

Hai, là trì phạm chia đường, tức như trên dẫn cảnh tướng khác nhau. Lại luật Tứ Phần, giới dâm y cứ chừng đầu sợi lông, luật Thập Tụng phạm qua da, qua răng. Luật Tứ Phần hề trộm năm tiền thì thành phạm, Thập Tụng lấy tiền khỏi chỗ cũ mới kết tội. Luật Tăng-kỳ suốt đêm giữ y, luật Tứ phần hạn cuộc ở minh tướng.

Ba, có không thay nhau nêu ra. Đệ cũng xen nhau, tức như trên dẫn các học có không và trộm chẳng phải vật chủ. Luật Tứ Phần không có văn, đều y cứ theo luật Thập Tụng. Tứ Phần hai y báu là tơ tầm và gấm đều không có pháp sám hối, Luật Thập Tụng nêu ra, lại Tứ Phần y giới có thể phân chung, các bộ khác đều không có.

Bốn, xen hiển phế và hưng. Tứ Phần tiếng ca thuyết giới dùng phế (bỏ), Ngũ Phần nói thẳng lấy hùng (khởi). Luật Tứ Phần khai kết tịnh địa dụng phế, luật Thập Tụng chế đoạn hưng khởi. Lại như luật Tăng-kỳ Diệp Sự nói dụng dụng phế, luật Tứ Phần không diệp lấy hưng.

Kế rõ lấy dụng, khoa đầu trong nêu bày. Lập luật Tứ Phần làm bốn là thuận gốc nhận thể, lia trước xen phán lỗi. Cần dùng các bộ là hành sự có y cứ, lia sau chấp cạnh lỗi. Dẫn trong luận muốn rõ thủ xả là có chỗ y cứ, cho nên ở đây luận năm trăm vị La-hán làm và giải thích Luật Tứ Phần. Ban đầu giải thích duyên khởi giới dâm rồi đem vào Giới Bốn, liền biến thành luận tông, trong kia một vị La-hán nói “Trong giới cú (tức sau tùy bốn), trong giới bốn (tức sau bốn) ở trong lời hỏi (tức lời Pháp sư) nếu người muốn biết, có bốn tỳ-ni”.

Các Đại đức... như Sao đã dẫn, nhưng các La-hán đều đủ thần thông không đâu chẳng hơn kém, cho nên soạn, riêng có thể. Sao ra truyền nơi bối diệp. Trên là lời cáo chúng, một bốn sau nêu ra tướng bốn bốn pháp:

Một là trong bốn nói “Tất cả luật tạng tức chỉ cho các giới của đương bộ chẳng phải gọi chung các luật. Hai là tùy bốn sau lược giải thích văn kia, Luận chép: “Bốn đại xứ gọi là tùy bốn” (luận văn khó hiểu, các nhà giải thích khác nhau. Lại y chép xưa y cứ hai duyên chung riêng mà chú thích). Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nói bất tịnh (tánh ác, giá ác đều là bất thiện, cho nên không thanh tịnh) mà không chế (tâm loạn cuồng si đều không khai), nhưng đây tùy vào bất tịnh (một tâm niệm nhớ, Tỳ-kheo này liền phạm) đối tịnh không vào gọi là bất tịnh (bất thuận khai giáo nên tịnh không vào, đã là phạm tội nên gọi là bất tịnh).

Thứ hai, Phật bảo các Tỳ-kheo “Ta nói bất tịnh (như trên) mà không chế (như trên) nhưng đây tùy nhập tịnh gọi là tịnh (tâm không

nhớ biết thuận khai vào tịnh, do không thành phạm nên được gọi là Tịnh).

Thứ ba, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nói cho tịnh (như dâm bị giặt ép ngắt nghiêm khai tám việc) nhưng ở đây tùy nhập bất tịnh (ba thời có lúc vui đâu không dừng, cả hai đều quy về phạm) ở tịnh không vào đối bọn ông là bất tịnh (nướng vào khai giáo nên tịnh không vào, đều kết chánh phạm nên nói bất tịnh).

Thứ tư, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nói cho tịnh (như trên) nhưng ở đây tùy vào tịnh, đối bọn ông tịnh (thuận với khai giáo và không phạm) tất cả các giới và đủ hai duyên chung riêng. Chung như trì phạm, riêng ở tùy tướng.

Nay bốn câu này, trước hai duyên chung, sau hai duyên riêng. Lại trong hai câu trước sau và câu đầu là phạm câu sau không phạm, mỗi giới sau đều có hai duyên nên gọi là tùy bốn. Chỗ đại yếu của tất cả giới gọi là chỗ bốn đại. Lời ba Pháp sư, trước nói bốn tức hai bốn trên, phân biệt rộng tức văn trong luận giải thích, mỗi chỗ đều nói rằng “Pháp Sư là đúng” tức một câu Luận chủ, Tổ sư giúp hiển rõ chẳng phải văn bốn luận. Bốn ý dùng luận làm tự ý, kia nói rằng “Thế nào gọi là tự ý?”. Đáp: Đặt bốn, đặt tùy bốn, đặt lời Pháp Sư (như phê bình một giới thì hợp ba pháp lại, ba pháp đặt để đây đợi thêm ý rộng và đối ba tạng mới có thể lấy bỏ) dùng ý so lường (so lường có thể được chăng?) dùng phương tiện so lường (rõ lý thú kia) và ba tạng là trên rõ ý, dưới để giúp giáo. Kia nói rằng: “Dùng Tu-đa-la để nói rộng, dùng A-tỳ-đàm để nói rộng, dùng Tỳ-ni để nói rộng, dùng lời Pháp Sư, văn lược câu sau nên nói là “Đẳng” (nghĩa là lời Pháp Sư trong ba tạng).

Trước quán, sau chánh bày ý dụng pháp thứ lớp. Căn bốn tức bốn cú, nghĩa tức tùy bốn. Văn y cứ đồng, không đồng, nghĩa là dùng ba pháp trên khảo sát ba tạng. Đẳng tức là đồng Trong chú chỉ rộng, nay chỉ lược dẫn.

Kia nói rằng: Luật Sư có ba pháp rồi mới thành tự.

1- Đối với bốn đọc tụng thông, lâu. Câu nghĩa rõ ràng, văn chữ không quên.

2- Đối với luật giữ vững không lẫn lộn.

3- Theo thầy thứ lớp thọ trì không để quên mất (đối với văn khó hiểu cho nên rõ dần, rộng như kia).

Chánh dưới một câu kết bày. Lấy ý trong văn ban đầu, hành tàng là y cứ vào sự phước lập của hành sự. Lấy bỏ nghĩa là khảo xét phải trái văn xưa. Văn thật khó chẳng dễ xen nhau, đại thuyên cũng tức là ý

chung (trước nói rằng xa thuyên bốn thuyên đều đồng). Trình là bày, sau lệ khoa lấy bỏ đều có y cứ, cho nên nói rằng: “Không lầm”.

Trong phần nêu dụ, ban đầu rõ bốn viên không thủ, chỉ bày có sự tôn sùng. Như thiên nặng nhẹ, nhóm chúng, pháp yết-ma, thọ sám, trị diệt tận, kết giới, thuyết giới, an cư, tự tứ, v.v... dùng người, dùng pháp phần nhiều nêu bốn tông. Lại sau nêu rằng: “Bộ riêng khác nhau, không lấy bộ ngoài” đều là ý này, còn hai món sau nêu bày ở bốn dụ.

Ban đầu không rõ có hai: một, là không rõ ràng. Như mười lăm món lược thuyết giới và giống với phương Đông có núi xứng núi.

Hai, là không rõ đủ, như bốn người pháp không trừ sám xả đọa, v.v...

Vấn sau mỗi mỗi nêu riêng. Dùng hai ý này tìm có thể thấy.

Hai là bỏ trước, như tiếng ca nói giới.

Sao chép: Đây là Ngũ Phần phước giáo (ngoại đạo như thế, cá thịt là món ăn chánh, tuy đồng phước giáo, đến sau sáu thầy mới có thể nói. Trong đây lại y cứ các luật, xưa ghi một hỗn học cần phải biết).

Ba: Có nghĩa mà không vấn: Như người điên cuồng trước bỏ giới không thành, là có nghĩa không đủ, cho nên dẫn Thập Tụng, v.v... để làm chứng. (như định do-tuần. Y cứ theo luật ngày mười bốn thuyết giới thì ngày mười ba phải đến trước. Y cứ mạnh trăm dặm nên dùng hạ phẩm Trí Luận làm định. Lại mười ba có nạn bất luận hoại Tỳ-kheo. Y cứ Ni hỏi ngược lại dẫn văn Thiện Sinh. Đây đều thuộc sau trong sáu thầy).

Bốn: Không vấn có sự, như nói rằng “Ba y nên thọ trì và phi thời qua đêm không thọ đều nói ba loại thuốc gia pháp mà không có vấn thọ?” Hoặc nói “Kiết giới, nhóm tăng không có các vấn tự nhiên sáu tướng”. Như sau kết chỉ bày.

Trong quan hệ thủ dụng pháp tướng văn ban đầu chia làm hai:

Một là chánh rõ lấy bỏ, hườn gấp, nặng nhẹ bốn nghi khác nhau. Ban đầu, như văn thọ y, Luật Tăng-kỳ nói suốt đêm, luận Tát-bà-đa nói luận không y bát, đắc giới, v.v... đều là hườn riêng. Thứ hai, như luật Tăng-kỳ chuyển dục liền mất, xả tài vật vào tăng bỏ hẳn, v.v... gọi là gấp riêng. Thứ ba, như trước đã dẫn cảnh tượng không đồng tức trọng riêng. Thứ tư, là thiên ban đầu không phạm trọng, v.v... gọi là khinh riêng. Đây chẳng phải một câu thông thấu bốn câu trên, xen trông vì nói. Lại dẫn sự giải thích là trong đủ số, sự xưa do phá giới, Hòa-thượng ngoài mười vị. Nay bác bỏ rằng: “Không được dùng ngay bộ khác”. Lại trong “thọ nhật” chép: “Không được bình bạch yết-ma như luật Tứ

Phần lại dùng sự của Tăng-kỳ mà xong. Còn bao nhiêu tìm ở các bộ thiên, y cứ luận không lấy tức đồng ý dùng. Cho nên hai dẫn chứng sau nói bốn thuyết là trong Bốn luật Tăng Tứ chép “Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: “Có bốn món nói rộng là: Nếu Tỳ-kheo nói lời rằng “Trưởng lão! Ta ở thôn ấy, thành ấy đích thân nghe Phật nói thọ trì không quên, đây là pháp, đây là Tỳ-ni, là lời Phật dạy”. Nếu nghe kia nói vậy không nên chê bai nghi ngờ cũng không nên quở trách, nên xét định văn cú rồi nghiên cứu rõ ráo pháp luật, nếu trái nhau nên nói với kia rằng “Lời ông nói chẳng phải lời Phật nói, hoặc Trưởng lão không xét lời Phật, không nên lại tụng và cũng chớ dạy người khác, nay nên bỏ”. Nếu tương ứng với pháp nên nói với kia rằng: “Đúng là lời Phật nói, nên khéo tu tập tụng trì và dạy các Tỳ-kheo khác, v.v... (đây là một thuyết rộng).

Thứ hai, là từ trong tăng ở trước Thượng tọa mà nghe.

Thứ ba, nghe từ rất nhiều tỳ-kheo biết pháp.

Thứ tư, là nghe từ một Tỳ-kheo biết pháp (và như trên đã nghiệm chứng so sinh, văn đồng không nên dẫn).

Thập tụng thâm ấn tức là bốn thuyết của Tứ Phần, cho nên nói là đồng nhưng tên khác. Tứ Phần y cứ vào người năng thuyết, luật Thập tụng y cứ vào giáo năng chứng. Kia nói rằng: “Nếu nói ta nghe từ miệng Phật cho đến nghe từ một Tỳ-kheo” thì chưa nên khen chê, nên hưởng về ba tạng Thánh giáo mà ấn định. Dẫn hai văn này do đời trước các thầy tùy tình trích dẫn. Nay y cứ bộ loại khám nghiệm có thể được hay chẳng liên đồng ý dùng. Nếu giải thích như vậy mới thấy đã dẫn bốn thuyết thâm ấn rất phù hợp ý luận.

Khoa kế, câu đầu tiếp trước, hai câu kế rõ hợp giáo. Tâm tức tâm hạnh, cảnh tức việc trước mắt. Tâm không mê giáo, sự chẳng tối tăm, cho nên nói là “chiếu nhau”. Quy du nghĩa là phép tắc, tức bốn pháp, bốn thuyết, bốn ấn. Hai câu sau nói về hợp lý, tương quan mới dẫn đã không phiền phải bàn ngang. Điều riêng không chấp vẫn không lược thiếu sự.

Văn trước đã nói là đồ, độ, thủ, trung, đến đây mới bày cho nên chẳng phải tối tăm ẩn mất. Hối là tối, một là ẩn, trong ba câu, thì hai câu đầu nêu chấp riêng, kia liên đồng chấp ban đầu của văn dưới. Ngung tức là góc, hợp sau chỉ bày lỗi kia. Câu trên là hành sự thiếu, câu dưới nghĩa là thiếu xem xét. Bên sau rõ mặc tình tranh cử, như tay cầm y thuốc, thay sau nêu lý do tranh cãi. Làm theo việc khác là như khoa trên đã dẫn gọi là trái nhau, chính là việc kia đây thông nhau, quyết như phần chừng rõ ràng của bốn luật, chỉ có thể toàn lấy bộ kia, nên nói rằng “Lại

dùng”, v.v... như trong tăng có duyên tự nói dục, hành việc Tăng-kỳ (Tứ Phần chỉ có thọ chuyển thuyết văn, tức là có hạn). Kết chung tịnh địa hành sự Ngũ Phần (Tứ Phần chỉ có kết riêng, y không đúng lượng, nói tịnh hạnh, phần nhiều việc của tông (Tứ Phần chỉ rõ ứng lượng). Trong mười ba nạn, huỳnh môn thiền được thọ, Sao nói rằng: Quyết cần đối chiếu lấy y các bộ là thọ (Tứ Phần tự cắt diệt tận) ăn riêng chúng, khai duyên sau hai món (Tứ Phần có bảy, thêm nhiều luận tăng, kế thời y của Ngũ Phần, y giới tự nhiên sau bốn món (bốn tông mười một châu và nước, đường đi đều nêu ra ở bộ khác. Lược nêu một hai cái khác tìm trong Sao (xưa ghi là không được hoàn toàn nương theo để giải thích, xin dùng các việc trên mà đối chất).

Hai lời tựa trong luật Tứ Phần nói dương chi không thọ, luật Tăng-kỳ nói uống nước thì phải thọ. Lại như thầy giáo thọ ngoài đàn thọ y (Ngũ Phần) hoặc ở trong các giới sư mà thọ (Tăng-kỳ), luận Tát-ba-đa phải tỉnh tịnh chủ, luật Ngũ Phần chỉ bảo nêu tên, luật Tăng-kỳ thì cho tịnh chủ ở trong ba do-tuần, nhiều luận hoặc chết hoặc đến nước khác lại phải tìm riêng (sau đều nói rằng tùy ý dùng) Lại, Luật Thiện Kiến nói ba y đắp phá hư cách, nhiều luận duyên đoạn, còn bao nhiêu tự tìm hiểu.

Trong xem xét truyền nghe, hoặc chương số nêu, hoặc truyền miệng cho nhau, đều có sai lầm không đáng nương tựa, cho nên đều phải đích thân xem xét khiến người sau không nghi ngờ.

Kế là các kiến chấp khác nhau của sáu vị giáo chủ ngoại đạo, ban đầu nêu câu. Hỏi: vì sao sa-môn này nói về sáu vị giáo chủ ngoại đạo?

Đáp: Ở đây có nhiều ý, một, là dẫn ba tạng và có y cứ. Hai, là hiển bày các chấp thông cuộc chưa dung. Ba, là chỉ bày ý nay gồm thông sáu chấp. Bốn, là rõ Sao đây chỗ tông có quy thú.

Hỏi: Lý do gì chỉ nêu sáu?

Đáp: Đời trước đến nay xướng rộng tuy nhiều, chỉ dùng kia kiến lập, không ngoài sáu chấp, cho nên nêu sáu món, nhiếp cùng tất cả, thầy trò truyền nhau đến đời Đường không dứt, cho nên nói là “thế trung”.

Trong phần chỉ bày riêng, hỏi: Thứ hai và thứ ba khác nhau thế nào?

Đáp: Thứ hai, là thầy chỉ chấp thiếu văn, thẳng lấy bộ ngoài, thứ ba thì không như vậy, trước cầu nghĩa bốn bộ, sau dẫn văn khác. Ý hiển bày sự nêu ra tông mình không trái với bốn thú, nay sao lấy ý cũng



đồng.

Hỏi: Thư tư, ý Sư có gì khác chăng?

Đáp: Trước tuy lấy khác không dám bỏ bốn, ở đây thầy không bẻ đảng lấy lý làm đầu.

Năm tạng: A-hàm bốn tạng thêm Tạp Tạng là năm (Trung, Trường, Tăng, Tạp là bốn bộ A-hàm, Tạp Tạng như kinh Phân Biệt Công Đức nói “đệ tử phi nhân và các vị trời nói”, hoặc nói nhân duyên đời trước ba vô số kiếp Bồ-tát đã sinh, văn nghĩa chẳng phải một nên gọi là Tạp Tạng. A-hàm, Hán dịch là Pháp Quy, nghĩa là chỗ quy về của các pháp). Ngũ tân là thức ăn mặn (huân là hơi hôi: một là hành, hai là khiếu, ba là hẹ, bốn là tỏi, năm là hưng cừ). Trừ thầy ban đầu ra, sau năm người chú thích đều thấy ở các thiên.

Thứ hai, văn Sư thấy nghe ở hai thiên y và thuốc.

Thứ ba, thấy đủ số.

Thứ tư, thấy thuyết giới, bốn món thuốc.

Thứ năm, thấy Sa-di.

Thứ sáu, rượu, thịt, năm thứ rau cay nồng thấy ở bốn món thuốc.

Tám món bất tịnh thấy ở giải thích tướng và như ở sau trích dẫn. Trong phần kết chung, câu trên nhắc chung, hai câu kế là buông, hai câu sau là đoạt, nghĩa là đối với giáo đều là chánh nhân mỗi người có khác.

Nói thông cuộc là ban đầu y cứ lớn nhỏ, năm câu trước cuộc hạn nhỏ, câu thứ sáu chung cả lớn nhỏ.

Hai, là y cứ ba tạng, bốn câu trước cuộc hạn vào luật, hai câu sau chung cả kinh luận.

Ba, bốn câu trước là phân biệt bốn và dị, câu một cuộc hạn bốn tông, ba câu sau chung cho bộ khác.

Bốn, ba câu sau phân biệt lấy bỏ. Câu hai, câu ba lấy bộ khác làm thành bốn bộ cho nên cuộc. Câu thứ tư bỏ bốn bộ theo bộ khác cho nên chung. Năm, câu hai câu ba là phân biệt dung thông hay cách ngại. Câu kế thiếu văn, thẳng lấy thì bộ loại cách nhau cho nên cuộc. Câu thứ ba có nghĩa mới tìm thì kia đây dung nhau cho nên chung.

Nếu y cứ tướng gồm rõ thông cuộc thì ban đầu không gồm sau cho nên cuộc, sau được gồm trước cho nên thông, chặng giữa hai đầu trông nhau thì gồm thông cuộc. Rõ ngay trong câu thứ ba ở luật là phải biết tông chỉ. Câu thứ sáu là ở ba tạng phải biết chỗ quy thú. Trên rõ chánh tông hai thầy, còn bao nhiêu sau chỉ bày tham cứu bốn cái khác, như kết tịnh địa là lấy theo Sư thứ nhất.

Nghiệp Sở chép: “Như trong lời tựa của sao là tiểu trì Luật?” Trì y, thêm thuốc, thẳng nói thuyết giới, bỏ thủ ngoại đạo, đồng thời dùng đó, nhưng ở việc khác có việc chẳng lấy, cho nên nói là “Tham”. Được mất là khảo xét kia có thể được hay không? Tuy cơ là chọn thời thiết yếu, biết thời tức Tổ Sư tự cùng. Mỗi mỗi lấy bỏ đều hợp nghi cho nên hỏi: Thứ sáu đã là sở tông, vì sao Sao này không bỏ tịnh địa? Nếu hợp quy tham thủ, há là chánh tôn ư? Phải suy nghĩ đó.

Thứ năm, trong nêu văn nghĩa quyết thông là nói chung năng sở. Sở thì có ba: Một, là văn nghĩa đều thiếu. Hai, là văn đủ nghĩa thiếu. Ba, là nghĩa đủ văn thiếu. Năng thì có hai: một văn, hai là nghĩa. Nghĩa lại chia làm ba: gồm lý và lệ, khai riêng thành bốn: Bỏ riêng theo chung chỉ nói là văn nghĩa, nhưng một môn này từ năng làm tên gọi, do ba cái trước thiếu, người học nghi đầy, cho nên dùng hai sở này giải quyết cho thông.

Từ trong lập giáo, câu đầu chỉ bày lý thể. Nói lý có hai: Tiểu thừa có bộ chỉ nói sinh không, Tứ Phần nhờ tông thì gồm pháp không, đều gọi là quyền lý. Đại giáo thì chỉ thường trụ chân tánh gọi là thật lý, ngay phần quá hạn hai ý thông đó. Nhưng hai lý này thể chỉ là chân tịch, danh tự chớ tuyên, lời nói không thể theo kịp nên nói là bất danh.

Câu kế là rõ lập giáo, tên tức là giáo nêu bày, đẹp nơi lý thể nên nói là tông cực. Tông thì muôn hóa đồng quy về, cực nghĩa là nguồn gốc các pháp. Thông luận tên giáo đều bày chân lý. Tựa yết-ma nói rằng: “Đại giáo lấy kỳ chỉ quy là hiển rõ một lý cho nên cao hơn kinh điển luận Phạm, khác xa sách của nhà Nho, người trời riêng tôn sùng là do lý này.

Trên rõ ý để lập giáo. Dưới rõ giáo hưng khởi quyết từ sự. Sự là thế đế, tùy đời giả danh lập giáo tuyên lý, nên hay nói “Như lai nói pháp thường nương vào hai đế”. Lời văn này bao gồm chung một đời giáo hóa, cho nên văn sau chỉ riêng Luật tạng.

Hỏi: Văn luật bày sự lẽ ra chẳng thể hiển lý. Kinh, luận nói lý lẽ ra chẳng thể theo sự?

Đáp: Gồm rõ Phật giáo nương duyên mà khởi đều là đối sự đều vì hiển lý, nhưng thuốc bệnh đối nhau không đâu chẳng thân sơ, cho nên chia ra ba môn học đối trị có khác nhau.

Riêng rõ trong khoa đầu, hai câu đầu nêu giáo bốn đủ cùng khắp. Luật tạng đây lại y cứ chỗ rộng, một bộ Tứ Phần thì ngôn là năng thuyết, sự là sở thuyết, nhưng sau chánh rõ sót thiếu có bốn ý: một, là bày chánh ý. Hai câu trên rõ thì cách Phật quá xa. Hai câu kế hiển pháp

biến đổi tùy thời. Ở đây y cứ khi kết tập Tứ Phần, tức ngay sau khi Phật diệt độ trăm năm, cho nên nói rằng “miếu mạc” tức là quá xa. Thịnh là ngôn âm, thái là tướng tốt. Mĩ chi dụ như nói không kịp.

Năm Sư trao nhau, từ sau khi Như lai diệt độ đến trăm năm, sự thân tuyên đầu thể sánh kịp, giáo theo thời thay đổi cho nên có thiếu sót, như Ưu-Bà-Cúc-Đa hỏi việc Ni khi Phật còn tại thế và khiến ma hiện Phật, đây có thể làm bằng chứng. Thêm ba món sau đều là chung ý, cho nên nêu lại lời tăng, lượm lật lại lượm lật.

Trước nói rằng: “Tùy ưa muốn của kia mà thành lập tông mình, cho nên không ưa thì bỏ mà không giữ cho nên có thiếu. Hai thứ trên đều là sai trái của việc kiết tập ở Tây-độ (Ấn), hai thứ dưới tức rõ lỗi xứ này (Trung Hoa) truyền dịch.

Nghiệp Sở chép: Luận chủ Giác Minh tụng bốn Đông truyền đến khi phiên dịch, tùy chỗ xuất ý liền chép, quý ở một bốn không hề có dấu vết, tìm lại ngược Tây (Ấn). Xứ này (Trung Hoa) hành dụng cho nên phần nhiều là thiếu.

Lại kết tịnh địa, bốn câu thành bạch (thưa). Sở chép: “Đây là kết tập thiếu văn (đồng hai ý trên) hoặc là Giác minh tụng sót, lại có thể Trúc Niệm chép sót (đồng hai ý sau)”. Trong đây muốn làm sáng tỏ quyết thông trước nói rõ tàn, thiếu. Lý do tàn, thiếu không hẳn là một mối, cho nên bốn món này rõ mà tìm. Nhưng cũng không cần nêu sự gượng phối. Rõ trong nay, văn ban đầu lằng xăn cho nên loạn tâm tưởng. Gồm hiểu là do ba món dụ thâm thiếu sót của một bộ để người sau đọc sách không ngại một mối, cho nên nói là “thông thấy rộng”.

Trong riêng chỉ bày, ban đầu đến việc trước, tức thứ nhất đều thiếu. Năng quyết có hai: một là dụ, hai là lý. Dụ giữa, như luật không có pháp giải giới tràng. Dụ ba, tiểu giới lại kết thành giải. Các Luật không pháp thọ bảy ngày. Dụ cho nửa tháng văn bạch chúng pháp bạch văn mà lập. Lại không có văn thỉnh hai thầy, dụ cho y cứ pháp thỉnh Hòa-thượng, ở đây y cứ làm pháp giải thích. Lại như phá thừa đọc yết-ma nêu tụng giới làm dụ, quên không trì y đến hội không kịp, dùng y dư khai quên làm dụ. Nhiều duyên thọ nhật để sám hối tăng tàn, nhiều tội đồng pháp làm dụ. Tâm ác giải giới không thành, giới có nghi không được lại kết và dùng tịnh địa làm dụ. Ba món an cư dùng bát ba phẩm làm dụ (trên là bốn tông, dưới dẫn bộ khác). Rõ tướng hộ hạ lấy hộ y của Tăng-kỳ làm dụ. An cư, y dư dùng thọ áo mưa của Luận Tát-Bà-Đa làm dụ, ở đây y cứ hành sự giải thích (còn bao nhiêu lại tìm). Trong lý quyết, nói lý có ấy nghĩa là không lệ đạo lý hợp nhiên, như xứ này tăng

vì biệt xứ, vì Tam Bảo, vì bình duyên và tăng thứ lớp thỉnh đều khai thọ nhật. Lại ngay ngày đó ra ngoài giới gặp nạn nghĩa phán được hạ, lại trong mười sáu già nạn, người mắc nợ y cứ theo lý cho thọ giới, những điều này đều không có văn nghĩa và dụ, nên nói là “lý”. Lại trong “thuyết tứ” trước sau tiếng Phạm, kệ lời xưng cáo, Thượng tọa dạy bảo răn nhắc không ngoài văn giáo, trong thọ giới mở bày cảnh tâm, oai nghi an ủi, chánh khi Yết-ma thưa hỏi, nhắc nhở... cũng gọi là lý có mà thành việc trước.

Thứ hai: là văn đủ nghĩa thiếu, như luật chép: “Trộm vật Tứ-phương-Tăng phạm tội Thân-lan-giá”, quyết rằng: “Ở đây y cứ tạm dùng phá tăng” cho nên khinh lý phải phạm trọng. Lại nói rằng “Hai ba người cùng tác pháp thành nạn “tặc trụ”, quyết rằng “ở đây y cứ chúng pháp đối như thế mà nói”. Lại được nhận tiền Bồ-tát, quyết rằng: “Y cứ cần phải giao cho người khác”. Luật Tứ Phần chép: “Trong hạ cùng tranh cãi khai thẳng bỏ đi không cần thọ nhật”, quyết rằng: “Y cứ duyên mà thọ không thương tổn đại lý”, v.v... như vậy mà tìm. Luận nói ấy, xưa ghi rằng tức là Luật Thiện Kiến, tìm văn chưa được, đây gọi là không do văn mà hại ý.

Thứ ba: Nghĩa đủ văn thiếu. Như có nạn đời hạ, y cứ theo Ma-di là không phá an cư. Gặp duyên ra ngoài giới quên không thọ nhật, dẫn năm trăm hỏi nhớ liền hối hận là được. Lại luật Tứ Phần không rõ trọng pháp thọ nhật, dẫn năm trăm rõ hai văn quyết đó. Y cứ vào nghĩa tuy phải sợ gọi là tâm thấy cho nên nói là “dứt chê bai”.

Hỏi: Như trên đã dẫn không đâu chẳng lạm nhau, lại mời phân chia?

Đáp: Không văn dẫn, so sánh sự tướng gọi là dụ quyết, lại không có dụ gọi là lý quyết, do ý định văn gọi là nghĩa quyết thông, dẫn văn thành sự gọi là văn quyết thông.

Hỏi: Nghĩa đó và lý làm sao phân biệt?

Đáp: Thông mà vì nói, lý nghĩa chẳng khác. Sau nghĩa quyết nói rằng: “Dùng lý làm chánh, riêng mà vì nói đâu không như trên”.

Hỏi: Trên thì phối riêng, có gồm nhau chăng?

Đáp: Lý quyết một món, định không gồm nhau, ba thứ khác gồm nhau nêu lược một hai cái. Ban đầu dụ được gồm, lý không gồm văn nghĩa, do không (gồm) văn nghĩa mới thành dụ, cho nên như y dư, an cư, dùng y tắm mưa làm dụ, mà nói rằng “Hạ là chế giáo, lý nên giữ gìn chung”. Hai là nghĩa quyết trong ba câu, tự có nghĩa quyết gồm với dụ, như Luật Tứ Phần hai mươi hai người phạm biên tội v.v..., nay thầy

định tự nói không đủ số, nếu không không biết thì thành đủ. Lại dẫn Hòa-thượng... không trì giới, bốn câu làm ví dụ, tự có nghĩa quyết cũng gồm văn, như luật Tứ Phần nói trộm chứa, phạm tội nặng, quyết rằng: “Ở đây trông tâm chuột không nhất định phán tội theo người”, cho đến luật Thập Tụng, luận Tát-bà-đa các văn trộm, chứa vật phạm đột-cát-la. Lại có gồm văn, dụ hai món, như luật dạy xong giải giới, quyết rằng: “Đây vì các giới đồng thọ y công đức”, vẫn nói rằng “văn như luật Thập Tụng”. Lại dẫn an cư chưa xong tự tứ không phá hạ làm dụ, ba văn quyết thông, giữa cũng có ba câu. Tự có văn gồm ví dụ ấy, như đời hạ không phá, dẫn văn Ma-di. Lại dẫn luật Thập Tụng, luật Tăng-kỳ hai chỗ thọ y làm ví dụ. Cũng có văn gồm nghĩa: Tứ Phần chỉ nói rằng: “Ni khai thọ bảy ngày”. Dẫn luật Tăng-kỳ chép “Ni không yết-ma thọ pháp”, vẫn nói rằng “Sở dĩ như vậy do Ni nhập tục ít sinh thiện nghĩa. Lại dẫn luật Ngũ Phần mỗi trường hợp thuyết dục lại thêm nghĩa bình luận... Tự có gồm nghĩa dụ: Như giới tự nhiên không có giới khác, định viên có thì không định, đây tức nghĩa quyết. Vẫn dẫn rõ luận giới ba do-tuần, hợp góc lượng làm dụ. Lại dẫn văn luật Thập Tụng, luật Thiện Kiến, v.v...

Hỏi: Nay nói quyết thông là quyết bốn tông hay quyết bộ khác?

Đáp: Người xưa không hiểu đều nói rằng: “Quyết thông luật Tứ Phần”. Ý này không đúng, chỉ do thời sự, hoặc chỗ xưa chưa làm, hoặc các nhà dị kiến học nghi ngờ ngăn lấp cho nên có quyết thông.

Hỏi: Nếu vậy vì sao mà văn trước nói Luật thiếu ư?

Đáp: Chỉ do luật thiếu cho nên nay sự tối lại làm cho sáng. Một tự có bốn văn lại quyết bốn luật, như trong thọ dục giải thích các chỗ làm, tức từ trong tự tứ ra ngoài giới quyết đó. Lại luật này dữ dục qua đêm không được việc làm, lại do Tứ Phần để rõ tướng dục, nêu ra khai lược thuyết giới quyết đó. Lại như hợp sông kiết giới, lại dùng luật của ni trong giới qua sông mà giải quyết. Như trước đã dẫn tâm ác giải giới, dẫn tịnh địa, v.v... đều là việc của bốn luật.

Hai, là tự có bốn luật một văn tức tự quyết thông, như ba tiểu giới không lập tướng, lại dùng ba tiểu yết-ma giải quyết. Lại như tịnh địa tăng không được ở, vẫn nói rằng: “Trừ Tỳ-kheo, lại lập tịnh địa xướng tướng”. Luật chép: “Nên xướng tên phòng” lại tức bốn văn để quyết bốn sự (hai câu trên thuộc nghĩa quyết thông).

Ba, tự có bộ khác lại quyết luật khác. Như trong nhóm tăng của luận Tát-bà-đa, đạo hành là một Câu-lô-xá, nên dùng sáu trăm bước của luật Thập Tụng giải quyết. Lại như Luật Tăng-kỳ, khoảng giữa

bảy hàng cây không rõ hai chúng chia hai, nên dùng Tỳ-kheo đi qua có ngang dọc tự nhiên mà giải quyết.

Bốn, là tự có bốn tông lại giải quyết bộ khác. Như Luật Thập Tụng chép có thể phân biệt xóm làng, chỗ đến thọ trai, bèn dùng tướng sân thôn giới của luật Tứ Phần mà giải quyết.

Dùng các ý này tìm khắp một bộ đều thông đạt.

Hỏi: Văn nghĩa đều thiếu là cuộc hạn đương bộ hay chung với bộ khác?

Đáp: Thông gồm ba tạng, nào chỉ bốn bộ và bộ khác có văn, tức lạc câu sau do đây không có văn, cho nên tức vô nghĩa.

Hỏi: Nghĩa quyết chung, giữa đó là thông hay cuộc?

Đáp: Cũng chung bộ khác. Thập Tụng, Già Luận nói Ni không xả giới là nghĩa thọ lại, quyết rằng nên làm hai chúng sau. Lại luật Thập Tụng dạy năm chúng thọ nhật, năm chúng biên thọ, quyết rằng “Y cứ theo đây chúng phải cùng nhau làm”, không thì y cứ theo lời cáo ở trước, v.v... Xưa phần nhiều hiểu lầm không biết, quá phiền lược cũng chẳng khó, chỉ sợ không hiểu, bao nhiêu cũng chưa hết, học đó thì rõ.

Trong không thể, khoa đầu, hay câu trên bày nạn. Trong bốn quyết trước văn có lấy bỏ, nghĩa là ý cắt, đoạt học biết cạn cho nên chẳng thể sáng bằng, đối kia xưa hiểu nên nói là “phế lập”. Sau nói rằng “quyết phán là sai” ý cũng đồng với ở đây. Từ hai câu sau lựa chọn chẳng hiển bày đúng.

Luật tướng nói thông, lời khai giá khác. Hai pháp khai giá ở luật rất khó cho nên nêu riêng, chẳng phải hai câu sau hiển bày lỗi. Không như vậy: là ngược trên chẳng phải rất rõ, v.v... Lụy nghĩa là nghi trệ, hoặc có thể y cứ tội.

Hai, là giải thích đều thông. Cảnh khác tức việc trước, do không rõ giáo chỉ, đều là vọng làm, hạnh không thành trì cho nên nói là vô ích. Ở đây y cứ tự hạnh, hoặc có thể cảnh khác tức chỉ người khác, rộng diễn hóa người khác, đều chẳng phải chánh giáo cho nên vô ích.

Trong phần Dẫn Chứng, dẫn luật cuối quyển 60, Phật ngự tại nước Bạt-xà, bên ao nước, dạy các Tỳ-kheo tu hành thánh đạo chớ cãi vã nhau. Kia nói rằng trong A-tỳ-đàm mỗi việc đều tranh cãi nên nói rằng: “Văn nghĩa các Trưởng lão nói rất tương ứng không nên tranh cãi với nhau” (hai câu). Lại nói: “Lời Trưởng lão nói văn đồng nghĩa khác, chớ tranh cãi nhau” (ba câu). Lại nói rằng: “Lời Trưởng lão nói văn nghĩa đều khác, chớ tranh cãi với nhau” (bốn câu). Hai câu sau chỉ luật văn rộng. Luật kia nói rằng: “Nên quán sát như vậy, nếu tranh cãi nhau sẽ



làm lưu nạn với pháp của Sa-môn chẳng? Lại hỏi là “đáng quở trách chẳng?”, lại hỏi là “Có thể tiến đến gốc lành được quả Sa-môn chẳng?” (các Tỳ-kheo đều đáp từng việc, đó gọi là tiến). Lại nói: “Nếu tranh cãi như vậy, người dứt tranh cãi ấy nên nói với Tỳ-kheo kia rằng “Thầy đã dứt sự tranh cãi này cho chúng tôi”. Tỳ-kheo kia đáp “Tôi nghe pháp đó từ nơi Đức Thế tôn, nay nói cho các thầy nghe” nếu Tỳ-kheo ấy nghe rồi liền bỏ sự tranh cãi (đó gọi là chỉ)”. Phật bảo các Tỳ-kheo nên như vậy mà lắng nghe tin ưa thọ trì. Nay dẫn văn này để nói lúc Phật ở đời còn sợ văn nghĩa cãi nhau, đây đặc biệt dạy đó để chứng minh trên giải quyết nạn chung là phế lập thì chẳng luống.

Trong phần chỉ bảy có thể kham lãnh, câu đầu là năng, hẳn sau chỉ bày kia rộng đầy đủ. Hai câu trên rõ học thông ba tạng. Hai câu dưới rõ hiểu thông lục sư, Tổ luật sư của ta là người ấy, bậc Thánh xuất hiện làm phép tắc cho chúng sinh nên gọi là “giáo tích”. Tuy nói thông ba tạng mà chỉ riêng Luật tông, cho nên nói rằng đây. Dẫn luật Thập Tụng quyển 59, ban đầu riêng bày ba việc: Một là duyên khởi. Hai là giới bốn. Ba tức lại kết. (Như giới đầu cho nên đến cùng súc sinh v.v...) nên sau khuyên suy lường lại chia làm ba:

1- Gồm nêu văn một bộ luật lớn là ba tiết. Hai bộ giới luật tức là giới bốn của tăng và ni, nghĩa giải liên tùy giới, sau rộng giải văn, cho nên nói rằng “đến”. Trong Tỳ-ni, hỏi chung các điều độ, thêm một tức sau luật là pháp số, trên rõ quán giáo.

2- Khai sau rõ phán đoán. Khai, già, khinh, trọng suốt thông một bộ, lại nêu sắc y lược bày tướng trạng. Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen năm màu chính mà người thế tục còn tham đắm nên thuộc về bất tịnh, Phật đã cấm chế cho nên nói là “già”. Phi sắc là ba món nhuộm sinh, bùn, sạn, ba Thánh đồng tôn trọng, tướng vượt tiêu biểu của thế gian nên nói là tịnh, đây là lời Phật dạy nên nói là không già.

3- Như vậy sau kết cáo. Thông chỉ trước sau một bộ, cho nên nói rằng “gốc ngọn”. Dẫn Luận Minh Liễu kia nói rằng: “Như Chư Phật lập giới, ở trong mỗi giới cho nên phân biệt rõ năm tướng: Một, là chỗ duyên khởi (tức cõi nước). Hai, là người duyên khởi (tức người mới phạm). Ba, là lập giới (tức giới bốn). Bốn, là phân biệt giới sở lập (Nếu phạm tội này thì không được ở chung). Năm, là xử đoán phải trái (đối với ba chỗ phạm) không xem mặt người khác, phán đoán thản thắng không dựa vào tình cảm.

Lược đồng với trên, là hiểu ba việc của Luật Thập Tụng ở trước, hai việc đầu hai tướng đồng bốn khởi ở trên, việc thứ ba đồng trên kết



giới tùy kiết. Hai món bốn, năm gần đồng giải rộng, do không hoàn toàn đồng nên nói là lược. Văn sau chỉ rộng tức như trên đã dẫn.

Môn thứ sáu, trong nêu, năm cái trước đều thuộc giáo năng thuyên, giáo quyết tuyền chỉ thú muôn hạnh một tông là trước tiên. Lý cần biết rõ cho nên nói là ý sở thuyên. Thuyên là hiển bày, chính là rõ trong văn ban đầu ở trên nêu văn rộng. Văn một bộ luật gồm sáu mươi quyển, nên nói là rộng rãi dồi dào. Sau chỉ hành yếu nên nói là Đại thú, do giới bốn Tăng ni ở trước và điều bộ ở sau tức hai hạnh chỉ trì, mười kiền-độ về sau, v.v... Văn tức văn hạnh tác trì phần nhiều rõ phạm, ý ở thành trì, ngược với hai trì trên thành hai phạm, cốt yếu của tông bộ đầu vượt quá đây, nên nói là “Chỉ”.

Trong sở thuyên, chung, riêng, trì, phạm, trước biết danh tướng rồi sau giải thích văn. Nghĩa là học biết giới tướng, rõ suốt trì phạm, trong bất cứ lúc nào cũng giữ gốc đã thọ, thông mong thọ thể một mảy may không phạm, không tùy duyên tên riêng là thông trì, không học không biết, chế chung thiên tự.

Tùy chỗ không rõ đều hết tội nên nói là “thông phạm”. Tùy đối một cảnh phương tiện ngăn ngừa, hành thuận bốn thọ gọi là “biệt trì”. Trái thọ khởi lỗi gọi là “biệt phạm”, nói biệt có ba: Một, là vì chế pháp riêng, thiên tự khinh, trọng chủng loại khác nhau. Hai, đối cảnh riêng, tình và phi tình. Ba, là thú nam, nữ, đạo tục khác nhau.

Ba duyên phạm, riêng tùy giới nhiều ít không lạm nhau. Lại hai trì chung riêng đều chung chỉ tác. Phạm chung chỉ có phạm, phạm riêng gồm hai phạm. Trong thông trì trước chép cảnh thông, hai câu trên nêu chung, cảnh tức gồm chỉ loại trần sa tình và phi tình, tâm tùy cảnh khởi, cùng lý hoặc theo chống tạo thành nghiệp thiện ác, cho nên là thông trong. Lại sự do cảnh sinh, động tác của thân miệng trái hay thuận với giáo thành hạnh trì hoặc phạm, cho nên là thông ngoài. Hai câu dưới giải thích riêng, câu trên giải thích thông trong tức chỉ hóa nghiệp, câu dưới giải thích thông ngoài tức rõ chế hạnh. Thân miệng tạo tác cho nên nói rằng “tình sự”, như các việc dâm, trộm, v.v... do giáo chế, cho nên có thuận nghịch. Thuận là hai trì, trái là hai phạm, nhưng sau kể rõ tướng trì, cảnh duyên tuy thông, nay rõ trì phạm không nói về hóa nghiệp. Và lại, y cứ chế hạnh cho nên nói rằng “chỉ khiến”, v.v..., giáo là luật chế, hạnh là thân miệng, dùng giáo kiểm hạnh, y cứ hạnh theo giáo, cho nên nói rằng “theo nhau”, tuần tức là thuận. Tùy mỗi giới xét tội cùng tướng khinh, trọng, phạm, chẳng phạm, nên nói là “trước sau”.

Các Sư ngày xưa chỉ rõ không làm ác tức là trì giới, các Sư ngày

nay không phải như vậy, quyết ước hành động và suy nghĩ, thể trái với giáo tướng, khởi hạnh ngăn chặn mới thành hai trì, chứ đâu có việc nằm đất mà gọi là trì giới, không nhớ nghiệp quấy đâu được gọi là trì. Giáo hạnh theo nhau, ý nghĩa là ở đây.

Nay nói thông trì thì chỉ trì có hai: Một, là hạnh trước ba tâm, thọ thể không có nghĩa ô nhiễm gọi là chỉ trì. Hai, là y cứ ước hạnh tâm, thông duyên thọ thể, thiện ác sự pháp rõ ràng không mê muội, đây tức là hai trì.

Kế trong thông phạm, hai tội không học, không biết vì thông trì phạm, thông khinh trọng, thông thật giả. Nhưng không học chẳng kết phạm có hai: Một, là phát tâm đoạn học tùy tâm đốn tiệm, mỗi mỗi phạm tội đột-cát-la. Hai, là gặp cảnh không hiểu tùy sự kết riêng. Nếu luận không biết, tùy cảnh không rõ chỉ có kết riêng, nhưng gồm thiên tụ được gọi là Thông.

Trong văn hai câu trên nói về phát tâm đoạn học. Hai câu sau nói về tùy cảnh không biết. Thiện gồm hai trì, ác gồm hai phạm, người không học trì cũng thành phạm mong thiện, phước này là ngu giáo cho nên phạt. Trong hai phạm kia thì chung ba tánh, bất thiện vô ký một bề gọi là phạt. Thiện tánh phạm cũng gồm có họa, như biết việc xen dùng từ tâm khen chết, nhổ cỏ trên tháp diệt mầm sống tạo tượng, đồ ăn đồ cúng dường Tăng, đào đất hoại mầm sống, sửa sang tháp miếu v.v..., ngoài tội căn bản lại thêm hai tội. Nay sau rõ kết tội, khoa tức là pháp.

Tương ứng với giáo: Giáo tức chỉ chung cho chỉ, tác, trì, phạm. Hạnh hợp với giáo đều kết phạm, cho nên đối gọi có thể học, thật tức là không thể học. Cho nên thiên trì phạm y cứ hai giáo bốn hạnh, cái nào nên học cái nào không đáng học, trải ngôi vị nói tội có, không, nhiều, ít. Dưới đây gồm kết.

Riêng trong trì phạm, đây y cứ quả tội căn bản của sáu tụ. Đủ ba nghĩa trên nên nói là “riêng”. Bốn câu đầu chỉ bày tướng phạm, chánh tội tức gọi là quả đầu. Trị phạt nghĩa gồm sám hối, do có người phạm lỗi lớn quyết thêm trị, thuận liền khai sám và cần xét thật vì không cho lạm.

Luật Tứ Phần nói quả thành nhân mất cho nên nói rằng “quyết khiến” làm cho hai cái sau rõ năng đoạn. Câu đầu xét tâm, tâm dung tướng nghi tội tức hàng phục, lời thật tình có cả phạm và không phạm. Câu kế rõ hợp giáo, đều rộng cho nên nói là lý giáo, thì hai câu sau khen năng đoạn kia, đã chẳng vọng pháp, không trái chân giáo, giống như lúa tươi tốt không xen cỏ dại, cho nên chẳng có cỏ rậm. Dưới đây

song kết, mà trước không rõ trì, phiên phạm rõ trì, vì dễ cho nên không nêu ra. Nay nói tướng kia như âm, quán bất tịnh, giết, khởi từ bi, ép ngặt không vui, chê, mắng, từ cứu v.v... như thế nên biết.

Môn thứ bảy, là y cứ căn cơ nói về giáo. Trong nêu bày, nếu y cứ người bầm giáo thì đạo thông, tục bị cuộc hạn. Nếu y cứ giáo giúp người thì hóa thông thành cuộc hạn. Nay theo nghĩa sau cho nên nói lập giáo thông cuộc. Trong giáo thể, khoa đầu hai câu trên chỉ bày phiên nhiều của số phán. Hiển lý giáo, gọi chung là Thánh điển, như trên đã rõ. Có nhiều đường là hai thừa đại tiểu đều chia ra ba tạng, ba học, v.v... Cho nên hai câu sau nêu năng phán theo cốt yếu, như trong Giới Số hoặc y cứ ba luân, hoặc y cứ hóa hạnh, hoặc y cứ hóa chế, hoặc y cứ chế thính. Kia lấy ba luân, nay dùng hóa hạnh, tùy thời dùng cùng sau cần hòa hợp. Chỉ ở xưa còn cuộc hạn, đối nay thì thông, tên đồng lý khác, đối số sẽ thấy. Nói tình cầu vì hiển nghĩa phán, nói chia hai:

1- Giáo điển một đời gồm qui về hóa hạnh, mở tin hiểu kia, dùng bỏ mặc duyên nên gọi là hóa giáo. Chế kia tu hành vâng làm, trái lại thì có lỗi nên gọi là Hành giáo.

2- Nghĩa là hóa giáo đây thì chung cho đạo tục, biết rõ nhân quả, hiểu suốt tà chánh. Trong khoa nêu bày, văn ban đầu, ở hai câu trên nêu danh thể nhưng dưới bày giáo tướng, mười nghiệp bất thiện, nhân ba đường ác, mười điều lành, năm giới, nhân ba đường lành, đây là nhân quả thế gian. Ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ muôn hạnh là nhân Ba thừa tức nhân quả xuất thế. Đại tiểu tuy khác, hạnh nghiệp chẳng khác, tùy duyên chỉ bày.

Giáo chẳng định ước cho nên gọi là biết rộng. Lại trong kinh thường phá chấp ngoại đạo, nói việc ma, chỉ bày chánh đạo e đạo đường tà, cho nên nói rằng hiểu suốt. Lại hạnh nghiệp là nhân, gồm chung thiện ác, tâm nhân thâm kín nên nói là khó biết. Báo đời sau là quả cũng chung khổ vui, quả tướng thô trước nên nói là dễ thuật.

Kế trong hành giáo, ban đầu nêu danh thể, định sau chỉ bày giáo tướng. Hai câu đầu rõ các hạnh, câu trên là chánh tông, nếu lấy năng bình tức chọn người phải trái. Nếu nói về sở bị đều phải hợp giáo, như thọ giới, già nạn, thuyết giới, tự tứ, có phạm bảy, chín, trị phạt sáu tụ, phát lồ sám hối, trong mỗi việc đều có lấy bỏ. Câu kế giải thích ý thành lấy bỏ: Nghĩa là rõ Phật pháp tôn quý cao vượt, tiêu biểu của thế gian, chúng tăng trong sạch không có lỗi lầm, trụ trì muôn năm công đức ở nơi đây. Hiển bày hai câu dưới rõ biệt hạnh: Câu trên chánh tông, câu dưới giải thích thành cũng đồng với trước. Như trong điều bộ Ưu-ba-ly

đối trước Phật thưa hỏi đều trọng, ý có thể thấy.

Trên rõ giáo có hạn chừng, trái với trước rõ biết, sau chỉ bày kia hiển rõ trái thâm kín ở trước. Hai câu trên bày văn rõ, hai câu dưới rõ sự đủ. Văn đầu như giới tướng, cõi nước, người phạm, nêu lỗi, quở trách, chế giới, giải thích, phương tiện, cảnh tướng, chúng đồng, phạm riêng, các tướng không phạm, khinh, trọng, v.v... mỗi mỗi đều như vậy, Thánh trí đều thông rõ cho nên nói không nhọc xem lại. Phạm ngu biết cạn không thể liền nói là đồng. Lại Tổ sư nghe luật hai mươi lần còn nói chưa là tâm thể, Tăng Hựu nghe ba mươi lần còn hận càng nghe thêm càng thấy tối. Phải biết người tối tăm thấp hèn đâu thể tự làm. Về kết tội, v.v...: như dâm hai kết (không bỏ giới cùng với súc sinh), riêng chúng bảy khai (thí y, may y, v.v... bảy duyên khai) mỗi mỗi thông trước, lại vào giới bốn cho nên nói rằng “tái khoa”.

Sở phán, khoa ban đầu, hai câu trên bày tướng lạ. Dùng bảy chi mười nghiệp không có thể riêng cho nên như vòng liên tục, vì dụ hợp nhau không dễ chia. Hai câu sau nêu phán, trong văn chánh phán ban đầu là y cứ ba nghiệp nối nhau để chia. (tờ 175) Ba câu trên phán hóa giáo, kinh luận rõ tâm hiển lý, ở đây cho nên tâm nghiệp dùng lý làm tông. Ba câu dưới phán hạnh giáo, thi vi tức là sự, Luật tạng y cứ sự mà nói về hạnh, cho nên nghiệp thân, miệng, dùng sự làm tông. Như trong thiên tụ, khởi nghiệp khinh trọng, thọ báo cạn sâu. Thiên tụ tức y cứ hạnh khởi nghiệp, tức y hóa. Lại trong trì phạm riêng tâm ba thời nói về phạm, tám câu khinh trọng, đây là y hóa. Tám, là sát (giết) đều trọng tức y cứ hạnh. Lại như ba phẩm lý quán của thiên sám tức là hóa giáo sáu vị hồi pháp tức y cứ theo hạnh giáo. Lại thiên Sa-di phạm phước Thánh-đạo liền y hóa giáo hóa, cạo bỏ râu tóc, cho thọ giới tức là hành giáo, còn bao nhiêu lại tìm hiểu.

Như vậy hóa giáo lẽ ra không cấm thân miệng, hành giáo lẽ ra không chế nội tâm?

Đáp: Ở đây y cứ đạo chúng song lãnh hai giáo mà nói, ở đời nhiều người không hiểu cho nên vì đó chỉ bày. Ban đầu y cứ trái rõ có bốn câu:

- 1- Trái hóa không trái chế. (liếc mắt, tham, sân Luật tông không chế và người tại gia làm mười điều bất thiện).
- 2- Trái chế không trái hóa. (tức phạm các già giới)
- 3- Đều trái. (phạm các tánh giới)
- 4- Đều không trái (trong dùng lý quán soi chiếu, ngoài dùng giới luật xem xét)

Hai là y cứ thuận, có bốn câu:

1- Thuận hóa không thuận chế. (tánh tướng Duy thức, ba quán phá mê)

2- Thuận chế không thuận hóa. (tâm không tuệ quán, chuyên giữ sự giới)

3- Điều thuận. (như điều thứ tư ở trước)

4- Điều không thuận. (tạo nghiệp phàm ngu)

Ba, y cứ theo thọ giới, có bốn câu:

1- Bẩm hóa không bẩm chế (kinh Tịnh Danh chép: “ông chỉ phát tâm liền gọi là cụ túc”).

2- Bẩm chế không bẩm hóa (tự trí không rõ chỉ theo phép tắc của luật).

3- Điều bẩm (tâm mong xa lìa, thọ giới cấm của luật, thú hưởng Thánh đạo. Phật còn ở đời những người lợi căn được ba lần nói “thiện lai” thì liền đắc đạo quả. Lại kinh Niết-bàn chép “Bồ-tát xuất gia”).

4- Điều không bẩm (lãnh thọ). (có thể biết)

Bốn, là y cứ sám tội có bốn câu:

1- Hóa tịnh, chế bất tịnh. (như phạm thiên tự lý quán rõ ràng, suốt tội tánh vốn không, mà không y theo Luật sám, đầu được tướng tốt cũng không vào số tăng thanh tịnh)

2- Chế tịnh, hóa bất tịnh. (phạm tội y luật sám hối mà không có quán tuệ, chỉ diệt trái chế, tánh nghiệp vẫn y nguyên)

3- Điều tịnh. (thiên tự y giáo, diệt nghiệp đạo mặc tình vắng lặng)

4- Điều bất tịnh. (người ngu phạm tội không chịu sám hối)

Hỏi: Hai giáo hóa hạnh là Đại thừa hay Tiểu thừa?

Đáp: Hóa thân cả Đại Tiểu, chế chỉ cuộc hạn Tiểu thừa.

Hỏi: Như Phạm Võng là thiện giới Đại thừa hành giáo, vì sao xếp vào hóa?

Đáp: Ba tạng Đại thừa, chế hay không chế đều được gọi riêng là hạnh, trong tông này lại cuộc hạn vào hóa, vì giới Bồ-tát chung cả đạo và tục.

Hỏi: Năm giới, tám giới đã là giới chế, lẽ ra là hạnh nhiếp, nhưng cuộc hạn ở người đời không chung hai chúng, sao lại xếp vào đó?

Đáp: Thuộc về hóa giáo, trong luật rõ ấy, kinh tùy luật, dẫn chứng như khác, như là lựa phán lược biết hóa hạnh, lại siêng tinh chuyên phân biệt e phiền nhiều lại dừng.

Người học ngày nay không biết tên, còn hướng chỉ rõ hành tướng.

Nếu không hiểu ba tạng Đại Tiểu này thì tất cả đều mê. Trong phần tội khác hai câu trên rõ tại gia làm ác (xuất gia cũng có người phạm, như độc đầu tâm niệm). Hai câu dưới rõ xuất gia phá giới, phạm hóa không hẳn trái hạnh, trái hạnh không hẳn bao gồm phạm hóa, ngoài nghiệp lại thêm chế nên nói là “Trọng”.

Hỏi: Tánh giới thì có thể, giá giới vốn chẳng phải ác, vậy có bao nhiêu tội? Như phá hoại mạng sống, đào đất đều trái với lòng từ. Chứa dư, cầm của báu đâu không tham nhiễm? Người lãnh thọ có trí xin vì thông đó?

Lại hỏi: Hóa giáo cũng gồm sự hành đầu không là thân miệng? Hành giáo cấm chung ba nghiệp đầu không rõ tâm? Sao lại dùng văn trước lia xa ba nghiệp để phối với hai giáo, cũng xin đáp đó.

Cho nên sau dẫn chứng tức kinh Thiện Sinh. Kia rõ hai người đồng làm một tội, người có thọ giới thì tội nặng, người không thọ thì tội nhẹ. Luận Trí Độ văn đồng như thiên sám đã dẫn. Trong gạn ý ban đầu tiếp văn kinh trước để làm lời gạn, nghĩa là kinh kia đã rõ, ở đây không cần phân biệt, e sau chỉ bày chỗ làm. Câu trên chỉ mê, nói tông thể tức sở phán ở trước. Câu kế ngăn vọng, nói phải trái là hóa hạnh lạm nhau. Người thế gian nghe kinh Tịnh Danh chép: “phát tâm tức là cụ túc” vọng chế giới có không, hoặc mê ba tánh phạm chế bèn cho rằng nghiệp đều một phẩm. Hoặc nói “làm phước trái giới là không lỗi”, hoặc chấp tâm quán liền chê bai luật nghi, hoặc cho là giữ vững tuệ quán không nhọc mệt, hoặc y hai sám Phương Đăng mà nói là “chế tội đều quên”, hoặc y thiên tụ sáu trị bèn cho tánh nghiệp đều diệt. Cho nên có người y theo đại giáo sám tội Ba-la-di lấy đủ số tăng Tiểu thừa, như đây mê lầm từ xưa đến nay, đến thiên sám sau lại là nói rộng, cho nên sau rõ nay lập, chung đến đời sau không còn lầm lộn cho nên nói “hàng dùng”, v.v... là chọn. Nêu tông Tăng Võng, sám pháp Sa-di, v.v... đều nói về hai giáo, đến văn sẽ rõ.

Môn thứ tám: môn trước người và pháp đều thông, môn này đều cuộc hạn. Do người chỉ là hai chúng, giáo cuộc hạnh khoa, nhưng báo và tướng hai thứ khác nhau, cho nên khiến giáo chia ra đồng và khác, nên phải giải thích mới thấy các thiên.

Trong thông bát, văn ban đầu đồng giới, tức chỉ trì giới bốn. Thiên đầu bốn trọng hai thiên bảy giới, mười chín giới trong ba mươi giới, sáu mươi chín giới trong chín mươi giới, chúng học có một trăm giới, diệt tránh có bảy. Đồng chế nghĩa là tác trì các pháp đủ các môn, đồng giới ở quyển trung, đồng chế thì hai quyển thượng hạ, toàn đồng thì không



nêu riêng. Như Luật tăng dữ dục, yết-ma tăng võng, ít có khác là tùy sự chỉ bày, như trong kiết giới thì giới ni là hai dậm, có nạn thì đồng với tăng. Trong xả giới nói Ni không cho thọ lại, thọ nhật ni chỉ có bảy ngày. Trong hai y ni thêm hai y khác, trên thông rõ hai bên đồng, như dưới riêng hiển đồng giới. Văn trên chỉ dễ, giới bốn chia tức luật văn rộng, ẩn dưới hiển khó, tùy tướng tức quyển trung. Như trong lia y, ba y, năm y đều nêu, trong pháp chúng học chỉ chung cho Ni v.v... đồng phạm.

Lại trong thiên tự chỉ bày Ni có tám giới trọng, lại trì phạm, cảnh tướng, v.v... trong ni chẳng phải không, cũng là chỉ đồng với tăng. Trong duyên chung gồm nêu năm chúng. Kế rõ trong tắc, trước rõ chỉ hạnh. Câu ban đầu nêu bày, y cứ vị giới tức khác với Tăng là: Tám giới Ba-la-di thì khác bốn giới sau, mười giới trong mười bảy giới Tăng tàn, mười hai giới trong chín mươi giới, trong Đơn đề là một trăm lẻ chín, tâm giới Đề-Xá-Ni tìm giới bốn ni đối chiếu sẽ thấy, nghĩa là sau giải thích khác. Văn nêu ba câu dụ bao gồm các giới khác, lược vì dẫn đó, chuyển trọng khác nhau, trong đó có ba:

1- Tăng tàn sáu giới (lậu thất, hai thê, hai phòng tăng trọng, ni khinh, sờ chạm tăng khinh ni trọng, thiên tăng tàn chỉ có câu này).

2- Xả đọa có chín giới (năm làm năm, sáu lấy y áo, bảy là giặt y củ, tám là gánh lông dê, chín là vỗ lông dê và Ni tội đột-cát-la, tăng phạm tội Ba-dật-đề).

3- Pháp Đơn Đề có mười ba giới (Một là ni làm y, hai là cho Ni y. Ba là ngồi chỗ khuất, bốn thời kỳ Ni hành pháp, năm là thời kỳ đồng thuyền, sáu là thời kỳ an hành, bảy là thọ khen ăn, tám là khuyến đủ ăn, chín là ăn ngon, mười là ông kim bằng sừng, ngà voi. Mười một là tọa cụ quá lượng. Mười hai là áo che ghế. Mười ba, là đồng lượng y của Phật, tăng phạm tội Ba-dật-đề, Ni phạm tội Đột-cát-la).

Có, không, thiếu lẫn nhau, trong đó có hai:

1- Tội xả đọa, ni không có hai giới (xin y mưa quá trước, hai là Lan-nhã lia y).

2- Đơn đề, ni không có ba giới (Một là liên dạy ni, hai là nói pháp đến chiều tối, ba là quả trách người dạy Ni).

Duyên đồng phạm, khác cũng có hai:

1- Một giới xả đọa (Bát chỉ đồng tội Ba-dật-đề, tăng khai mười ngày, Ni chỉ một đêm)

2- Năm giới đơn đề (kết tội đồng Ba-dật-đề, duyên tướng có khác. Một trái thỉnh, hai ăn no, hai giới chế một lần. Ba là cho ngoại đạo ăn,

gồm cả cư sĩ nam. Bốn năm chưa đủ cho hai năm học (giới) pháp, năm áo tắm mưa thường khai).

Trên y cứ Số Sao để rõ lại dùng nghĩa tìm. Tám pháp Ba la di thì có bốn pháp sau cùng hai pháp bất tịnh tức là có và không. Tám pháp Đề-Xá-Ni bốn tám đối nhau cũng tức là có không. Đối món ăn ngon cũng đồng, khinh trọng mà sau chỉ thiên. Ni, như trên nhiều khác không thể nêu hết. Cho nên khi soạn cốt yếu mới đưa vào hạnh riêng, thanh hành là thường làm, khó biết nghĩa là nó sâu kín ẩn mật, xen chuyên một nghĩa cũng đã không nêu, tức như thiên sau chỉ nêu sáu giới. Trong Ba-la-di nêu ba, là xúc thứ tám và hai món trong che giấu. Nói người bốn xúc chạm, đơn đề nêu ngăn tiếp tục một giới và một câu sau chỉ bày việc làm.

(tờ 176) Nói về các hạnh: Sau nêu bảy môn, trên tức tùy giới một môn, sáu món khác đều thuộc các hạnh. Nghĩa là thọ sám, nói tự tứ, an cư, thầy trò, mới ở sau gồm chỉ. Trong ý kết, hai câu trên kết trước. Chia tông loại tức từ trước đã rõ thông, bí, đều khác. Chưa hiểu đến tuyên là không rõ ý, đến của lập giáo đồng hay khác, các phần sau chỉ rộng. Không đồng ý, tức ở trên chỉ, làm tương riêng đều có lý do. Đại Số có chỗ bảm thọ Thủ Sư Luật Số quyển hai mươi của Tổ Sư, mà nói đại hoặc nói theo đại bộ, hoặc lựa chọn hai số giới nghiệp của các nhà ngày nay, vì chẳng phải gọi là Tôn Sư. Nay thấy nghĩa sao, Giới số không thể chép rộng, người học tự tìm.

Môn thứ chín, nêu rằng: Đồng khác có hai, ban đầu rõ Sa-di tức đối với Đại tăng, sau rõ Thức-xoa tức đối với ba chúng. Trọng Sa-di, khoa đầu hai câu trên nêu tên. Tiếng Phạm là Sa-di, Hán dịch là Tức Từ (tức là dứt sự nhiễm ở đời, Từ là giúp chúng sinh). Như sau rõ thể đồng. Nghiệm sau bày tướng cuộc hạn, thì sau bày rõ hạnh khắp. Bằng với cát bụi là đúng bản thể, cho nên ở sau nói rằng: “Trừ pháp yết-ma không ở số dụ còn bao nhiêu các hạnh đều chế đồng tu”. Kết sau rõ phạm.

Thiên thứ năm, tức Đột-cát-la, bất luận già tánh, đại khái kết cát-la chỉ bày giáo khinh cho nên đến sau rõ vị. Các giới cuối tức chỉ cho quảng luật và nêu giới sau phân biệt cao thấp. Cho nên hỏi “thể đã là đồng đâu lại chia lớn nhỏ?”

Đáp: Cảnh lượng tuy đồng, nhưng chí nguyện rất khác, có nguyện hay không nguyện đâu không nói ư?

Hỏi: Nếu vậy đã khắp trần sa, sao chỉ nêu mười?

Đáp: Nếu nói về giới thể, ban đầu ở ba quy y, sau nói mười giới là lược bày tướng kia. Như Đại tăng nêu bốn giới trọng, cho nên sau nói

rằng: “Lại bày mười giới ư phạm nêu trước, còn bao nhiêu chưa biết thì hai thầy dạy riêng”.

Trong phần nói khác, nói từ ngoài ấy, như năm đức, mười số, trì y, thuyết tịnh, nhà riêng nói tự tứ, có duyên đào đất, v.v... đều như thiên sau, sự có phải trái cho nên nói là lấy bỏ. Sa-di như bốn thiên, Sa-di-ni là phụ vào pháp ni, nên nói “đều xong”.

Kế trong Thức-xoa, văn ban đầu, câu tiên là nêu tên, Hán dịch là Học-pháp-nữ, do Ni tánh tình yếu đuối, thuộc trong tiểu học, nêu riêng sáu hạnh làm đủ phương tiện, hai năm thì xem xét coi thai có hay không, sáu pháp thì rõ hạnh trình vững chắc. Luật Thập Tụng gọi là luyện thân luyện tâm, tức là nghĩa này. Sáu pháp sau rõ thể đồng Sa-di, tự sau rõ hạnh đồng ba chúng. Sáu pháp là: 1- Xúc chạm. 2- Trộm bốn tiền. 3- Giết súc sinh. 4- Tiểu vọng ngữ. 5- Ăn phi thời. 6- Uống rượu. Học tông gọi đây là hạnh bốn.

Nói học có ba: 1- Học căn bản (Bốn giới trọng). 2- Học pháp (tức sáu pháp). 3- Học hạnh (tất cả hạnh của Tỳ-kheo-ni).

Không còn phát là do Thức-xoa-ma-na Ni chuyển căn thành nam, tức vào Sa-di tăng. Nghiệp Sở chép: “Học pháp nữ này không có giới thể, nhưng thọ biệt giáo, vị hơn Sa-di”, do người không hiểu nên ba chúng có ba giới thể.

Hỏi: Sa-di-ni giới đã khắp trần sa, vì sao Thức-xoa mới thực hành sáu pháp này?

Đáp: Soạn đây ư phạm tội trọng, lại y cứ gìm lại. Vô thể lại phát tức là nghĩa này.

Đồng ba chúng là chỉ cho văn sau. Đồng Đại Tăng thì đủ ở các thiên. Đồng Tỳ-kheo-ni. Sa-di thì đều như thiên khác. Sa-di hợp một cho nên nói ba chúng trong biệt hành, như không cho Sa-di-ni được cùng Tỳ-kheo-ni thọ ăn, văn sau nêu đủ.

Môn thứ mười nêu trong phần Sao là tự hiệu của Tổ sư, dẫn ba câu sau tức gồm ba khoa. Nhưng khoa nói cân nhắc là đối với sau có hơi khác, nhưng sau nói “Sao hưng” là chỉ rõ ý sao lược. Ở đây nói khoa châm chước là chánh rõ mưu lường xử, trước sau tên khác cộng thành một ý.

Nói Chánh kinh, chánh là nhập vào các chánh lục, Kinh là dạy pháp dạy thường, tên gồm chung riêng, gồm cả ba tạng, riêng ở Tu-đà-la, nay đây từ thông để thâm các bộ. Trong luật, luận Tiểu thừa lại chia làm ba, ban đầu rõ các luật, nói đủ là Ma-ha Tăng-kỳ, Hán dịch là Đại Chúng (từ chúng làm tên tức hàng của nội bộ). Đàm-vô-đức cũng gọi là

Đàm-ma-cúc-đa, Hán dịch là Chánh Pháp, cũng nói là Pháp Hộ, Pháp Cảnh, Pháp Mật (từ người mà biết tên). Tát-Bà-Đa, hoặc nói là Tát-Bà-Đế-Bà, Hán dịch là Hữu (cũng gọi là Nhất Thiết Hữu, từ chấp mà đặt tên). Di-sa-tắc, Hán dịch là Bất Trước Hữu Vô Quán. Ca-diếp-di cũng gọi là Ca-diếp-tỳ, Hán dịch là Trùng Không Quán (cũng từ chấp mà đặt tên). Sáu bộ trên, bốn bộ trước, Giới bốn quảng luật Hán đã dịch, tức căn bản được một, năm bộ kia được ba. Dịch truyền thời đại, đủ như trong Giới Sớ. Hai bộ sau y cứ vào phi, như sao nay đã dẫn, tướng nhân nêu đó biết tên mà thôi. Chú rằng: “Y đại tập, nghĩa sao đã dẫn”. Ba tạng truyền miệng và Di giáo, Pháp, Luật, đều dùng Tăng-kỳ nêu vì năm bộ đã nêu khác nhau, cho nên ở đây chỉ bày.

Tỳ-ni kế sau nêu các luận, khoa này đã nêu tên là luật, cũng gọi tên Giới Luận. Bà-sa, Thành Thật, v.v... tự trình bày kinh luận, người xưa không hiểu nói rằng “luận Tiểu thừa” truyền lầm rất lâu. Đa Luận, người sau chú và truyền tức thầy trò truyền. Luận chú chép: “giải thích Chánh Lượng Bộ”, đây cũng trong Thượng Tọa Bộ chia ra, luật này không đến Trung Hoa, tức rõ luận là sở tông. Chân Đế ở đời Trần, dịch ba tạng kinh, nêu ra Sớ năm quyển giải thích luận, văn kia chưa lưu hành đến Đông nam.

Ngũ Bách Vấn Pháp cũng nói là Ngũ Bách Vấn Sự kinh, nêu cốt yếu luật nghi Lương Võ Đế Tập 20 quyển, tự ba quyển sau chỉ rộng. Như Tam Thiên oai nghi, Luật Tỳ-Bạt quyết chánh hai bộ luật luận, v.v... đều là bộ của luật (có thuyết nói hai bộ, mười tám bộ, hai mươi bộ, hoặc nói rằng: Kinh Di giáo, Ái Đạo, v.v... đều sai). Kế là hai Luận trong kinh luận cũng tức đại tiểu, đây gồm hóa giáo. Trong kết lược, Phí trường phòng sau Chu Cao Tăng, Chu Võ diệt pháp là Học Sĩ dịch kinh. Văn Đế đời Tùy vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy soạn Lịch Đại Tam Bảo Lục, 15 quyển, nay thấy trong Đại Tạng.

Kế rõ dị chấp, trong nêu có người cho là hai Sư Thông, Phú ban đầu truyền Tứ Phần, Tổ Sư không hợp khoa làm dị chấp. Nay cho rằng nói dị chấp là tên các chấp kia, thì có gì mà chê? Dầu cho vọng hiểu, đâu không suy nghĩ chỗ bấp thọ trước của Sư cũng nêu ở sau. Lại trước nói rằng: “Năm bộ dị chấp” thì bộ chủ của sở tông cũng ở trong đó, sao lại hòa theo Thông, Phú ư? Chẳng phải bậc Thánh thì không pháp tức người đây. Trong nêu bày đã nêu các Sư và nêu ra Cao Tăng Truyện, xưa ghi rộng dẫn, nay thì khác, nếu y chỗ chép lại nào khó, nhưng e lống công, phí thời giờ lẫn lộn ý chỉ Sao, hẳn muốn biết thì lấy truyện mà tìm hiểu. Nay chỉ nêu tên, lược chú Sư bấp thọ.

- Pháp Thông (vốn người đời Ngụy, vốn học Tăng-kỳ, ban đầu truyền luật Tứ Phần, truyền luận rằng: “Từ ban đầu thấy khai luật hiệu là Pháp Thông).

- Đạo Phú (đệ tử của Pháp Thông, Pháp Thông chỉ truyền miệng, Đạo Phú bèn soạn Sớ sáu quyển, truyền luận rằng: “Chỉ là khoa trưởng đến nghĩa cử thì chưa nghe ở đời”.

- Tuệ Quang (từ Quang đến Huy đều là người đời Bắc Tề, Quang y theo ban đầu soạn Sớ 10 quyển, sau cắt thành bốn quyển, cho nên nói rằng “lưỡng xuất”.

- Hồng Lý (Sao hai quyển)

- Đàm Ấn (Sao bốn quyển)

- Đạo Lạc (Sao bốn quyển, ba Sư đều là đệ tử của ngài Tuệ Quang)

- Hồng Tuân (ban đầu nương học Đạo với Đàm Ấn, sau nghe Đạo Huy giảng, làm Tăng Thống cả nước cho nên lấy tên này.)

- Hồng Uyên (bẩm thọ Hồng Tuân, sau soạn Sớ, không biết nhiều ít)

- Đạo Vân (Sớ chín quyển, Sao một quyển)

- Đạo Huy (Sớ bảy quyển)

- Pháp Nguyễn (ba Sư trước đều là môn nhân của Tuệ Quang, Pháp Nguyễn người đời Tùy, Sớ mười quyển, Sao hai quyển)

- Đạo Hồng, Pháp Thắng, Trí Thủ (đều người đời Tùy, nương Hồng nghe học, ban đầu được truyền thừa của Tổ Sư)

- Pháp Quang (đệ tử của Hồng Uyên, Tổ Sư cũng thường theo học một tháng, hiện nay số vẫn còn)

- Cơ Sư (Tăng truyện không chép)

Trong kết chỉ là Đàm Viện (người đời Tùy)

- Tăng Hựu (người đời Lương, tức tiền thân Tổ Sư, hai thầy đều trước học Thập Tụng sau truyền luật Tứ Phần, không rõ soạn thuật)

- Linh Dụ (người đời Tùy, Sớ năm quyển)

- Hồng Biểu, biểu là ngoài, hoặc nói rằng Hồng Ngoại, Hồng Tả đều chỉ cho Ngô Việt, ở ngoài Giang Hán. Quan nội tức kinh, chẳng phải Giang Nam tức Lạc Dương. (từ 177) Thục ô tức hai châu Đông Tây.

Chỉ cho nghĩa Sớ, chưa thấy văn kia, trước nay chỗ rõ đều là Sao, bài tựa trước chép rằng “Bao cả dị bộ”..., bốn câu bao gồm có thể thấy, Lạc trong Dị Chấp truyền diễn tuy nhiều mà không ngoài sáu chấp, cũng như trên đã dẫn.

Kế nói về ngũ kinh. Một, là đời phần nhiều không biện tùy được lạm dụng. Hai, là sự trái chánh điển, trái là chấp cứ, như ba trăm phước phạt, ba mươi sáu thạch, các lương thực. Năm bộ năm mẫu y, dùng tiền mua đồ ăn Phật, v.v... đều như sau phá. Nay tông trích dẫn đều y cứ chân văn, khiến người sau học sinh tín, hành sự không nghi, ý chương này như vậy.

Trong nêu bày, kinh luận tham nêu hai mươi lăm bốn, kinh có mười bốn, luận có mười một, ở trong ấy Chư Phật đều có hai bốn chân ngũ. Tông khác hoặc dẫn đều chánh bốn, kết chệ bai có thể biết. Tùy Văn Đế ra lệnh trong Trường Phòng Lục chỗ không thâm đều đem đốt, xem xét đó không hết, đương thời vẫn còn dùng cho nên đây chệ, nhưng Ni sao, Nghĩa Sao hoặc lại trích dẫn, chưa rõ ý gì? Trong Sao Hưng nêu nói là “bốn ý”, sau nói rằng “gặp cơ có dùng đồng với ở đây”.

Trong phần Chánh thức nói khoa ban đầu gom nhiều về ít cho nên nói là “nhiếp lược”, nêu một chung các tên để bao gồm, còn bao nhiêu như trước giải thích.

Khoa kế, trí là hiểu biết, lượng là đo lường xem nhẹ. Du ngôn tức tự chỗ sao lại đạo pháp. Hai chấp có, không đều là sai trái, bốn chấp công kích nhau gọi là hí luận, nay lược lật các sách, lấy bỏ của các nhà địch, e nghi đồng kia cho nên phải ngăn đó.

Trong chánh tông, văn ban đầu, câu trên suy tôn thấy rõ sự sai trái tự dứt, câu kế trình bày nỗi lòng của mình, nói cần bỏ đi. Thường sau chánh tự lại lược bỏ bớt. Hai câu đầu nêu xem xét. Phú nghĩa là lật trở. Bốn câu sau nói về chỗ san (lược), một việc nêu ít so sánh với nhiều, một việc còn vậy hướng gì hành sự một bộ thì phiền nhiều kia có thể biết. Trong văn, phiền nhiều có hai lớp:

1- Phế lập nhiều: Các nhà hưởng về nhau.

2- Tình chấp nhiều thì các nhà tự luận.

Nay sau nêu bày hay san cũng có hai:

1- Toàn bỏ san: Như pháp thọ giới và mười ba nạn yết-ma giới bốn, v.v... đều rộng nêu nghĩa môn, nay sao không chép.

2- Đối phá san: Như sau chỉ nói rằng “các thuyết khác nhau, giải xưa nhiều đường, bỏ nghĩa xưa, v.v... mà không ủy dẫn thuyết kia.

Như vậy tự nhiên giới thể rộng hẹp, vuông tròn, ba tiểu lập tướng an cư, thọ nhật, v.v... đều phần nhiều xưa giải mỗi mỗi nêu phá. Đây chỉ nêu thẳng nghĩa nay, dẫn bày giáo pháp, chứng minh để được lòng tin, cho nên nói “nay đều đồng”. Lại dẫn một việc, bao nhiêu y theo đó mà rõ, như sau hỏi rằng: giới tự nhiên là vuông hay tròn?



Đáp: Xưa nói nhất định là vuông (sau dẫn thuyết kia thì san lược). Sau dẫn Luật Thập Tụng, Bốn Luật, luật Ngũ Phần, Thiện Kiến, Liễu Luận, v.v... vẫn nói là “rộng dẫn thành chứng minh nhất định là vuông phải bỏ đó (đây nghĩa là chỉ giữ văn chứng minh). Đầu đề văn san phiên chỉ y cứ theo đây, như trên đã nêu tưởng không hoặc.

Chỉ bao nhiêu trong nghĩa, nhưng nay sao này đều tùy san lược mà các Sư giải thích chưa hẳn hoàn toàn sai, hoặc chương nghĩa mở cửa nẻo kia, hoặc hỏi đáp giải thích chỗ sâu xa nhỏ nhiệm, vì sao trong đây một bề trừ bỏ? Văn rõ ý này y cứ hợp giữ, chỉ do khó hiểu, không xem thường người mới học. Cho nên riêng vì một bộ gọi là Nghĩa Sao, vẫn có ba quyển, quyển hạ đã mất, cho nên nay chỉ văn kia phần nhiều bị thiếu. Nghĩa sao khởi đầu mỗi rõ văn ở đây, xưa phần nhiều nói sai, hoặc nói “hai Sơ dư”, hoặc nói “hai sơ khỏe bốn”, như riêng đã phá. Nói đủ là “Thiệt Tỳ-ni Nghĩa Sao, ở đây chỉ nói lược, dùng chữ “Tập” thay vào. Sau riêng nói Nghĩa Sao, Biệt Sao, đều dụ cho ở đây.

Trong Văn thông văn dung, bao nhiêu luận khác gọi là Nghĩa giải, dung thuyết kia là rõ kia có thể giữ. Hai câu trên rõ sâu xa của nghĩa, từ hai câu dưới rõ không ích cho sơ tâm. Nói thông giải là người có mắt biết rộng hiểu sâu, đủ dưới chánh chỉ văn kia, rõ trong không đủ ngăn sự nghi ngờ ở đời rằng: “Nghĩa chánh giáo ba tạng không sửa chữa, vì sao trích dẫn liền có lấy bỏ?”, cho nên ở đây giải thích dẫn chứng cứ. Ban đầu rõ ý lấy, kham vào tông, hợp hành sự nay. Từ sau chỉ các chỗ khác, tóm yếu bao gồm là sở tông của Sao, bàn ngang văn phần nhiều là điều kỳ ngày nay, nên nói là “chẳng phải ý của Sao”, cho nên ở sau dẫn chứng.

Ban đầu dẫn bốn luật đưa ra ba mươi quyển, kế dẫn Mẫu Luận đưa ra thứ sau, đều là Tỳ-kheo nói pháp cho người không thể nói rộng, bạch Phật, nên cho văn luật đủ, dẫn luận lược lời bạch cốt yếu nghĩa là tinh yếu phải gồm nhiếp. Diệu tức là khéo léo thích hợp căn cơ. Bày chỗ làm là ý của sao. Kế vọng tức là phỏng vấn. Trên rõ pháp có thứ lớp không nhờ tìm nơi khác, sau rõ sự chuẩn thừa, không nghi ngờ được mất, đến cơ có dụng, hai câu tức sự tức hạnh đối nhau, lời khác nghĩa đồng, bốn câu này là đại tông của một bộ, riêng khác các thầy vượt cao chín đời, suốt cả ý chỉ khéo léo của Như lai mở môn giải thoát chúng sinh.

Tam Bảo sở dĩ trụ trì, năm thừa sở dĩ phát huy là do công phu này, là do đề mục hành sự ở đầu đề, lời dạy bảo khắp ở một bộ, hề dẫn dắt chúng là do môn này. Thiên, giáo tuy khác mà đều nhận ơn, muốn tìm

rộng giúp có thể nói kể hay sao?

Ngăn vọng thêm tức là Thánh ý, xa xem vị lai đều khởi giải thích, quyết trái bổn thú cho nên ở đây ngăn. Ban đầu chép vọng thêm: Không là việc gấp, tức chương ký các Sư đang hiện hành ở đời, hoặc rộng bày pháp tướng, hoặc nhiều tạp sách thế tục, cuồng che tông Tổ làm mờ mắt trí, xin rõ lời dạy của Thánh, tự có thể xét, khiến sau kể rõ lỗi hoạn. Câu trên rõ hoại giáo, nay Sao trước sau đều khảo cứu Thánh điển, nên nói là “Chân tông”. Câu kể rõ hạnh mê, giáo hạnh cả hai đều quên thì phá giới làm ác, chẳng phải Sa-môn, như loài chim chuột, ở đây xuất xứ từ kinh tạng Phật. Kia rõ Tỳ-kheo không tu giới hạnh, chẳng phải đạo, không phải thế tục, giống như con dơi chẳng phải chim cũng chẳng phải chuột, dẫn đủ như trong thiên tụ, ý cho là Sao, đây đã cùng người biết nâng lên, do kia uế tạp, sau tiến lại mê, nên nói là “Lại giữ”.

Tư Nhật là thông chỉ chung thời này, tức người học ngày nay chuyên nghiên cứu chương ký, tranh nhau giảng nói biện luận để làm kỹ năng cho mình, thân phạm tội nặng Ba-la-di, miệng nói giữ tội nhẹ Đột-cát-la, tự cho là tinh thông, rõ là trộm tướng, lại tổn hại của bốn phương. Khéo hiểu khoa âm, càng mê mờ ba đường, chiều nhai nuốt mà còn nói giới không ăn quá ngọ, tối uống rượu mà vẫn bàn giới cấm rượu. Trước mặt người thì xem xét tướng mạo, đối hiện oai nghi, ở chỗ vắng thì không hề kiêng sợ, bọn này trông thấy chữ đâu là nói dối. Bởi lầm trái chương ký, lại là sự tâm thường của thầy không khiến dạy với không khiến, người mù dẫn bọn dui, Chân tông Tổ Sư gần bật từ đây, khi gặp ý này bất giác thở dài, nhân ghi văn này càng thêm đau xót, tự chẳng phải bậc Thánh xem xét thì ai thấy được lòng buồn của tôi.

Trong tổng kết, ba câu trên kết trước, tóm lại thì nghiệm mười môn, chẳng phải tựa riêng đã nói. Các môn tức các thiên dưới, thì rõ trong giáo khởi chỉ các môn chẳng phải chín môn đã rõ. Triết biện, như sau chỉ rộng có thể biết. Biện luận thì ba mươi thiên, vọng tựa là riêng đã rõ. Đoạn lớn thứ ba chỉ bày hành tướng đã nói, ban đầu trong bày chung là nhà ở, cửa Phật rộng lớn dung nạp trong đó dụ như biển. Tăng bảm thọ sự giáo hóa của Phật liền ở trong đó, như phạm trọng cấm gọi là biện tội, nghĩa là trôi ra ngoài biển Phật pháp. (tờ 178) Lưu tức là nước pháp có thể nẩy mầm các vật, cho nên so sánh với nước. Xí dự là nắm chúng, đây rõ thân Tỳ-kheo đầy đủ Tam Bảo, chỗ tu pháp hạnh tuy vẫn muôn đường, do chúng tự cùng nhiếp không đâu chẳng cùng tận, nhưng y cứ hạnh thể chỉ là hai trì, chỉ đến trong việc làm chọn riêng một mẫu. Tăng làm pháp yết-ma cho là chúng hạnh, còn bao nhiêu tạp pháp

chung qui về cộng hạnh. Muốn cho hai phần cương mục chúng khác không lạm cho nên nói rằng “chỉ ba vị”. Trong biệt đối, ban đầu rõ tự hạnh, câu trên rõ bền chí nhiếp tu, câu kế chỉ bày học biết giáo tướng, ra khỏi Thánh đạo không giống tà thuật, cho nên nói là “chánh giới”, vẫn chỉ thể tướng quyết đủ pháp hạnh, thể phụ giải thích tướng, tướng gồm bốn thiên, hai chữ “cố thử” gồm ở quyển trung.

Từ sau kế rõ các hạnh. Câu trên tiếp trước, câu kế chánh chỉ bày. Hễ làm tăng sự hẳn trước lựa chúng, cho nên cần thể trong sạch mới nên thừa bạch. Nói cương lãnh là đối mao mục ở sau. Giúp nhiếp trụ trì còn ở chúng pháp, tùy sự tu trì ở nơi hạnh riêng, chúng pháp còn thì biệt hạnh tu, cương lãnh nêu thì mao mục chánh. Trên, dưới, tác trì, phân chia ở đây, tự tha dưới rõ cộng hành. Câu trên chỉ bày hành tướng, hễ làm đạo chúng, kia và ta đồng cần tức là cộng nghĩa, cho nên nói là “hai đức”, đức cũng là hạnh. Câu sau rõ phiền nhiễu, trừ Tăng làm pháp yết-ma, tất cả tác hạnh đều qui về cộng thân, chỉ cộng hành đây nhiếp nhau rất rộng, cho nên nói rằng “nhiều đường”. Hoặc có thể câu trên tiếp hai hạnh trước, câu kế tránh bày hành tướng, nghĩa là quyết cần cộng hành giúp thành tự chúng, cho nên nói rằng “thành tướng có nhiều đường”.

Hỏi: Hai hạnh tự chúng cũng chế đồng dẫn dắt, đâu chẳng phải lạm nhau hay sao?

Đáp: Tự hạnh thì hộ thể phòng tâm, nghĩa là chẳng phải cùng cái khác, chỉ làm thể riêng, ở đây không ở lời để bàn các hạnh. Làm lụng sự nghiệp phần nhiều vì người khác, nghĩa chẳng phải hạnh thường, có duyên mới nêu. Cộng hành không phải như vậy, nhật dụng thường cần, là tăng đều bảm thọ chương mục riêng, như y, thuốc, bát, đồ đựng kim, mời dẫn đạo người đời v.v..., so sánh hai hạnh của tướng riêng có thể biết. Nhưng đề mục ba hạnh, người xưa đã truyền, nếu lấy văn này rõ nêu tự hạnh, lại trước nói rằng quyển thượng thì nhiếp việc chúng, tức tự chúng hai hạnh danh nghĩa rõ ràng chỉ là cộng hạnh. Tuy là không văn nói hai đức, nghĩa lấy không sai, xưa phần nhiều vọng giải không khỏi lời nhiễu (xưa nói rằng bốn vị yết-ma là chúng hành, một vị tâm niệm là tự hành, hai vị là cộng hành là sai).

Hỏi: Văn trước đã chưa, vì sao lại buộc?

Đáp: Trước xếp vào năng thuyên thì dùng văn nhiếp hạnh, ở đây nói sở thuyên thì chỉ hạnh ở văn. Tuy văn hạnh đều rõ mà cả hai chánh ý đều riêng.

Hỏi: Trước quyển thượng ở đâu, đây thì chỉ có quyển trung làm đầu, vì sao lại không đồng?

Đáp: Ý như trên đã giải thích.

Hỏi: Nếu vậy vì sao không y theo thứ lớp hạnh để tự hành làm quyển thượng?

Đáp: Đây có hai ý: 1- Y cứ thứ lớp của hạnh thì trước chỉ sau tác, tự hạnh hợp đầu. 2/ Y cứ sự hơn kém thì trụ trì công lớn chúng cần để ở đầu. Cho nên tựa luật nói rằng: “Do chúng hòa hợp cho nên Phật pháp được lâu dài”, nay lấy ý sau như văn đã nêu.

Trong song kết, cả hai giáo hạnh đủ nhiếp hết các căn cơ. Hai câu đầu khoa kế là nêu khó, nghĩa là sự tùy thiên loại, thì khiến ba hạnh xen có gởi vào, như quyển thượng nêu tông cũng rõ pháp thể hành tướng và xả giới, sáu niệm, riêng người, nói tự tứ, biết nghi, phát lồ, v.v... thì chúng hạnh gồm tự và cộng. Lại quyển trung, trong sám sáu tụ, chúng biết hồi pháp thì tự hành gồm chúng và cộng. Quyển hạ, nhiếp y, nhiếp thực, vật của người chết v.v... các pháp yết-ma và tạp hạnh v.v... thì cộng hạnh gồm tất cả Chúng và Tự. Ba hạnh xen nhau không thể xếp riêng vào một loại, cho nên nói là khó. Như sau giải thích cái khó ấy, tương thành lỗi nhiều, thiếu.

Hai câu trên bày lỗi thiếu lược. Đường dài tản giải thích, nghĩa là không ước thâu tóm ba hạnh. Ít thảo luận nghĩa là không xứng cơ. Do lời không chỗ qui thú, người khó xem xét, cho nên hai câu sau nói về lỗi phiền tổn. Lời công chia, nghĩa là theo quyển tùy thiên, rõ ba hành lựa xếp. Lỗi ở phiền toái là loạn giáo chỉ. Trong ba hạnh đầu nêu bày, nay phán. Hai câu trên chánh bày hai lỗi đối phiền. Tùy nghi là lìa lỗi ít thảo luận ở trước. Y cứ lược là phiền trước công chia. Kết chung nghĩa là phần lớn ba hạnh, phiền trên tán giải thích. Chỉ quy là tuy có gần nhau mà nêu hạnh nhiếp thuộc, lìa lỗi phiền toái ở trên. Hai câu dưới rõ ý, khiến cho là linh với người sau, giềng mối tức ba hạnh. Mao mục tức các thiên sử song hành tướng, sau kết khuyến, câu trên khuyến học mở sự hiểu biết, câu dưới khuyến tu để thành hạnh. Tái là lặp lại.

